TÔN NAM KIM

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

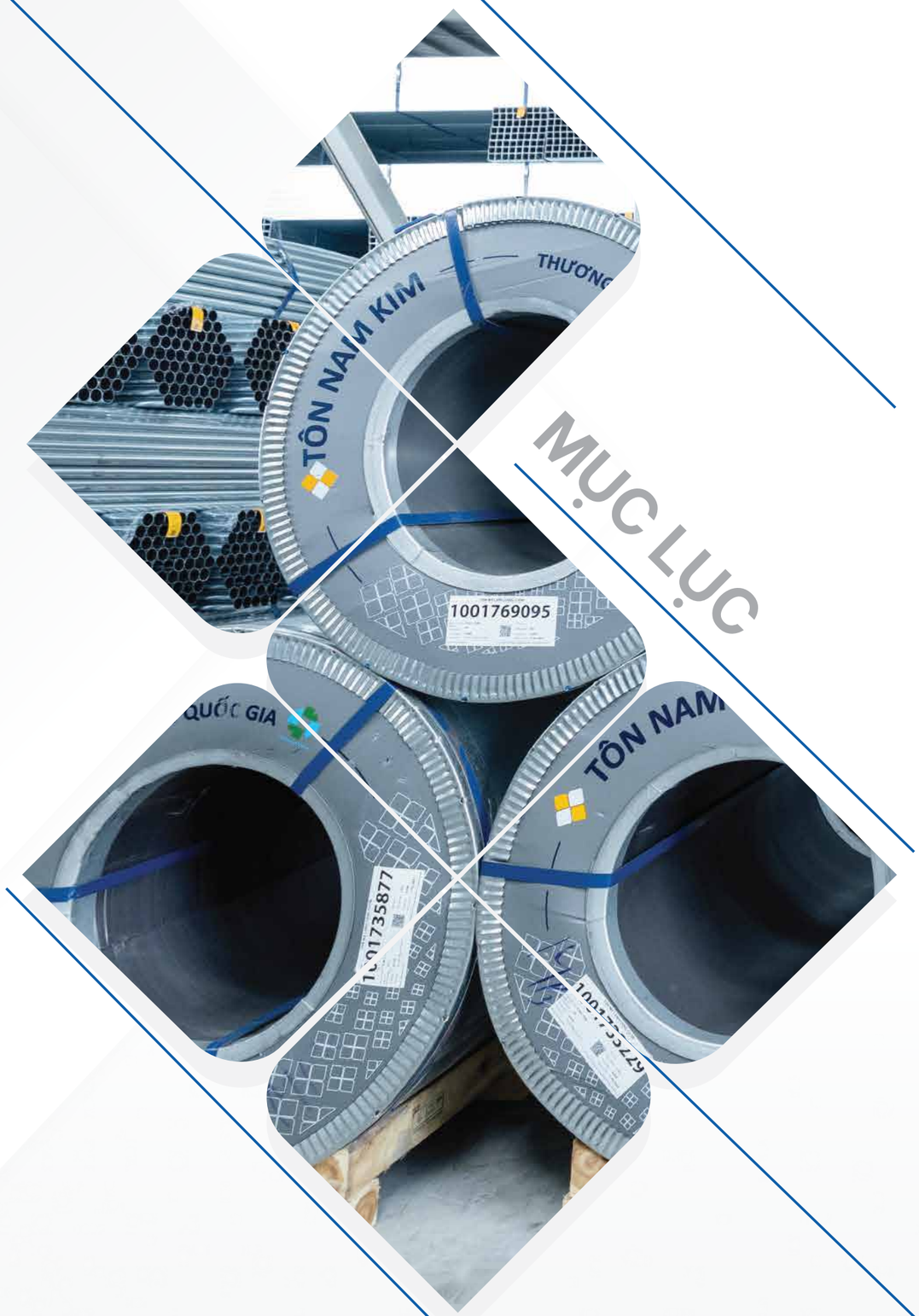
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2022

MÃ CHỨNG KHOÁN: NKG



QUÉT MÃ QR
ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN



MỤC LỤC

1 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin công ty 6
Thông tin liên hệ 6
Triết lý kinh doanh, định hướng phát triển 7
Tầm nhìn 7
Mục tiêu chủ yếu 7
Giá trị cốt lõi 8
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị 9
Thông điệp của Tổng giám đốc 11

2 GIỚI THIỆU TÔN NAM KIM

Quá trình hình thành và phát triển 15
Dấu ấn Tôn Nam Kim 2022 17
Thành tựu và giải thưởng 19
Mô hình quản trị 21
Cơ cấu tổ chức 23
Hội đồng quản trị 25
Ban Tổng giám đốc 26
Ban kiểm soát 27
Dây chuyền sản xuất 29
Sản phẩm 35
Thị trường và hệ thống phân phối 49

3 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2022

Vĩ mô 2022 53
Ngành thép 2022 57
Tôn Nam Kim 2022 59
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc 62

4 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo của Hội đồng quản trị 69
Hoạt động của Hội đồng quản trị 71
Báo cáo của Ban kiểm soát 72
Quản trị rủi ro 75
Cổ phiếu NKG 79

5 PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tầm nhìn bền vững 83
Tối ưu hiệu quả kinh tế 84
Củng cố, phát triển nguồn nhân lực 86
Bảo vệ môi trường thiên nhiên 89
Đồng hành với cộng đồng, xã hội 90

6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin công ty 6
Thông tin liên hệ 6
Triết lý kinh doanh, định hướng phát triển 7
Tầm nhìn 7
Mục tiêu chủ yếu 7
Giá trị cốt lõi 8
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị 9
Thông điệp của Tổng giám đốc 11



Nâng tầm **giá trị** doanh nghiệp,
phát huy **năng lực** quản trị

Tư duy chất lượng cuộc sống vững bền





TÔN NAM KIM
THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

THÔNG TIN CÔNG TY

Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM**
Tên tiếng Anh: **NAM KIM STEEL JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt: **NAKISCO**
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **3700477019**
Vốn điều lệ: **2.632.778.060.000 VND**
Mã cổ phiếu: **NKG**

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Địa chỉ: **Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**
Số điện thoại: **+84 27 43 748 848**
Số fax: **+84 27 43 748 868**
Website: **www.tonnamkim.com**
Email: **info@namkimgroup.vn**

"Cải tiến chất lượng không ngừng" là tinh thần nhất quán trong tất cả các mặt hoạt động của Tôn Nam Kim nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ, gia tăng lợi ích của khách hàng. Từ đó mang lại sự tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.

TRIẾT LÝ KINH DOANH, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN

Sản phẩm mang thương hiệu Tôn Nam Kim được khách hàng trong nước và quốc tế nhìn nhận ở phân khúc chất lượng cao.

MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Với phương châm "Cải tiến và đổi mới không ngừng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp", đem đến cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cùng với chính sách chăm sóc chu đáo và giá cả cạnh tranh. Tôn Nam Kim sẽ không ngừng tích lũy, nâng cao năng lực tài chính, năng lực cạnh tranh, đổi mới năng lực quản lý, mô hình kinh doanh, nâng cao chất lượng sản phẩm theo chuẩn quốc tế để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường trong và ngoài nước. Thông qua đó, giữ vững vị trí là một trong 3 đơn vị đầu ngành về thị phần tôn thép mạ toàn quốc, với mục tiêu đạt và duy trì ở mức trên 20%.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

VĂN HÓA HỌC HỎI, CẢI TIẾN VÀ ĐỔI MỚI KHÔNG NGỪNG

Tinh thần cải tiến chất lượng không ngừng được nhất quán xuyên suốt trong tất cả các mặt hoạt động, trở thành một nét văn hóa trong các bộ phận, các cấp trong doanh nghiệp. Tôn Nam Kim đầu tư công nghệ hiện đại, xây dựng hệ thống quản trị khoa học, xây dựng các chương trình đào tạo nguồn lực con người nhằm giữ vững và phát huy giá trị cốt lõi.

VĂN HÓA HỌC HỎI

Tôn Nam Kim luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng chất – nâng tầm cho Cán bộ công nhân viên, từ đó xây dựng niềm tin và sự gắn bó lâu dài giữa CBCNV và Công ty. Mỗi cá nhân đều luôn có cơ hội học hỏi trong mọi hoàn cảnh và bằng nhiều hình thức như đào tạo hội nhập, đào tạo trong công việc, đào tạo chuyên môn, đào tạo quản lý… người đi trước có nhiều kinh nghiệm truyền dẫn cho lớp trẻ để tạo nguồn nhân lực kế thừa, đưa CBCNV đến học hỏi tại các tập đoàn, công ty lớn trên khắp các châu lục, tham gia các hội thảo chuyên ngành uy tín trong nước và quốc tế. Việc là thành viên của Hiệp hội Thép Việt Nam cũng tạo cơ hội cho CBCNV giao lưu học hỏi lẫn nhau giữa các doanh nghiệp trong nước.

CẢI TIẾN VÀ ĐỔI MỚI KHÔNG NGỪNG

Mỗi thành viên của Tôn Nam Kim đều là người tiên phong trong lĩnh vực, trách nhiệm của mình, sáng tạo mỗi ngày, tìm tòi ý tưởng mới và tạo điều kiện áp dụng vào thực tế để nâng cao hiệu suất và chất lượng công việc. Tất cả con người Tôn Nam Kim đều luôn nỗ lực không ngừng bám sát các quy chuẩn, quy trình trong sản xuất, kinh doanh, tổ chức. Tiên phong khám phá, đón đầu xu hướng và để tạo nên những sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, thẩm mỹ cao, chất lượng dịch vụ bán hàng và hậu mãi tốt.

Tiên phong đầu tư công nghệ máy móc hiện đại, sử dụng nguồn nguyên liệu từ các tập đoàn hàng đầu thế giới, luôn lắng nghe nhu cầu và xu thế khách hàng và người tiêu dùng cũng là các tôn chỉ để thực thi giá trị cốt lõi cải tiến và đổi mới liên tục.

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng, Cán bộ công nhân viên và Đối tác

Năm 2022, lạm phát và những biến động về nguyên liệu đã khiến cho mọi kỳ vọng về một năm kinh tế thăng hoa tan biến. Đặc biệt, lãi suất cho vay tăng cao trên toàn cầu đã khiến mức chi tiêu và đầu tư của người dân co hẹp một cách nhanh chóng. Với tình hình trong nước, thị trường bất động sản đang chứng kiến sự thiếu hụt thanh khoản sau khi đã phát triển quá nóng trong giai đoạn 2018 – 2022. Hậu quả của những sự kiện không tích cực đã khiến hàng loạt những doanh nghiệp lớn phải cắt giảm lao động, co hẹp lại sản xuất.

Ngành tôn mạ - ống thép cũng không nằm ngoài vòng xoáy tiêu cực đấy. Sự liên kết giữa bộ ba "lãi suất – bất động sản – tiêu dùng" trở nên cực kỳ nhạy cảm khi cả ba cấu thành đều suy yếu trong năm 2022 và dự kiến tiếp tục sụt giảm trong giai đoạn 2023. Giá thép – tôn mạ trong năm 2022 liên tục sụt giảm nhưng giá các nguyên liệu đầu vào như HRC, than nhiệt, vận tải, khí đốt… đều tăng cao hoặc giảm chậm hơn giá bán đã khiến ngành thép – tôn mạ Việt Nam chuyển sang gam màu xám chỉ trong vòng nửa cuối năm 2022.

Kết thúc năm tài chính 2022, Tôn Nam Kim đạt doanh thu 23.128 tỷ đồng, hoàn thành 82% kế hoạch. Tổng tài sản năm 2022 ở mức 13.460 tỷ đồng, và đặc biệt nhất Tôn Nam Kim đã hoàn tất trả các khoản nợ dài hạn, sự an toàn trong tài chính vẫn đang duy trì ở mức cao nhất.

Ở khía cạnh về phía Công ty, thay mặt Hội đồng quản trị của Tôn Nam Kim, chúng tôi rất thấu hiểu những nỗ lực từ Ban lãnh đạo và sự sâu sát trong từng chỉ đạo hay biến động từ thị trường. Bước sang năm 2023, Hội đồng quản trị đánh giá đây là năm khó khăn vẫn sẽ tiếp diễn và còn rất nhiều biến động khó lường sẽ xảy ra. Do đó, trọng tâm của Tôn Nam Kim trong năm 2023 sẽ xoay quanh những định hướng sau:

- Kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh và chi phí đầu tư để đạt được hiệu quả.

- Nâng cao vị thế cạnh tranh ở thị trường nội địa, giữ vững mối liên kết hiện có ở thị trường xuất khẩu và mở rộng ra các thị trường mới. Tiếp tục nghiên cứu thị trường để nắm bắt thị hiếu khách hàng.

- Nghiên cứu các sản phẩm từ hợp kim mới, có độ bền cao, thân thiện với môi trường, hướng đến sản phẩm thép xanh, nghiên cứu thêm các sản phẩm phù hợp với thị hiếu và tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao tính cạnh tranh của Tôn Nam Kim trên thị trường xuất khẩu. Tăng tỷ trọng những mặt hàng có biên lợi nhuận dựa trên quy trình sản xuất khép kín của Tôn Nam Kim.

- Tiếp tục duy trì sự ổn định trong bộ máy tổ chức, đảm bảo an sinh cho CBCNV; hoạt động sản xuất & kinh doanh phát triển theo mô hình kinh tế bền vững, tạo ra giá trị cho xã hội và cộng đồng.

- Những kế hoạch sản xuất và kinh doanh tiếp tục bám sát với thực tiễn, duy trì sự an toàn trong cơ cấu tài chính; gia tăng nội lực, tạo tiền đề phát triển trong tương lai.

- Thực hiện công tác quản trị tài chính doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế tài chính của Công ty, sử dụng hợp lý các nguồn vốn vay.

Doanh nghiệp hiểu rằng trong năm 2023, thách thức sẽ là rất lớn và yêu cầu doanh nghiệp liên tục thay đổi để thích ứng và phát triển. Thay mặt cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể CBCNV của Tôn Nam Kim, tôi chân thành cảm ơn Quý Cổ đông đã đồng hành cùng Tôn Nam Kim trong suốt những năm qua, cả trong những ngày bĩ cực đến những ngày thăng hoa. Tôi mong rằng sẽ tiếp tục nhận được sự tin yêu, ủng hộ của Quý vị trong những chặng đường phát triển kế tiếp của doanh nghiệp.

Trân trọng,

HỒ MINH QUANG
Chủ tịch Hội đồng quản trị



THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa Quý Cổ đông, Khách hàng, Hội đồng quản trị và toàn thể CBCNV

Khởi đầu năm 2022 với nhiều kỳ vọng nền kinh tế trong nước và quốc tế phục hồi sau đại dịch. Tuy nhiên, những sự kiện địa chính trị quốc tế bất ngờ xảy ra càng làm suy yếu trầm trọng nền kinh tế toàn cầu, đảo lộn mọi dự báo. Thêm vào đó, những bất ổn nội tại của nền kinh tế trong nước dần bộc lộ như thị trường bất động sản đóng băng, rủi ro trái phiếu, tín dụng tắc nghẽn, lãi suất tăng cao… đã đẩy môi trường kinh doanh trong nước đầy rủi ro và bất trắc.

Tôn Nam Kim hoạt động trong ngành hàng có tính liên thông rất lớn giữa các thị trường một cách sâu rộng, nhạy cảm với những biến động vĩ mô trong nước và quốc tế. Do đó, doanh nghiệp luôn đối diện với những biến số khó lường có thể ảnh hưởng tức thời đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2023 và các năm tiếp theo nền kinh tế trong nước và quốc tế được dự báo vẫn đối diện với những bất ổn, môi trường kinh doanh đầy rủi ro, đặc biệt sức mua giảm sút. Do vậy, quan điểm của Ban điều hành Tôn Nam Kim là thận trọng, bám sát những diễn biến ngắn hạn, thích ứng linh hoạt, nhanh chóng với những thay đổi bất ngờ nhằm tận dụng thời cơ hoặc giảm thiểu những rủi ro, thực hiện mục tiêu đã đề ra.

Trân trọng,

VÕ HOÀNG VŨ
Tổng giám đốc



GIỚI THIỆU

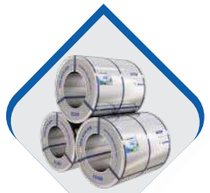
Quá trình hình thành và phát triển	15
Dấu ấn Tôn Nam Kim 2022	17
Thành tựu và giải thưởng	19
Mô hình quản trị	21
Cơ cấu tổ chức	23
Hội đồng quản trị	25
Ban Tổng giám đốc	26
Ban kiểm soát	27
Dây chuyền sản xuất	29
Sản phẩm	35
Thị trường và hệ thống phân phối	49



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2022

Với định hướng chiến lược **"NÂNG CAO GIÁ TRỊ, KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ"**, Công ty đã ra mắt dòng sản phẩm AZ200, bảo hành đến 25 năm và kiện toàn toàn bộ bộ máy quản lý giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Chủ động xây dựng các kịch bản thị trường giúp kiểm soát tối ưu rủi ro trước diễn biến của tình hình kinh tế thế giới.



2021

Khởi công xây dựng kho hàng tập trung và Nhà máy ống tại KCN Mỹ Phước 3, Bình Dương. Chung tay nỗ lực tích cực phòng chống đại dịch, chăm lo đời sống CBCNV. Vừa chống dịch vừa đảm bảo sản xuất chất lượng và an toàn. Công ty tiếp tục định hướng chiến lược CỦNG CỐ NĂNG LỰC NỘI TẠI trong giai đoạn 2020 – 2022, hướng đến phát triển bền vững.



2020

TÁI CẤU TRÚC HƯỚNG ĐẾN TƯƠNG LAI

Tôn Nam Kim tái cấu trúc thành công, vượt qua năm 2020 đầy thử thách với kết quả kinh doanh ấn tượng. Ứng dụng hệ thống ERP SAP HANA 4/S.



2018

TỔNG CÔNG SUẤT 1 TRIỆU TẤN SẢN PHẨM/NĂM

Công suất mạ: 1.000.000 tấn/năm.
Công suất tẩy cán: 900.000 tấn/năm.
Công suất ống kẽm: 200.000 tấn/năm.



2016

NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2 HOẠT ĐỘNG

Nhà máy tôn mạ số 2 hoạt động với tổng công suất của Tôn Nam Kim đạt 650.000 tấn/năm.



2015

KHỞI CÔNG NHÀ MÁY ỐNG LONG AN

Khởi công xây dựng Nhà máy ống Long An tại KCN Vĩnh Lộc 2, Long An.



2014

KHỞI CÔNG NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2

Khởi công xây dựng Nhà máy tôn mạ số 2 tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương.



2012

NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1 HOẠT ĐỘNG

Nhà máy tôn mạ số 1 hoạt động nâng tổng công suất Tôn Nam Kim lên 350.000 tấn/năm.



2011

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Tôn Nam Kim niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu NKG.



2010

KHỞI CÔNG NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1

Khởi công xây dựng Nhà máy tôn mạ số 1 tại KCN Đồng An 2, Thủ Dầu Một, Bình Dương.



2002

THÀNH LẬP

Tôn Nam Kim được thành lập với dây chuyền mạ kim loại công nghệ NOF đầu tiên tại Việt Nam.



DẤU ẤN TÔN NAM KIM 2022

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (vị trí 46)

Năm 2022, Tôn Nam Kim tiếp tục được xếp hạng trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (hạng 46, tăng 71 hạng so với năm 2021). Đánh dấu 13 năm liên tiếp Công ty có tên trong bảng xếp hạng này.

Bảng xếp hạng VNR500 – Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam – do Vietnam Report phối hợp cùng Báo điện tử Vietnamnet bình chọn, nhằm tôn vinh những doanh nghiệp đã đạt được những thành tựu xuất sắc trong hoạt động kinh doanh.

VỊ TRÍ **46**

TOP 500
DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

Thương hiệu Quốc gia

Ngày 02/11/2022, Tôn Nam Kim đã được Bộ Công Thương trao tặng giải thưởng "Thương hiệu Quốc gia". Năm 2022 thu hút được sự tham gia của hơn 1.000 doanh nghiệp trên cả nước, trong đó có 172 doanh nghiệp với 325 sản phẩm đạt Thương hiệu Quốc gia Việt Nam. Theo đó, Tôn Nam Kim đạt Thương hiệu Quốc gia lần này là một vinh dự và tự hào, đồng thời cũng là động lực giúp Tôn Nam Kim phấn đấu không ngừng đưa ra thị trường những sản phẩm có chất lượng cao cũng như trách nhiệm với người tiêu dùng và cộng đồng xã hội.

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA NĂM 2022



Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam

Ngày 06/06/2022, Tôn Nam Kim đã được Forbes Việt Nam - phiên bản tiếng Việt của tạp chí kinh doanh hàng đầu thế giới trao tặng giải thưởng "Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam"

Danh sách "Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam" được xây dựng với mục tiêu cung cấp thông tin về những doanh nghiệp niêm yết có kết quả kinh doanh xuất sắc và đem lại lợi nhuận cao cho nhà đầu tư, đồng thời cũng vinh danh và khuyến khích tinh thần doanh nghiệp.



THÀNH TỰU VÀ GIẢI THƯỞNG

2015

Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt năm 2015 cùng danh hiệu Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế do Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam trao tặng.

Vietnam Report phối hợp cùng Báo điện tử Vietnamnet trao tặng các danh hiệu Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 năm 2015 (hạng 174), Fast 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2015 (hạng 297).

2016

UBND tỉnh Bình Dương trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp thực hiện tốt Bộ luật Lao động (2013-2015) và Đề án phát triển lao động giai đoạn (2014-2015).

UBND tỉnh Bình Dương tri ân Công ty Cổ phần Thép Nam Kim đã có nhiều hoạt động bảo trợ trẻ em khó khăn năm 2016.

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 năm 2016 (hạng 169), Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn Việt Nam VNR 500 năm 2016 (hạng 61), Top 50 Doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc nhất năm 2016.

UBND tỉnh Bình Dương trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp thực hiện tốt chăm lo đời sống người lao động năm 2016.

2017

Danh hiệu Top 100 Doanh nhân tiêu biểu tỉnh Bình Dương năm 2017 do UBND tỉnh Bình Dương trao tặng.

Bằng khen Doanh nghiệp thực hiện tốt việc kê khai và nộp thuế năm 2016 do Cục Hải quan tỉnh Bình Dương trao tặng.

Giải thưởng Doanh nghiệp tạo điều kiện tốt cho Công Đoàn hoạt động do Liên đoàn Lao động thị xã Thuận An trao tặng.

Danh hiệu Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2017 do Báo Nhịp cầu đầu tư trao tặng.

Danh hiệu Doanh nghiệp đạt chỉ số tài chính tốt nhất năm 2017 do Viện Nghiên cứu và Phát triển Doanh nghiệp Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam – Báo Diễn đàn doanh nghiệp trao tặng.

Bằng khen đã tham gia tài trợ, góp phần vào sự thành công của Festival Đờn ca tài tử Quốc gia lần thứ II – Bình Dương năm 2017 do Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương trao tặng.

Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc năm 2017, Top 50 doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam năm 2017, Fast 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2017 (hạng 317), Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất năm 2017 (hạng 110).

13 NĂM

LIÊN TIẾP CÓ MẶT TRONG

TOP 500

DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

2018

Danh hiệu Top 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2018 do FORBES Việt Nam bình chọn.

2019

Thành tích tốt trong công tác kê khai, nộp thuế và có nhiều đóng góp tích cực vào nhiệm vụ chung của Cục Hải quan tỉnh Bình Dương năm 2018 do Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh Bình Dương trao tặng.

2020

Thương hiệu Quốc gia 2020 do Bộ Công Thương trao tặng.

Top 3 doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng uy tín của Việt Nam do Bộ Công Thương bình chọn.

2021

Top 2 Doanh nghiệp xuất khẩu vật liệu xây dựng uy tín của Việt Nam.

Đạt Giấy chứng nhận ISO/IEC 17025 của phòng thí nghiệm, với mã số VILAS 1417.

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 từ 2010 đến 2021.



2022

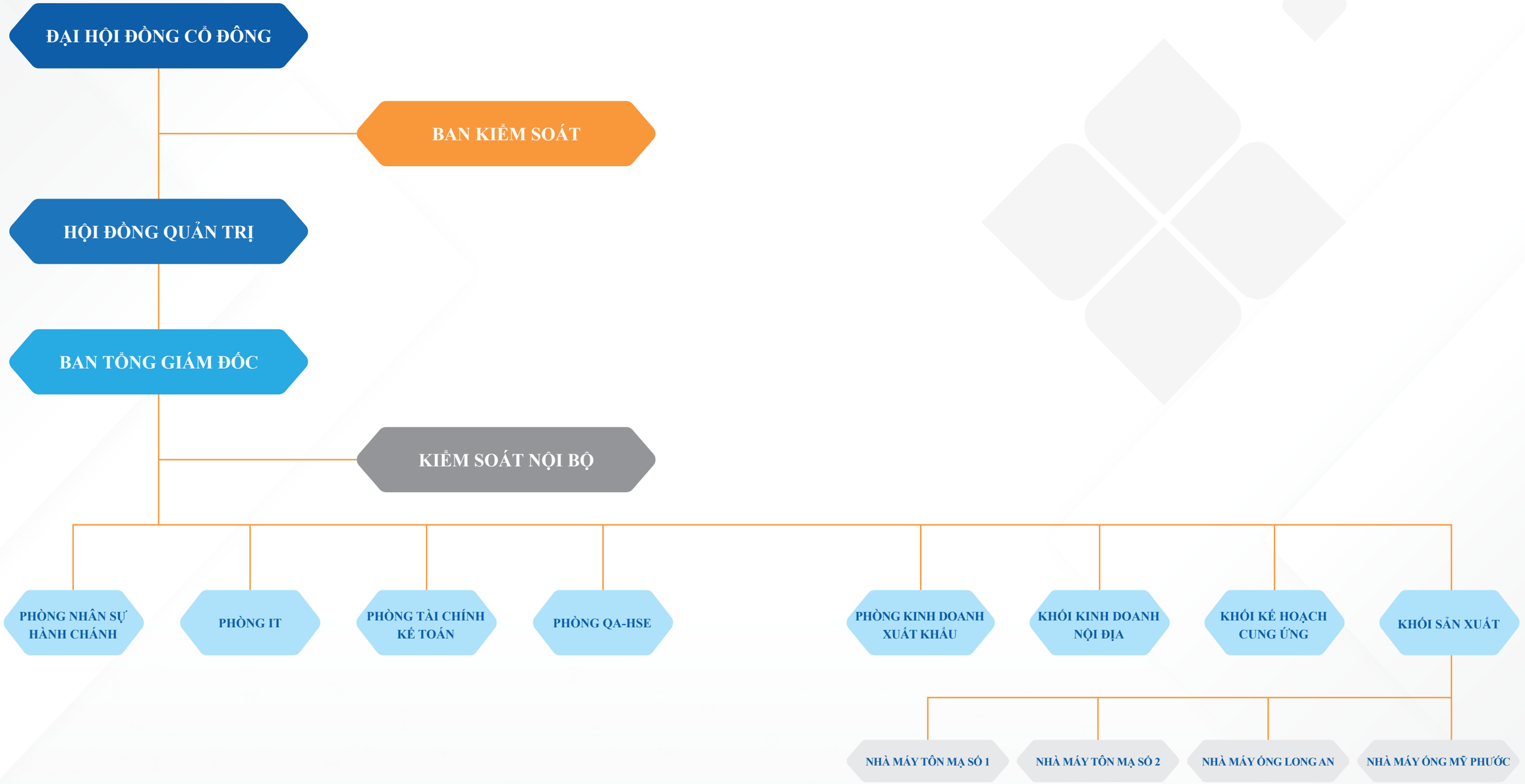
Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam VNR 500 từ 2010 đến 2022.

Thương hiệu Quốc gia 2022 do Bộ Công Thương trao tặng.

Danh hiệu Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2022 do FORBES Việt Nam bình chọn.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CƠ CẤU TỔ CHỨC



TRỤ SỞ CHÍNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM - NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 2

Diện tích: 10 ha.
Sản phẩm: Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm, tôn kẽm màu.
Địa chỉ: Lô A1, Đường Đ2, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.



NHÀ MÁY TÔN MẠ SỐ 1

Diện tích: 6,5 ha.
Sản phẩm: Tôn lạnh, tôn lạnh màu, tôn kẽm.
Địa chỉ: Lô B2.2 – B2.3, Đường Đ3, Khu công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.



CÔNG TY TNHH MTV ỐNG THÉP NAM KIM - NHÀ MÁY ỐNG LONG AN

Diện tích: 3,2 ha.
Sản phẩm: Ống thép.
Địa chỉ: Lô C2-16 đến Lô C2-20, Đường VL1, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.



CÔNG TY TNHH DAE MYUNG PAPER VIỆT NAM - NHÀ MÁY ỐNG MỸ PHƯỚC

Diện tích: 5 ha.
Sản phẩm: Ống thép
Địa chỉ: Lô A-5F-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông HỒ MINH QUANG
Chủ tịch HĐQT



Ông VÕ HOÀNG VŨ
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh Ngoại thương.
Chức vụ tại tổ chức khác:
- Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim Chu Lai.
- Tổng Giám đốc Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam.
- Giám đốc Công ty TNHH Tôn Nam Kim Phú Mỹ.



Ông NGUYỄN VINH AN
Thành viên HĐQT

Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép phụ trách quản lý dự án, điều hành kỹ thuật – bảo trì – R&D.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật Công Nghiệp.
Chức vụ tại tổ chức khác:
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim.



Bà NGUYỄN NGỌC Ý NHI
Thành viên HĐQT

17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn, đầu tư và quản lý tài chính cho các tổ chức quỹ đầu tư và công ty ngành thép.
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng.
Chức vụ tại tổ chức khác:
- Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó TGĐ Khối Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC.



Ông VÕ THỜI
Thành viên HĐQT

Nhiều năm kinh nghiệm quản lý, điều hành, lãnh đạo Công ty.
Trình độ chuyên môn: Quản trị kinh doanh.
Chức vụ tại tổ chức khác:
- Phó TGĐ Công ty TNHH Nam Hàn.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông VÕ HOÀNG VŨ
Tổng giám đốc



Ông NGUYỄN VINH AN
Phó Tổng Giám đốc

Gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép phụ trách quản lý dự án, điều hành kỹ thuật – bảo trì – R&D.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật Công Nghiệp.
Chức vụ tại tổ chức khác:
- Chủ tịch Công ty TNHH MTV Ống Thép Nam Kim.



Bà TRẦN NGỌC DIỆU
Phó TGĐ phụ trách Tài chính

Hơn 20 năm kinh nghiệm điều hành, lãnh đạo trong ngành thép phụ trách lĩnh vực kiểm soát và tài chính Công ty.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không



Ông QUẢNG TRỌNG LĂNG
Phó Tổng Giám đốc

Hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành thép qua nhiều vị trí quản lý, điều hành, lãnh đạo sản xuất.
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không



Bà NGUYỄN THỊ NGỌC LIÊN
Phó Tổng Giám đốc

Gần 20 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu, am hiểu thị trường và thông lệ quốc tế trong ngành thép.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại ngữ.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không



Ông NGUYỄN MINH HÙNG
Phó TGĐ phụ trách Kinh doanh Nội địa

Hơn 20 năm kinh nghiệm quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong ngành thép.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh Ngoại thương.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không



Bà VŨ THỊ HUYỀN
Kế toán trưởng

16 năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực kế toán kiểm toán.
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không

BAN KIỂM SOÁT



Bà NGUYỄN THỊ BÍCH NHI
Trưởng BKS

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Kiểm toán.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không



Bà VÕ THỊ VUI
Thành viên BKS

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không



Ông LÊ NHẬT TÂN
Thành viên BKS

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.
Chức vụ tại tổ chức khác: Không



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

DÂY CHUYỀN TẨY GỈ

Thép nguyên liệu được tẩy gỉ trên dây chuyền hiện đại của tập đoàn SMS Group (CHLB Đức). Đây là dây chuyền tiên tiến hiện nay.

Với quy trình sản xuất khép kín, Tôn Nam Kim luôn chủ động thời gian trong việc phân bổ kế hoạch sản lượng của nhà máy, cũng như nguyên vật liệu sản xuất tẩy gỉ. Với công nghệ FLUIDIZED BED, cho thu hồi hạt sắt với độ tinh khiết cao, là nguyên liệu tái sử dụng cho các nhà máy luyện thép, từ đó góp phần bảo vệ môi trường.



CÔNG SUẤT TẨY GỈ

900,000

TẤN / NĂM

Độ dày thép nguyên liệu: **1.5 mm - 5.0 mm**

Khổ rộng: **750 mm – 1300 mm**

DÂY CHUYỀN CÁN NGUỘI

Tôn Nam Kim sở hữu dây chuyền cán nguội đôi 2 giá cán, 6 trục CVC đầu tiên của Việt Nam, giúp công suất tăng gấp 2 lần và giảm thiểu nhân lực, chi phí vận hành sản xuất. Công nghệ cán nguội với hệ thống AFC tự động tính toán cho ra độ phẳng băng tôn tối ưu nhất ngay ở tốc độ cao. Lực kéo khi cán lớn hơn, cán được những mác thép khác có độ cứng cao hơn, cho ra dãy sản phẩm rộng hơn để phục vụ nhu cầu đa dạng của thị trường.



CÔNG SUẤT CÁN NGUỘI

900,000

TẤN / NĂM

Độ dày đầu ra của thép: **0.15 mm - 3.0 mm**

Tốc độ cán: **1.400 mét/phút**

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

DÂY CHUYỀN MẠ LẠNH HOẶC MẠ KẼM

Tôn Nam Kim có 5 dây chuyền mạ kim loại công nghệ NOF có thể sản xuất tôn mạ kẽm, mạ lạnh theo nhiều tiêu chuẩn khác nhau. Các dây chuyền mạ được chế tạo bởi SMS (CHLB Đức) và được tích hợp các công nghệ hiện đại trong ngành như EMG (CHLB Đức), Drever (Bỉ), Ajax (Mỹ - Nhật) có thể kiểm soát tối ưu độ phẳng, độ đồng đều của bề mặt lớp mạ.

Chảo mạ sử dụng công nghệ ceramic và gia nhiệt cảm ứng bằng inductor của Ajax (Mỹ); đặc biệt dây chuyền mạ lò chữ L của Tôn Nam Kim cho phép đốt nhiệt đều 2 mặt tôn tốt hơn và mang lại sản phẩm chất lượng với độ thẩm mỹ cao.

CÔNG SUẤT MẠ

1,200,000

TẤN / NĂM

Độ dày tôn mạ: **0.18 mm - 3.5 mm**

Lớp mạ hợp kim: **AZ200 (Tôn Lạnh) (GL),**
Z600 (Tôn Kẽm) (GI)



SMS group

DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT

DÂY CHUYỀN MẠ MÀU

Tôn Nam Kim sở hữu 2 dây chuyền mạ màu tiên tiến được cung cấp bởi Paco Engineering (Hàn Quốc) và Shanghai JX với hệ thống điều khiển thông minh nhằm bảo đảm chất lượng sơn phủ đồng đều và bền màu. Dây chuyền có khả năng đáp ứng bất kỳ màu sắc nào do khách hàng yêu cầu.

Tôn mạ màu Nam Kim có thể đáp ứng bất kỳ màu sắc nào theo yêu cầu của khách hàng, với thời gian bảo hành trên 15 năm.



CÔNG SUẤT MẠ MÀU

180,000

TẤN / NĂM

Độ dày tôn mạ: **0.2 mm - 1.2 mm**

Khổ rộng: **860 mm – 1250 mm**

Độ dày sơn: **lên đến 100 Micron/2 mặt**

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG & TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG



Tôn Nam Kim đặc biệt chú trọng kiểm soát chất lượng. Ở mọi công đoạn, sản phẩm đều phải trải qua các quy trình kiểm tra nghiêm ngặt để đảm bảo chất lượng tốt nhất.

1-2 Sản phẩm được kiểm tra độ bền kéo, độ cứng, quang phổ phân tích thành phần kim loại.

3 Kiểm tra độ bám dính - liên kết chặt giữa lớp mạ và thép nền.

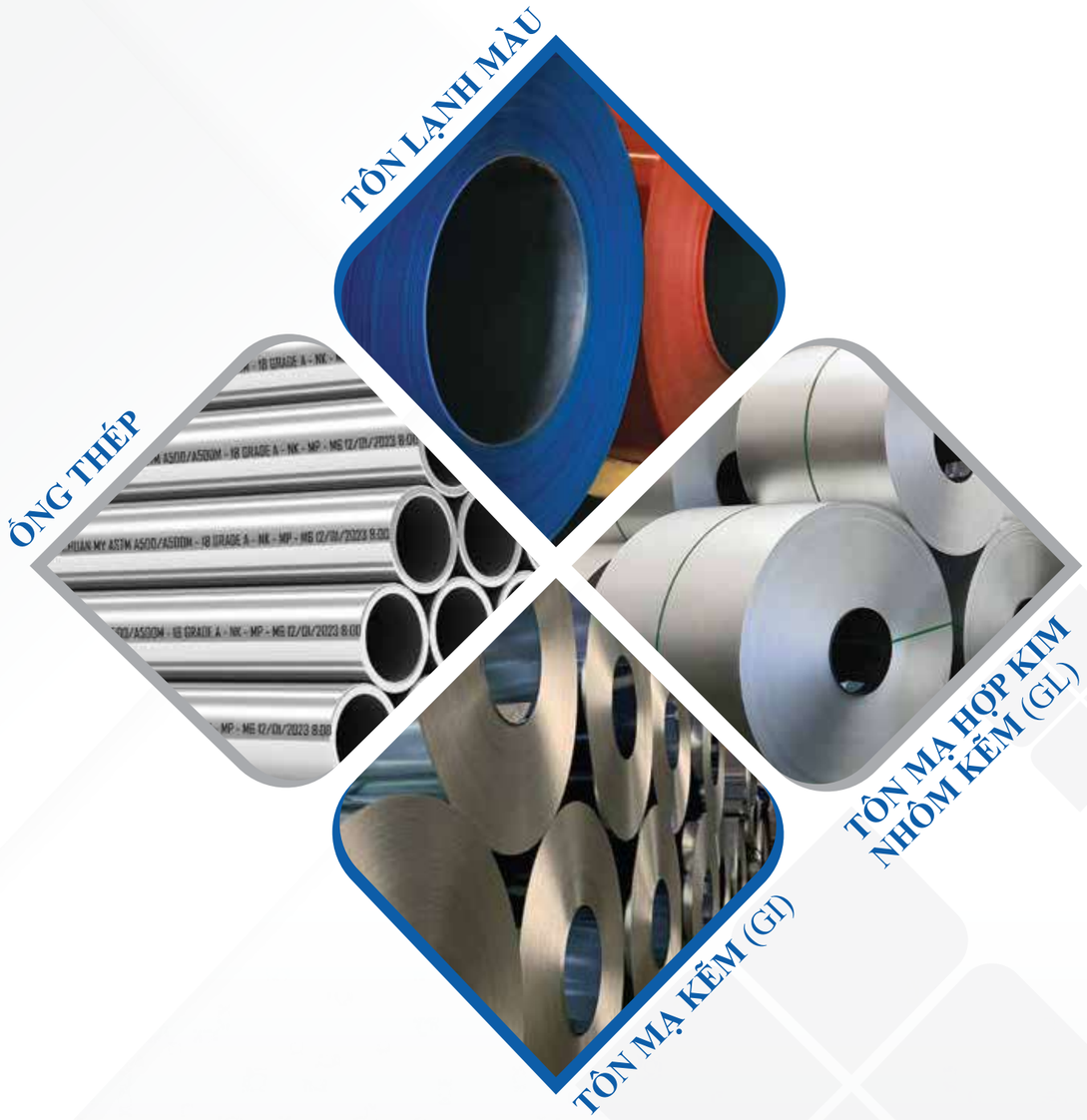
4 Kiểm tra các chỉ số về màu sắc, độ lệch màu giữa mẫu chuẩn với mẫu sản phẩm tôn mạ.

5 Mô phỏng sự tác động của tia cực tím và các điều kiện thời tiết khắc nghiệt.

6 Kiểm tra khả năng chống ố, mốc, phản ứng ăn mòn, kháng gỉ của tôn mạ màu, mạ kẽm hoặc mạ lạnh trong điều kiện tiêu chuẩn và điều kiện môi trường khắc nghiệt khác nhau.

PHÒNG LAB TÔN NAM KIM ĐẠT TIÊU CHUẨN

ISO 17025:2017



Tôn Nam Kim sản xuất và phân phối các loại tôn lạnh, tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và các loại sản phẩm thép công nghiệp. Sản phẩm Tôn Nam Kim đa dạng chủng loại, có độ bền và tính thẩm mỹ cao, sử dụng trong các ứng dụng dân dụng cũng như công nghiệp.

TÔN NAM KIM ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC CÁC TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG KHẮT KHE NHẤT TRÊN THẾ GIỚI

Tiêu chuẩn Nhật
Japanese Industrial Standards

Tiêu chuẩn Mỹ
American Society Testing and Materials

Tiêu chuẩn Châu Âu
European Standards

Tiêu chuẩn Úc
Standards Australia

ISO 9001
ISO 9001

ISO 14001
ISO 14001

ISO 17025
ISO 17025

ĐƯỢC CẤP BỞI CÁC TỔ CHỨC

BẢO HÀNH ĐẾN 50 NĂM

TÔN MẠ KẼM



MÔ TẢ

Tôn mạ kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng kẽm nguyên chất (99%), sử dụng công nghệ nhúng nóng liên tục, thông qua nhiệt độ lò NOF để kiểm soát cơ tính phù hợp với các ứng dụng khác nhau.

ỨNG DỤNG

Nhà thép tiền chế, xà gồ kết cấu thép, sàn decking, ống HVAC, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất và các sản phẩm xây dựng khác.

TIÊU CHUẨN

JIS G3302	SGCC, SGCD1, SGC340, SGC400, SGC440, SGC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G500, G550
ASTMA653/A653M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS40, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD, DX52D, DX53D

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0.25 mm - 3.75 mm
Khổ rộng	860 mm - 1250 mm
Khối lượng lớp mạ	80 - 600 g/m²/ 2 mặt
Xử lý bề mặt	Skin pass, Non-skin pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ	Cr 6+, Cr 3+, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling

TIÊU CHUẨN MÁC THÉP CHI TIẾT

Mác thép Steel Grade	YS [N/ mm²] [Min]	TS [N/ mm²] [Min]	E [%] [Min]
NHẬT BẢN JAPAN - JIS G3302			
SGCC	-	-	-
SGCD1	-	270	34 ÷ 38
SGC 340	245	340	20
SGC 400	295	400	18
SGC 440	335	440	18
SGC 570	560	570	-
CHÂU MỸ AMERICA- ASTM A653			
CS Type A	170/380		20
CS Type B	205/380		20
SS 33 [230]	230	310	20
SS 37 [255]	255	360	18
SS 40 [275]	275	380	16
SS 50 [340] - class 1	340	450	12
SS 50 [340] - class 2	340	…	12
SS 60 [410]	410	480	10 B
SS 70 [480]	480	550	9 B
SS 80 [550] - class 1	550	570	...

Mác thép Steel Grade	YS [N/ mm²] [Min]	TS [N/ mm²] [Min]	E [%] [Min]
CHÂU ÚC AUSTRALIA- AS 1397			
G250	250	320	25 (22)
G300	300	340	20 (18)
G350	350	420	15 (14)
G450	450	480	10 (9)
G500	500	520	8 (7)
G550	550	550	2 (2)
CHÂU ÂU EUROPE- EN 10346			
DX51D	-	270 - 500	22
DX52D	140 - 300 (c)	270 - 420	26
DX53D	140 - 260	270 - 380	30
S220GD	220	300	(20)
S250GD	250	330	(19)
S280GD	280	360	(18)
S320GD	320	390	(17)
S350GD	350	420	(16)
S550GD	550	560	-

*Bảo hành chống thủng theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim

TÔN MẠ HỢP KIM NHÔM KẼM



MÔ TẢ

Tôn mạ hợp kim nhôm kẽm là thép dạng cuộn được phủ 2 lớp bề mặt bằng hợp kim (55% Nhôm, 43.5% Kẽm, 1.5% Sillic), với khả năng chống ăn mòn vượt trội, lớp mạ có độ dẻo và độ bám dính tốt, đảm bảo khả năng định hình tuyệt vời cho các ứng dụng khác nhau.

ỨNG DỤNG

Khung kèo nhẹ, xà gồ kết cấu thép, sàn decking, tôn vách, tấm lợp, ống HVAC, các chi tiết trong sản phẩm điện gia dụng, sản phẩm trang trí nội thất và các sản phẩm xây dựng khác.

TIÊU CHUẨN

JIS G3321	SGLCC, SGLCD, SGLC400, SGLC440, SGLC490, SGLC570
AS 1397	G250, G300, G350, G450, G500, G550
ASTMA792/A792M	CSA, CSB, SS33, SS37, SS40, SS50, SS60, SS70, SS80
EN 10346	DX51, S220GD, S250GD, S280GD, S320GD, S350GD, S550GD, DX52D, DX53D

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0.18 mm - 2.00 mm
Khổ rộng	860 mm - 1250 mm
Khối lượng lớp mạ	50 - 200 g/m²/ 2 mặt
Xử lý bề mặt	Skin pass, Non-skin pass
Xử lý bảo vệ lớp mạ	Cr 6+, Cr 3+, Antifinger không màu, Antifinger có màu, Oiling

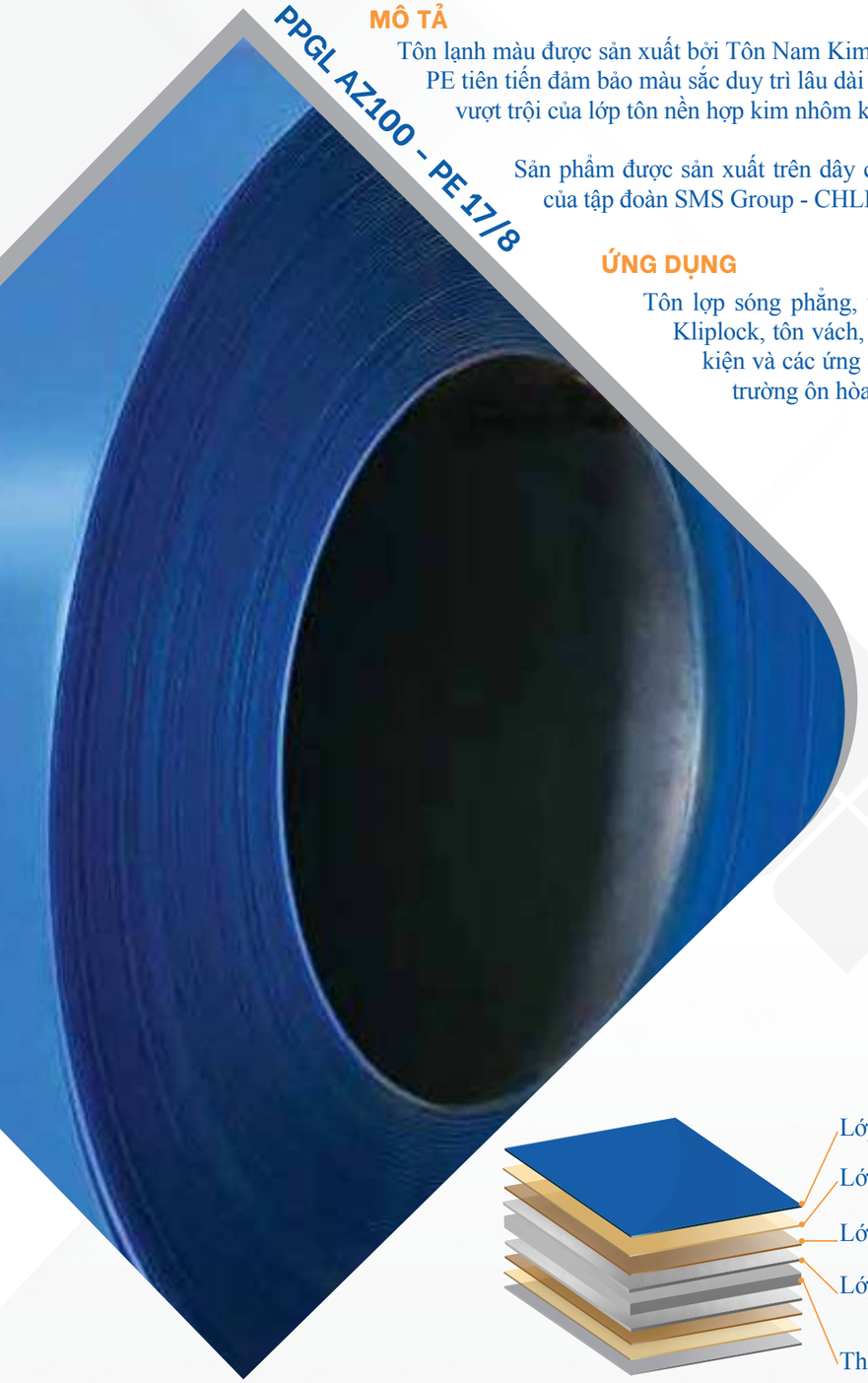
TIÊU CHUẨN MÁC THÉP CHI TIẾT

Mác thép Steel Grade	YS [N/ mm²] [Min]	TS [N/ mm²] [Min]	E [%] [Min]
NHẬT BẢN JAPAN - JIS G3302			
SGLCC	205	270	20 ÷ 25
SGLCD	-	270	27 ÷ 33
SGLC 400	295	400	16 ÷ 18
SGLC 440	335	440	14 ÷ 18
SGLC 490	365	490	12 ÷ 16
SGLC 570	560	570	-
CHÂU MỸ AMERICA- ASTM A792			
CS Type A	205 - 410		20
CS Type B	245 - 410		20
SS 33 [230]	230	310	20
SS 37 [255]	255	360	18
SS 40 [275]	275	380	16
SS 50 [340]- class 1	340	450	12
SS 50 [340] - class 2	340	…	12
SS 60 [410]	410	480	10 B
SS 70 [480]	480	550	9 B
SS 80 [550]- class 1	550	570	…

Mác thép Steel Grade	YS [N/ mm²] [Min]	TS [N/ mm²] [Min]	E [%] [Min]
CHÂU ÚC AUSTRALIA- AS 1397			
G250	250	320	25 (22)
G300	300	340	20 (18)
G350	350	420	15 (14)
G450	450	480	10 (9)
G500	500	520	8 (7)
G550	550	550	2 (2)
CHÂU ÂU EUROPE- EN 10346			
DX51D	-	270 - 500	22
DX52D	140 - 300 (c)	270 - 420	26
DX53D	140 - 260	270 - 380	30
S220GD	220	300	(20)
S250GD	250	330	(19)
S280GD	280	360	(18)
S320GD	320	390	(17)
S350GD	350	420	(16)
S550GD	550	560	-

*Bảo hành chống thủng theo điều kiện và điều khoản bảo hành của Tôn Nam Kim

TÔN LẠNH MÀU



MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn PE tiên tiến đảm bảo màu sắc duy trì lâu dài và khả năng chống ăn mòn vượt trội của lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường ôn hòa.

TIÊU CHUẨN

- JIS G3322
- ASTMA755
- AS 2728
- EN 10169

BẢO HÀNH

- Bảo hành chống thủng **15 năm**
- Bảo hành toàn vẹn màng sơn **8 năm**
- Bảo hành phai màu sơn **5 năm**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0.20 mm - 1.20 m
Khổ rộng	Max 1250 mm
Khối lượng lớp mạ (Al-Zn)	100g / m^2 / 2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính / mặt lưng	17/8 µm
Xử lý bề mặt	Skin pass

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

Sơn mặt chính		
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester	12 micron
Lớp sơn lót	Polyester	5 micron
Lớp biến tính	Chemical	20 - 40 mg / m^2
Sơn mặt lưng		
Lớp biến tính	Chemical	20 - 40 mg / m^2
Lớp sơn lót	Polyester	4 micron
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester	4 micron

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 100g/m^2/2 mặt.

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình.

TÔN LẠNH MÀU



MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa các dòng sơn cao cấp khác nhau với lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm mang lại đặc tính chống ăn mòn vượt trội và kháng bám bụi góp phần duy trì tính thẩm mỹ và hiệu quả cho công trình.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường khắc nghiệt.

TIÊU CHUẨN

JIS G3322
ASTMA755
AS 2728
EN 10169

BẢO HÀNH

	Bảo hành chống thủng **20 năm**
Sơn PE	Bảo hành toàn vẹn màng sơn **10 năm** Bảo hành phai màu sơn **8 năm**
Sơn SPE	Bảo hành toàn vẹn màng sơn **15 năm** Bảo hành phai màu sơn **10 năm**
Sơn PVDF	Bảo hành toàn vẹn màng sơn **20 năm** Bảo hành phai màu sơn **12 năm**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0.20 mm - 1.20 mm
Khổ rộng	Max 1250 mm
Khối lượng lớp mạ (Al-Zn)	150g / m^2 / 2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính / mặt lưng	25/10 µm 25/12 µm
Xử lý bề mặt	Skin pass

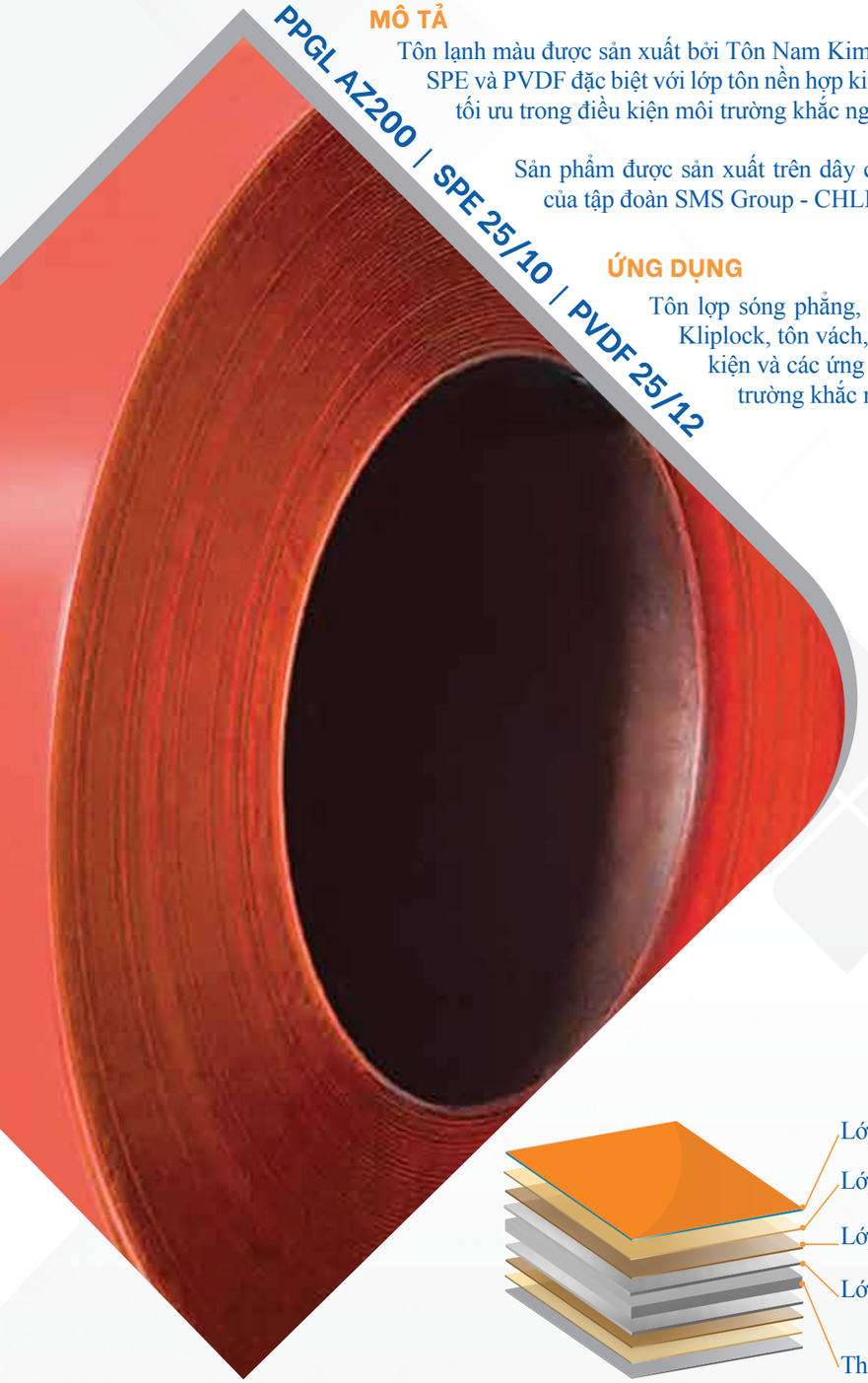
THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

Sơn mặt chính	
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester / Super Polyester / PVDF
Lớp sơn lót	Polyester / Super Polyester / PVDF
Lớp biến tính	Chemical
Sơn mặt lưng	
Lớp biến tính	Chemical
Lớp sơn lót	Polyester
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 150g/m^2/2 mặt.

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình.

TÔN LẠNH MÀU



MÔ TẢ

Tôn lạnh màu được sản xuất bởi Tôn Nam Kim là sự kết hợp giữa lớp sơn SPE và PVDF đặc biệt với lớp tôn nền hợp kim nhôm kẽm là sự lựa chọn tối ưu trong điều kiện môi trường khắc nghiệt.

Sản phẩm được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại của tập đoàn SMS Group - CHLB Đức.

ỨNG DỤNG

Tôn lợp sóng phẳng, tôn lợp Seamlock, tôn lợp Kliplock, tôn vách, vách panel, máng xối, phụ kiện và các ứng dụng xây dựng khác ở môi trường khắc nghiệt nhất.

TIÊU CHUẨN

- JIS G3322
- ASTMA755
- AS 2728
- EN 10169

BẢO HÀNH

	Bảo hành chống thủng **25 năm**
Sơn SPE	Bảo hành toàn vẹn màng sơn **15 năm**
	Bảo hành phai màu sơn **10 năm**
Sơn PVDF	Bảo hành toàn vẹn màng sơn **20 năm**
	Bảo hành phai màu sơn **12 năm**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

Độ dày tôn nền	0.20 mm - 1.20 mm
Khổ rộng	Max 1250 mm
Khối lượng lớp mạ (Al-Zn)	200g / m^2 / 2 mặt
Độ dày lớp sơn mặt chính / mặt lưng	25/10 µm 25/12 µm
Xử lý bề mặt	Skin pass

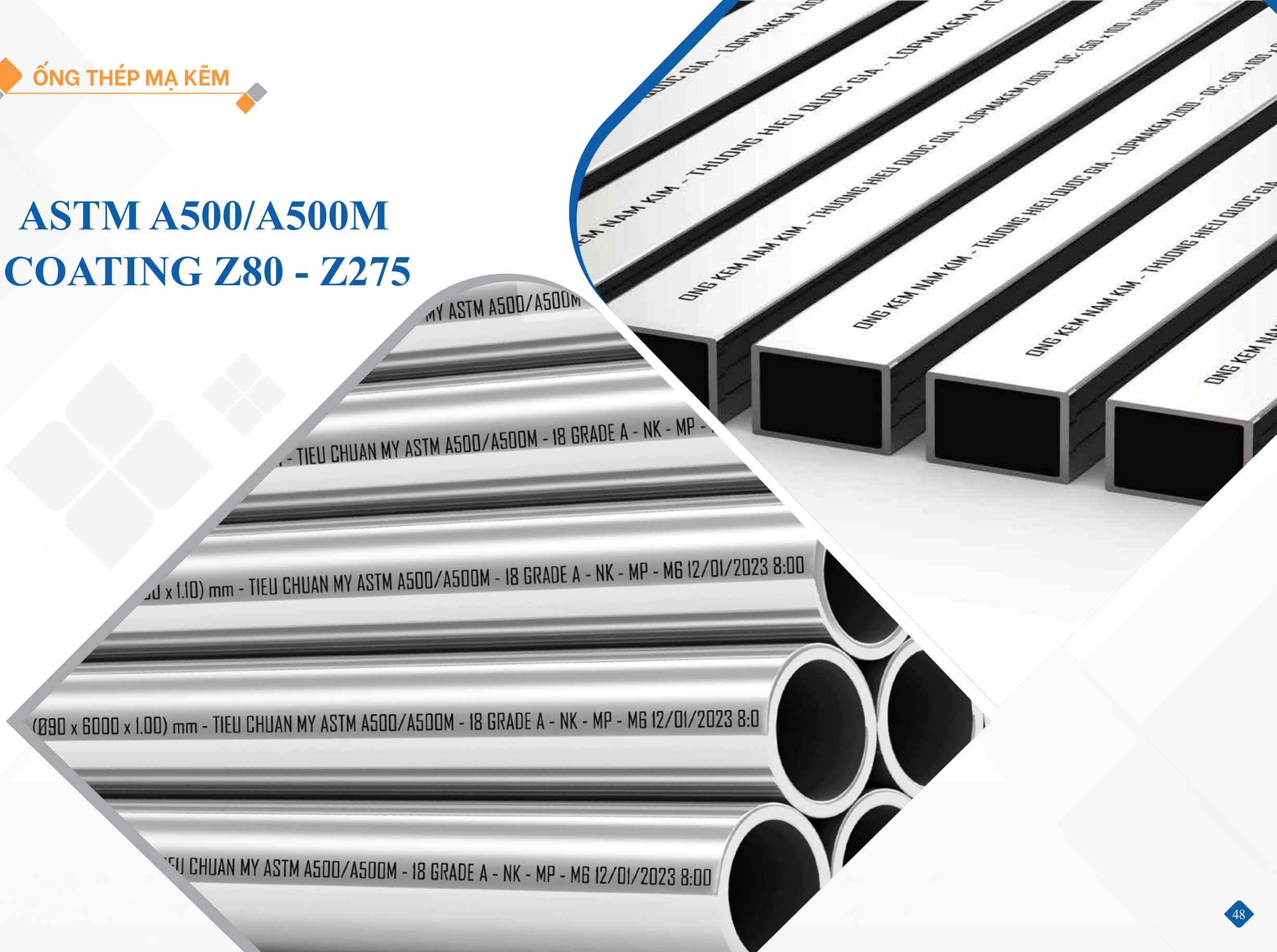
THÔNG SỐ KỸ THUẬT SƠN

Sơn mặt chính		
Lớp sơn hoàn thiện	Super Polyester / PVDF	20 micron
Lớp sơn lót	Super Polyester / PVDF	5 micron
Lớp biến tính	Chemical	20 - 40 mg / m^2
Sơn mặt lưng		
Lớp biến tính	Chemical	20 - 40 mg / m^2
Lớp sơn lót	Polyester	5 micron
Lớp sơn hoàn thiện	Polyester	5 - 7 micron

Lớp mạ hợp kim nhôm kẽm (Al 55% - Zn 43.5% - Si 1.5%) - khối lượng lớp mạ 200g/m^2/2 mặt.

*Thông tin trên có giá trị gần đúng, thời gian bảo hành thực tế phụ thuộc vào hệ sơn, độ dày sơn, điều kiện môi trường, hình dáng và chức năng của công trình.

ASTM A500/A500M
COATING Z80 - Z275



THỊ TRƯỜNG VÀ HỆ THỐNG PHÂN PHỐI



TRÊN 65 QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ

Hiện nay, Tôn Nam Kim đã được tin dùng tại thị trường nội địa và xuất khẩu đến hơn 65 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như Úc, Châu Âu và Mỹ, Đông Nam Á, Nam Á, Trung Đông, Châu Phi.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Vĩ mô 2022	53
Ngành thép 2022	57
Tôn Nam Kim 2022	59
Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	62

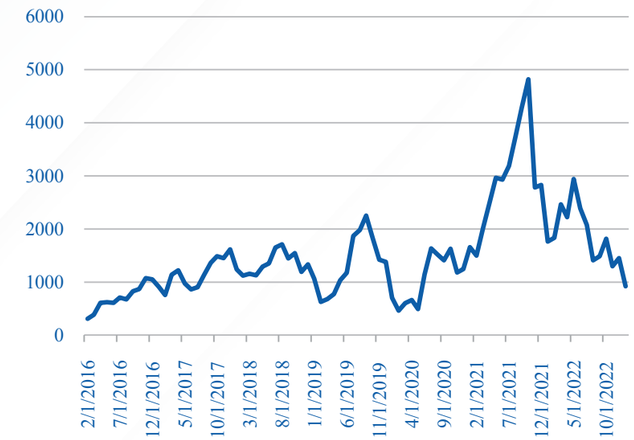
Tối ưu hoá **giá trị** sử dụng
trên nền tảng **công nghệ**

VĨ MÔ 2022

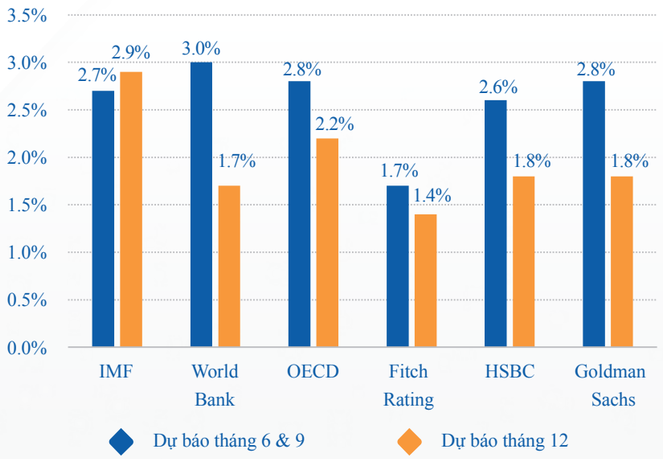
CUỘC CHIẾN NGA – UKRAINE LÀM TRẦM TRỌNG THÊM SỰ SUY YẾU KINH TẾ THẾ GIỚI

Khi đại dịch Covid-19 dần được kiểm soát trong năm 2021, tất cả các cơ quan quốc tế như IMF, World Bank, IFC đều dự báo tăng trưởng GDP thế giới năm 2022 sẽ tiếp đà hồi phục ở mức từ 4.4% - 4.6%. Tuy nhiên, tháng 2/2022 Nga đã phát động cuộc chiến tranh với Ukraine và khiến toàn bộ mọi dự báo về kinh tế thế giới trở nên vô nghĩa. Trong năm 2022, theo số liệu World Bank mức tăng trưởng GDP toàn cầu chỉ đạt 2.9%, trong khi lạm phát toàn cầu ước tính đã tăng lên mức kỷ lục là 8.75% (theo ước tính của Statista), cao nhất trong vòng 25 năm qua.

Thực tế, cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraine chỉ là ngọn lửa thổi bùng cho câu chuyện lạm phát toàn cầu, vốn đã bắt đầu từ năm 2020 khi dịch Covid-19 diễn ra toàn bộ chuỗi cung ứng trên thế giới bị đứt gãy. Cụ thể hơn, trong giai đoạn 2020 – 2021 khi dịch Covid-19 diễn ra, các nước đều tăng cường các chính sách hỗ trợ nền kinh tế bằng cách cắt giảm lãi suất, cộng với việc chi phí vận chuyển tăng mạnh đã khiến lạm phát nhen nhóm diễn ra trong giai đoạn 2020 – 2021. Khi cuộc chiến Nga – Ukraine diễn ra, thế giới đã hoàn toàn vướng vào tình trạng lạm phát tăng cao, đặc biệt ở giá than, xăng dầu và khí đốt. Nền kinh tế mong manh vướng phải lạm phát đã khiến tăng trưởng GDP toàn cầu quay đầu. Trừ Quỹ Tiền tệ quốc tế IMF, hầu hết tất cả các tổ chức kinh tế hay định chế tài chính đều hạ mức tăng trưởng kinh tế giới từ 0.3% - 1% trong kỳ họp tháng 12/2022. Tăng trưởng GDP của thế giới năm 2023 được các tổ chức dự báo ở mức trung bình là 1.8%, thấp hơn 1% so với dự báo trong tháng 6 và tháng 9 năm 2022.



HÌNH 1: CHỈ SỐ GIÁ VẬN TẢI HÀNG TÀU RỜI BDI THEO BLOOMBERG GIAI ĐOẠN 2016 - T2/2023

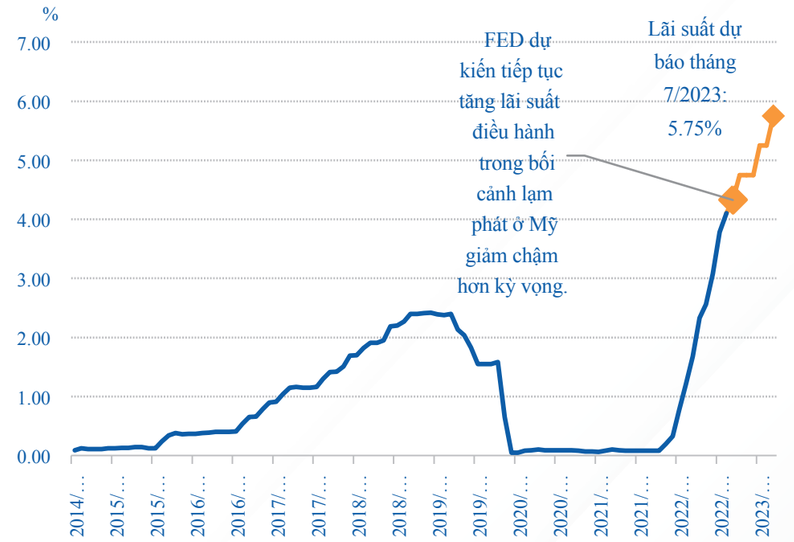


HÌNH 2: THAY ĐỔI VỀ TĂNG TRƯỞNG GDP THẾ GIỚI TRONG NĂM 2023 CỦA CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH

**Nguồn: Bloomberg, Europa, IMF, OECD, Goldmans Sachs, TTCP*

KIỀM CHẾ LẠM PHÁT LÀ CHỦ ĐỀ NÓNG NHẤT TRONG NĂM 2023

Trước khi cơn bão lạm phát diễn ra trong năm 2022, hầu hết tất cả các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia phát triển trong khối G10 hay EU đều dự báo năm 2022 lạm phát sẽ ở mức dưới 2%. Tuy nhiên khi giá khí đốt, than cốc đều tăng cao, lạm phát đã diễn ra quá nhanh khiến tất cả mọi dự báo đều sai lệch. Tính trung bình mức lạm phát thực tế đều cao hơn mức dự báo đầu năm của các nước đang phát triển ở mức từ 4% - 6%, qua đó khiến cho nhiệm vụ kiểm soát lạm phát sẽ là nhiệm vụ trọng tâm của kinh tế toàn cầu trong năm 2023. Do đã sử dụng chính sách tài khóa thông qua việc giảm lãi suất điều hành trong giai đoạn 2020 – 2021, các Ngân hàng Trung ương trên toàn cầu đang liên tục đảo ngược chính sách với trọng tâm phải cắt giảm lạm phát trong năm 2023.



HÌNH 3: DỰ BÁO LÃI SUẤT ĐIỀU HÀNH (%) CỦA FED GIAI ĐOẠN T11/2014 ĐẾN T7/2023 SẼ TIẾP TỤC TĂNG



HÌNH 4: LẠM PHÁT THỰC TẾ (%) VÀ CHÊNH LỆCH VỚI MỤC TIÊU LẠM PHÁT NĂM 2022 CỦA CÁC NƯỚC KHỐI G10

**Nguồn: Bloomberg, CEIC, EC, VNExpress*

VĨ MÔ 2022

KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2023 – CHỨNG KIẾN LÀN SÓNG CẮT GIẢM CHI TIÊU TRONG BỐI CẢNH LÃI SUẤT CAO

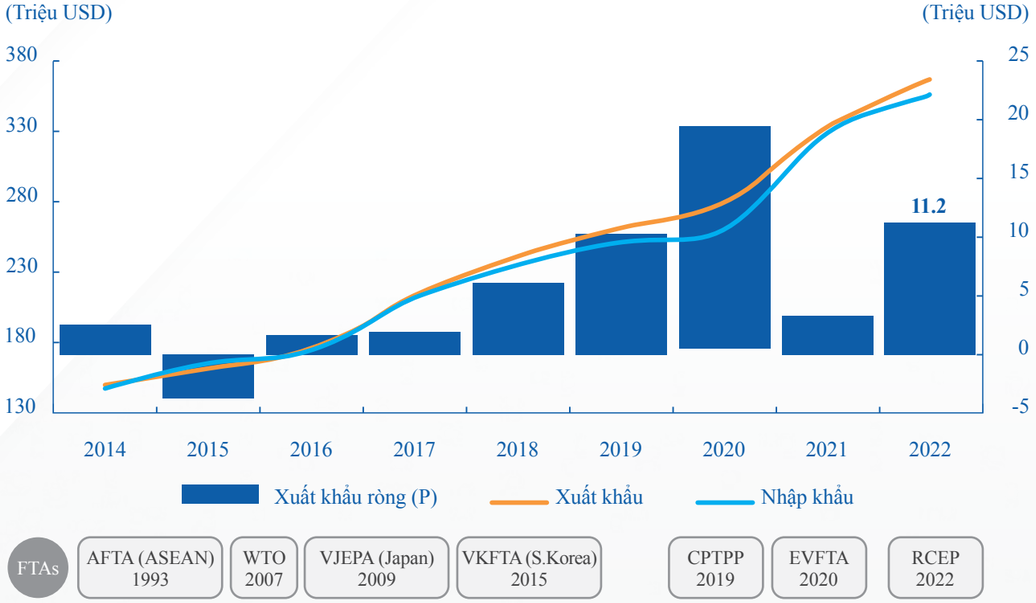
Năm 2021 cũng là năm chứng kiến các nước hạ lãi suất điều hành nhằm phục hồi kinh tế. Trong đó, riêng FED đã duy trì mức lãi suất điều hành thực tế quanh 0% (so với mức 2.4% năm 2019) từ 2019 tới hết 2021. Ngoài ra, các Ngân hàng Trung ương lớn như ECB hay BoJ đều hạ lãi suất về mức sát 0% trong hai năm qua. Lạm phát đã diễn ra như một phần tất yếu, đặc biệt vào 2021 khi các nước dần gỡ bỏ lệnh giãn cách. Lạm phát ở Mỹ đạt mức 7% trong tháng 12/2021, cao nhất trong vòng 39 năm. Châu Âu cũng không là ngoại lệ, khi lạm phát tháng 12/2021 đạt mức 4.9%, cao nhất trong vòng 22 năm. Việc lạm phát leo thang dẫn đến giá cả hàng hóa tăng cao đột ngột, bao gồm các loại hàng hóa thiết yếu lẫn kim loại phục vụ cho công nghiệp. Năm 2022 các Ngân hàng Trung ương dự kiến sẽ tiếp tục tăng lãi suất tối thiểu 0.5%, nhưng theo đánh giá của Jerome Powell, Chủ tịch Hội đồng Thống đốc Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ, đây là động thái cần thiết nhằm giúp kinh tế phục hồi bền vững hơn. Tuy nhiên, cho đến hết tháng 12/2022, lạm phát vẫn là câu chuyện đau đầu khi tốc độ giảm chỉ ở mức 0.1% - 0.3%, do đó FED đã tuyên bố tiếp tục tăng lãi suất cho đến khi hạ được lạm phát. Theo dự đoán của các định chế tài chính, mức lãi suất điều hành của FED đến tháng 7/2023 hoàn toàn có thể đạt mức 5.75%. Lãi suất điều hành cao đồng nghĩa với việc lãi suất cho vay tăng cao, khiến cho xu hướng đầu tư và xây dựng cơ sở hạ tầng suy giảm như một điều tất yếu. Qua đó không có gì ngạc nhiên khi sức mua toàn cầu có thể giảm từ 15%-20% trong năm 2023.

KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM – NĂM 2023 SẼ CỰC KỲ KHÓ KHĂN VỀ MỌI MẶT

Hồi phục mạnh mẽ trong nửa đầu năm 2022 và chậm lại trong nửa cuối năm

8.02% là mức tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2022, cao hơn mục tiêu 6.5% và là năm thứ 42 tăng trưởng GDP liên tiếp. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê cho thấy tăng trưởng kinh tế năm 2022 phục hồi tích cực với những tiến triển tốt và đồng đều trên cả 3 khu vực, trong đó khu vực nông, lâm, thủy sản tăng 3,36%; công nghiệp và xây dựng tăng 7,78%; dịch vụ tăng 9,99%.

Tuy nhiên, nỗi lo xuất hiện rõ ràng khi từ nửa sau năm 2022, PMI Việt Nam đã giảm dưới 50 điểm. Đồng thời, những ngành chủ đạo của Việt Nam như Da giày, Dệt may, Điện tử hay Đồ gỗ thiếu đơn hàng trong dịp quý 4/2022. Sự ảnh hưởng sâu rộng của lạm phát toàn cầu đã ảnh hưởng mạnh đến Việt Nam, vốn là quốc gia có độ mở cực lớn với thế giới.



HÌNH 5: CÁN CÂN XUẤT NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI

Nguồn: MAS Research, GSO, Tuoitre, S&P Global

CUỘC KHỦNG HOẢNG THANH KHOẢN NGÂN HÀNG VÀ BONG BÓNG BẤT ĐỘNG SẢN

Từ tháng 4/2022, ngành bất động sản Việt Nam dần chững lại sau quá trình hai năm tăng giá nóng. Hàng loạt các chủ đầu tư bất động sản rơi vào trạng thái thiếu hụt thanh khoản, tình trạng thiếu thanh khoản trở nên trầm trọng đã lan đến hệ thống ngân hàng. Hàng loạt các ngân hàng điều chỉnh lãi suất huy động trên 10% trong quý 4/2022 đã khiến nhu cầu mua nhà suy giảm nhanh chóng. Hàng loạt các doanh nghiệp bất động sản trễ hẹn trả nợ trái phiếu, các dự án bất động sản ngưng xây dựng trên cả nước. Tuy nhiên, điểm đáng lo ngại nhất chính là khủng hoảng thừa về nguồn cung bất động sản cao cấp gây tắc nghẽn nguồn vốn lưu thông trong nền kinh tế. Các doanh nghiệp sản xuất khó tiếp cận vốn vay ngân hàng vẫn chưa được hỗ trợ khiến rủi ro về tín dụng vẫn là nỗi lo lớn trong năm 2023.

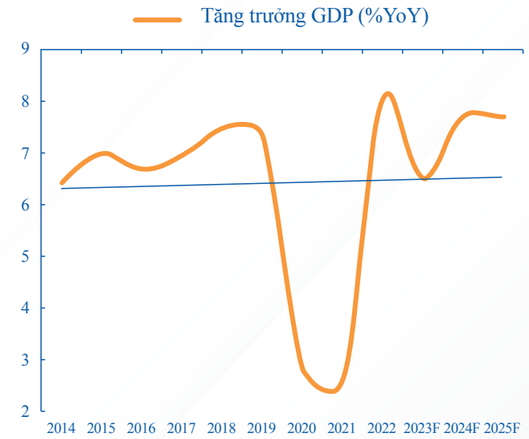


HÌNH 6: CHỈ SỐ PMI CỦA VIỆT NAM THEO THÁNG

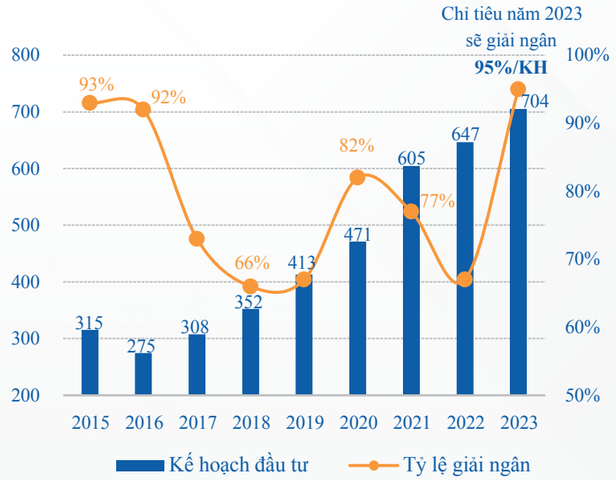
Nguồn: MAS Research, GSO, Tuoitre, S&P Global

TRIỂN VỌNG NĂM 2023: KHỐI TƯ NHÂN KHÓ KHĂN - KHỐI NHÀ NƯỚC TĂNG GIẢI NGÂN VỐN MỚI TỪ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG

Trong bối cảnh kinh tế cực kỳ khó khăn, đầu tư công sẽ tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt sự phục hồi nền kinh tế thông qua gói kế hoạch trị giá 704,000 tỷ VND. Đặc biệt, chính phủ năm đầu tiên đặt chỉ tiêu giải ngân 95% tổng vốn đầu tư công cũng như đẩy nhanh tiến độ hàng loạt dự án trọng điểm quốc gia. Việc đẩy mạnh đầu tư công ngoài tạo ra công việc và làm vốn mới dẫn dắt nguồn vốn tư nhân cũng sẽ tác động tích cực đến hiệu quả kinh tế và mở rộng các quỹ đất phục vụ cho dân sinh lẫn sản xuất, qua đó củng cố nội lực cho tăng trưởng dài hạn.



HÌNH 7: TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2014 - 2025F



HÌNH 8: VỐN ĐẦU TƯ CÔNG VÀ TỶ LỆ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG QUA CÁC NĂM GIAI ĐOẠN 2015 - 2023

**Nguồn: Tổng cục thống kê, Bộ Kế Hoạch & Đầu Tư*

NGÀNH THÉP 2022

THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA
LÃI SUẤT TĂNG CAO, THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN ĐÓNG BĂNG

Trong năm 2022, theo báo cáo của VARS, lượng cung căn hộ thương mại ra thị trường chỉ đạt 48,500 căn (-10% so với cùng kỳ). So sánh với năm 2018, tổng lượng cung căn hộ thương mại đã giảm đến 73%. Tuy nhiên vấn đề lớn nhất của thị trường bất động sản nằm ở việc nguồn cung nhà cao cấp lại chiếm đến 80%/tổng lượng cung. Theo thống kê của Cushman và Wakefield và Savills, giá bán sơ cấp nhà ở TP. Hồ Chí Minh trong quý 4/2022 đã lên tới 3,400 USD/m2, còn tại Hà Nội là 47 triệu đồng/m2, tăng 15% so với cùng kỳ. Trong bối cảnh ngành bất động sản phát triển quá nóng, việc siết chặt chính sách tín dụng đã khiến lãi vay dài hạn để mua bất động sản đã tăng từ 9.5 – 10.5% trong năm 2021 lên trên 13.5% vào quý 4/2022, khiến cho tỷ lệ hấp thụ của thị trường bất động sản chỉ đạt 28% trong quý 4/2022. Trong năm 2023, thị trường bất động sản được dự đoán cực kỳ khó khăn, việc đầu tư các dự án hầu như đều chững lại. Theo báo cáo của Savills, dự kiến tổng lượng cung năm 2023 ở TP. Hồ Chí Minh chỉ đạt 8,000 căn (-60% so với cùng kỳ). Ở thị trường Hà Nội, theo Savills năm 2022 chỉ có bàn giao 10,100 căn hộ. Dự kiến lượng căn hộ bàn giao ở Hà Nội giai đoạn 2020 – 2024 sẽ giảm trung bình 36%/năm.

SẢN LƯỢNG NGÀNH THÉP NỘI ĐỊA NĂM 2022 CHỊU MUỐN VÀN KHÓ KHĂN

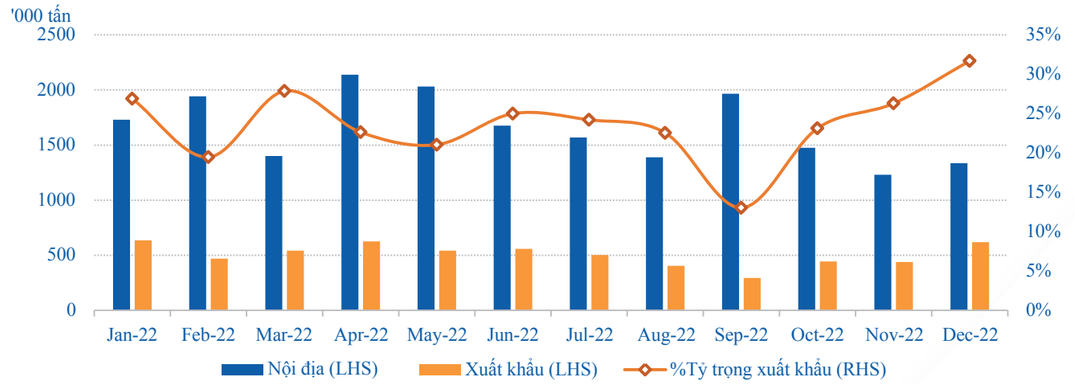
Thị trường nội địa ngành thép năm 2023 không nằm ngoài sự ảnh hưởng của lạm phát và sự đóng băng của thị trường bất động sản. Theo thống kê của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) năm 2022, sản xuất thép thành phẩm các loại đạt 29,3 triệu tấn (-12% so với cùng kỳ) và bán hàng thép các loại đạt 27,3 triệu tấn (-7,2% so với cùng kỳ). Cụ thể, sản lượng bán hàng của thép xây dựng, HRC, lần lượt đạt 12,27 triệu tấn (-1.9% so với cùng kỳ), 6,19 triệu tấn (-13.2% so với cùng kỳ). Đối với dòng sản phẩm thép cán nguội và tôn mạ KL & SPM, sản lượng bán hàng lần lượt đạt 2,018 triệu tấn (-26,4% so với cùng kỳ) và 4,18 triệu tấn (-21,8% so với cùng kỳ). Riêng sản phẩm ống thép, sản lượng bán hàng năm 2022 ghi nhận giảm 2,2% so với cùng kỳ, đạt 2,626 triệu tấn nhưng sản lượng xuất khẩu tăng lên mức 258.873 tấn (+9.1% so với cùng kỳ).

Về thị trường xuất khẩu năm 2022, Việt Nam đã xuất khẩu khoảng 8,397 triệu tấn thép (-35,85% so với cùng kỳ). Giá trị xuất khẩu đạt 7,99 tỷ USD (-32,2% so với cùng kỳ). Thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam là: khu vực ASEAN (36,22%), Khu vực EU (18,37%), Hoa Kỳ (10,57%), Hàn Quốc (6,8%) và Hồng Kông (Trung Quốc) (4,1%). Trong bối cảnh khó khăn, các doanh nghiệp thép Việt Nam đã nghiên cứu và cố gắng đa dạng sản phẩm xuất khẩu, tìm cách thích nghi linh hoạt hơn. Thị trường xuất khẩu được kỳ vọng sẽ dần cải thiện sản lượng từ nửa sau năm 2023 khi lạm phát giảm dần. Cuộc chiến giữa Nga – Ukraine đã mở ra khoảng trống rất lớn trong thị trường thép cán nguội và các sản phẩm tôn mạ, khi Nga, Belarus và Ukraine đã chiếm 29.5% sản lượng xuất khẩu vào thị trường EU. Ngoài ra, trong năm 2022 Việt Nam không phải chịu nhiều cuộc điều tra về thuế chống bán phá giá (CBPG), trừ các sản phẩm xuất khẩu sang Malaysia. Ngoài ra, tin vui đối với thị trường xuất khẩu đó là Mexico sẽ tiến hành hạ thuế CBPG từ 0%-12.34% xuống mức 0%-10.84% đối với nhóm tôn mạ. So sánh về quy mô thị trường xuất khẩu, xuất khẩu đi Mexico năm 2022 ước đạt 170 triệu USD, gần gấp ba lần so với giá trị xuất khẩu thị trường Malaysia.

Kỳ vọng vào năm 2023, động lực chính đối với thị trường nội địa tiếp tục là các dự án đầu tư công cũng như sự phục hồi của mảng xây dựng. Trong đó, chính phủ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công thông qua các dự án hạ tầng và dự án điện, trực tiếp thúc đẩy thị trường xây dựng trong nước cũng như tạo động lực phát triển các khu công nghiệp mới. Dự kiến trong năm 2023, trọng điểm đầu tư sẽ hướng đến các công trình đầu tư công, trong đó phải kể đến những dự án hạ tầng trọng điểm như Cao tốc Bắc – Nam hoặc Sân bay Long Thành. Ngoài ra, thị trường bất động sản cũng kỳ vọng sự thay đổi của Nghị định 65/2022/NĐ-CP và Nghị định 08/2023/NĐ-CP về việc tháo dỡ nguồn vốn cho thị trường bất động sản. Tuy nhiên, yếu tố rủi ro cho một năm 2023 tiếp tục suy giảm sản lượng vẫn là rất cao trong bối cảnh giá nguyên liệu đầu vào như than cốc, HRC vẫn duy trì ở mức cao, lạm phát chưa thực sự hạ nhiệt cũng như nguồn vốn cho phát triển bất động sản chưa được khơi thông trở lại.

BẢNG 1: CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2023 - 2030

Dự án	Tổng mức đầu tư (Tỷ đồng/USD)	Thời điểm khởi công	Thời điểm hoàn thành
Metro 2 (Bến Thành - Tham Lương)	47,800	2021	2026
Dự án Tổ hợp hóa dầu Long Sơn	USD 5.4 tỷ	2019	2025
Cao tốc TP.HCM - Thủ Dầu Một - Chơn Thành	24,150	2021	2025
Cao tốc TP.HCM - Mộc Bài	10,668	2021	2026
Đường vành đai 3	19,871	2020	2025
Dự án sân bay Long Thành	114,451	2021	2025
11 dự án thành phần cao tốc Bắc Nam	101,218	2020	2025



HÌNH 9: TƯƠNG QUAN GIỮA TỔNG SẢN LƯỢNG, SẢN LƯỢNG VÀ TỶ TRỌNG XUẤT KHẨU NGÀNH THÉP NĂM 2022

**Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam, Reuters*

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI VÀ XUẤT KHẨU

Theo thống kê của Worldsteel, lần đầu tiên sau 7 năm ngành thép thế giới suy giảm sản lượng. Cụ thể, sản lượng ngành thép thế giới đạt 1,878 tỷ tấn (-4.2% so với cùng kỳ). Trừ Ấn Độ, sản lượng của các nước sản xuất thép lớn nhất trên thế giới như Trung Quốc, Nga, Nhật Bản... đều sụt giảm trong năm 2022. Sản lượng thép trên toàn cầu dự kiến trong năm 2023 sẽ tiếp tục suy giảm từ 4%-5% do dự báo kinh tế thế giới đối diện với suy thoái và nền lãi suất cao. Điểm sáng lớn nhất trong năm 2023 đến từ Ấn Độ, quốc gia đông dân thứ hai trên thế giới. Ấn Độ được kỳ vọng sản lượng năm 2023 có thể đạt 130 triệu tấn (+5% so với cùng kỳ) nhờ chính sách thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng khổng lồ.

Trong bối cảnh nhu cầu thị trường suy yếu, nguồn cung nguyên liệu chính cho sản xuất thép, bao gồm quặng sắt, than cốc có những diễn biến có lợi:

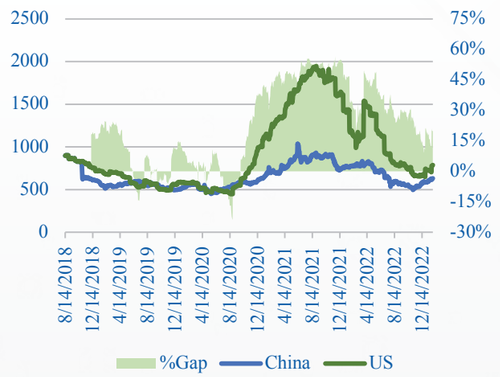
Giá quặng sắt và than cốc

Quặng sắt: Nguồn cung quặng sắt trong năm 2023 theo khảo sát được dự báo rất ổn định và không hề suy giảm khi những nhà xuất khẩu quặng sắt lớn của thế giới là Rio Tinto, Vale và FMG đều dự kiến tăng sản lượng thêm 1-2%. Tổng lượng khai thác quặng sắt dự kiến của cả ba công ty ước tính đạt 831 triệu tấn (+2% so với cùng kỳ). Ngoài ra, Trung Quốc và Úc đang dần bình thường hóa quan hệ thương mại, điều đó có thể tiếp tục làm giảm giá quặng sắt.

Than cốc: Than cốc là sản phẩm chính phục vụ cho ngành công nghiệp luyện than và điện. Giá than đã tăng rất cao trong năm 2022 do ảnh hưởng cuộc chiến Nga – Ukraine. Việc Nga chiếm đến 15% sản lượng than xuất khẩu toàn cầu hiện đang chịu các lệnh cấm vận khiến giá than tăng rất mạnh. Trong đó, giá than nhiệt 5,500kcal tại Cảng Thanh Đảo đã tăng lên đỉnh điểm 250 USD/tấn ở giữa năm 2022 trước khi điều chỉnh về mức 175 USD/tấn trong tháng 1/2023.

Giá HRC toàn cầu có xu hướng tăng ngược trở lại trong ngắn hạn

Do ảnh hưởng lạm phát, các nhà sản xuất thép ở Mỹ đã tạm dừng một số lò khiến vào tháng 10/2022, hiệu suất ngành thép ở Mỹ xuống dưới 75%. Tuy nhiên trong một số động thái gần đây, khi lạm phát ở Mỹ đã đạt đỉnh, dù giảm chậm nhưng là tín hiệu cho việc lạm phát dần được kiểm soát đã thúc đẩy nhu cầu đầu cơ thép ở Mỹ. Hiện tại, giá HRC ở Mỹ đã lên mức 1200 USD/tấn, tăng hơn 80% so với đáy trong quý 4/2022.



HÌNH 10: CHÊNH LỆCH GIỮA GIÁ HRC TRUNG QUỐC VÀ MỸ GIAI ĐOẠN 2018 - T1/2023



HÌNH 11: GIÁ THAN NHIỆT 5,500KCAL THANH ĐẢO GIAI ĐOẠN 2016 - T1/23 (USD/TON)

**Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam, Reuters*

TÔN NAM KIM 2022

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2022, dưới áp lực từ lãi suất và thị trường không còn thuận lợi nhưng Công ty vẫn có thể ghi nhận doanh thu bằng 82,6% kế hoạch, đạt 23,128 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế của Công ty âm 124 tỷ đồng, dù không đạt kế hoạch đề ra nhưng vẫn rất đáng khích lệ trong bối cảnh giá HRC giảm 38% từ đỉnh quý 3/2021. Tuy nhiên, giá HRC giảm quá nhanh trong năm 2022 đã khiến Công ty phải trích lập tiếp tục 290 tỷ trong quý 4/2022. Vốn chủ sở hữu tăng lên 2,632 tỷ đồng nhờ chia cổ tức bằng cổ phiếu. Sản lượng bán hàng mảng tôn mạ đạt 706,700 tấn, giảm 24.2% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, mảng ống thép đã cho thấy sự tăng trưởng với sản lượng tiêu thụ năm 2022 đạt 168,600 tấn, tăng 14.4% so với cùng kỳ.

Tổng kết cho năm 2022, kết quả kinh doanh chưa đạt được như kỳ vọng đến từ nhiều nguyên nhân, trong đó:

- Giá HRC giảm mạnh trong nửa sau năm 2022, dẫn đến việc trích lập dự phòng liên tục từ quý 4/2021 cho đến quý 4/2022.
- Thị trường bất động sản trong nước đóng băng.
- Lạm phát tăng quá nhanh khiến nguồn vốn đầu tư và phát triển từ các nước cũng đều co hẹp lại.

Nhưng trong những điểm chưa hoàn thành, Công ty đã có những điểm sáng hết sức khích lệ như:

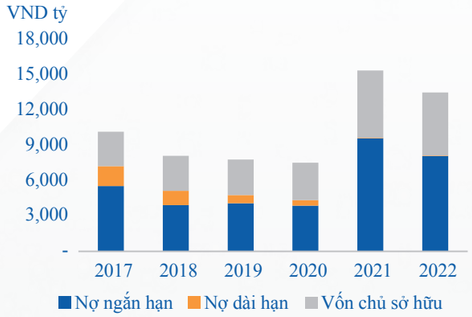
- Hệ thống quản trị vận hành tích hợp nền tảng ERP – SAP HANA S/4 vận hành tối ưu, giúp Công ty luôn giữ vững nhịp độ sản xuất ở mức trên 100% công suất bất chấp việc chuỗi cung ứng đứt gãy.
- Giữ vững và tiếp tục phát triển thị trường xuất khẩu. Tính đến năm 2022, Công ty đã xuất đi hơn 65 quốc gia và vùng lãnh thổ. Ngoài ra, Công ty còn có mức thuế chống bán phá giá thấp nhất ở những thị trường như Canada, Mexico, Australia và Malaysia. Qua đó, có lợi thế lớn để bán hàng đi các thị trường này.
- Cho ra đời dòng sản phẩm AZ200, bảo hành đến 25 năm và kiện toàn toàn bộ bộ máy quản lý giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	KH 2022	TH 2021	TH 2022	% TH 2022/KH 2022	% TH 2022/KH 2021
Doanh thu thuần	28,000,000	28,206,149	23,128,328	-17%	-18%
Vốn điều lệ	2,183,985	2,183,985	2,632,778	21%	21%
Lợi nhuận sau thuế	1,600,000	2,225,568	-124,684	-107.8%	-105%
Biên lợi nhuận sau thuế (%)	5.7%	7.9%	-0.5%	-109%	-106%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (%)	14.2%	38.9%	-2.3%	-116%	-106%

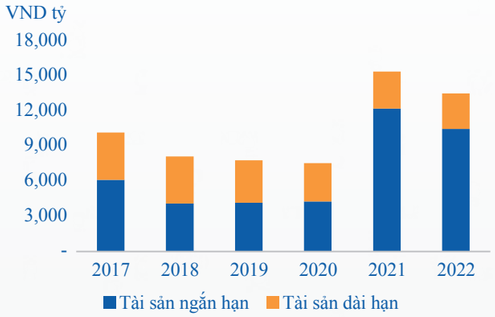
Năm 2023, đứng trước rủi ro về lãi suất và sự suy yếu của thị trường, Công ty định hướng chú trọng đẩy mạnh sức mạnh nội tại. Trong năm 2023, Tôn Nam Kim chú trọng đến việc ổn định sản xuất, duy trì mối quan hệ với các đại lý cũng như các thị trường xuất khẩu. Đồng thời Công ty chủ động tìm thêm thị trường mới. Tầm nhìn tới năm 2025, tổng công suất của Tôn Nam Kim sẽ tăng lên 1.5 triệu tấn và hướng tới sản xuất các dòng sản phẩm CRC cao cấp phục vụ cho ngành sản xuất đồ gia dụng.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Tiếp nối những thành quả trong năm 2022, Công ty tiếp tục chiến lược gia tăng sức khỏe tài chính nội tại thông qua việc tăng cường trả nợ vay dài hạn, đồng thời tìm kiếm các nguồn vay ngắn hạn có lãi suất ưu đãi hơn. Tôn Nam Kim hiện nay hầu như không còn nợ dài hạn. Chỉ trong vòng 5 năm, từ năm 2018 - 2022, Tôn Nam Kim đã hoàn tất thanh toán hơn 1,200 tỷ nợ dài hạn. Trong năm 2023, Tôn Nam Kim đã tạm thời ngưng triển khai dự án xây dựng Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ trong bối cảnh lãi suất cao và thị trường tiêu thụ chưa thực sự tốt. Tỷ lệ tiền mặt/tổng tài sản tăng mạnh từ 7.8% trong năm 2021 lên mức 9.3% trong năm 2022 và dự kiến tiếp tục tăng lên trong năm 2023 khi lượng hàng tồn kho sẽ dần giảm trong năm 2023.



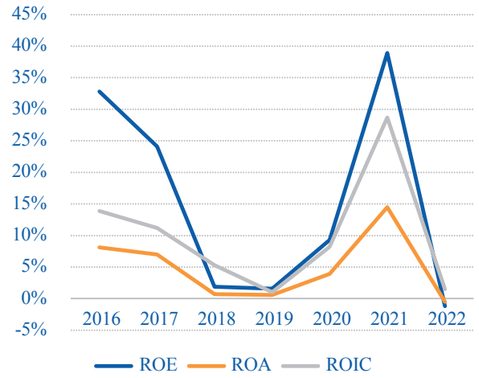
HÌNH 12: CƠ CẤU NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU



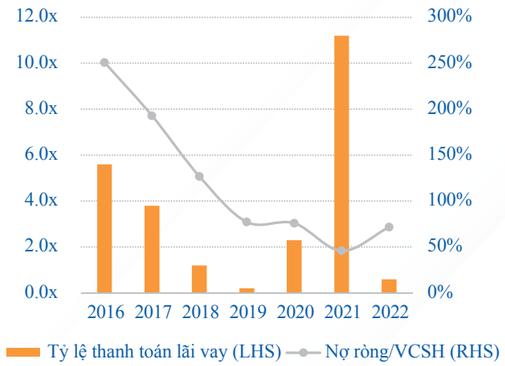
HÌNH 13: TỶ LỆ NỢ VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN LÃI VAY QUA CÁC NĂM

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản trong năm 2022 đạt 60.5%, giảm nhẹ từ mức 63% năm 2021. Ngoài ra, áp lực rút ngắn thời gian công nợ từ các nhà cung cấp đã khiến các khoản phải trả trong năm 2022 giảm về mức 11% (so với 21.1% trong năm 2021). Để đảm bảo cho việc duy trì thanh khoản nhưng vẫn duy trì lợi ích của cổ đông, Tôn Nam Kim đã trả cổ tức VND 1,000/cp trong năm 2022 cũng như trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%. Qua đó vốn chủ sở hữu của Tôn Nam Kim kết thúc năm 2022 đạt 2,632 tỷ đồng. Sau khi tăng vốn và trả cổ tức, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm 2022 cũng đã giảm về mức 1,628 tỷ đồng, chiếm 31% vốn chủ sở hữu.



HÌNH 14: CƠ CẤU NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU



HÌNH 15: TỶ LỆ NỢ VÀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN LÃI VAY QUA CÁC NĂM

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Năm 2022 hầu hết các chỉ số về năng lực hoạt động của Tôn Nam Kim gần như không đổi. Khi chiến tranh Nga – Ukraine diễn ra, cộng với việc năm 2022 Trung Quốc tiếp tục đóng cửa, các đơn vị cung cấp HRC của Trung Quốc tăng cường đẩy mạnh giao hàng ngay khiến Tôn Nam Kim buộc phải giảm số ngày công nợ, dẫn đến số ngày phải trả giảm từ 63 ngày về 40 ngày. Nguồn cung HRC thay thế từ Nga, vốn đạt chất lượng cao, Tôn Nam Kim cũng không còn mua thay thế nhằm tránh rủi ro liên quan về cấm vận. Tuy nhiên, trong bối cảnh giá HRC giảm liên tục, Ban lãnh đạo Công ty cũng đã cố gắng cân bằng vòng quay tiền bằng việc giảm dần hàng tồn kho. Vòng quay hàng tồn kho năm 2022 giảm về mức 118 ngày (so với 126 ngày năm 2021) và tiếp tục dự kiến giảm trong năm 2023. Các khoản phải thu trong năm 2022 vẫn duy trì thanh khoản tốt dựa trên chiến lược ưu đãi cho các đại lý có tốc độ thanh toán tốt. Số ngày của vòng quay khoản phải thu năm 2022 ở mức rất thấp, chỉ còn 17 ngày. Nhờ uy tín về chất lượng trên thị trường, Tôn Nam Kim luôn giữ cho mình vị thế đàm phán phù hợp, đảm bảo lợi ích cho không chỉ Tôn Nam Kim mà còn cho các đối tác. Nhưng trong bối cảnh tiêu thụ ở mảng xuất khẩu lẫn nội địa đều suy giảm, vòng quay tiền mặt của Tôn Nam Kim trong năm 2022 bị kéo dài thêm 25% lên mức 94 ngày.

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Do ảnh hưởng của việc trích lập dự phòng hàng tồn kho, trong năm 2022 các chỉ tiêu sinh lời của Tôn Nam Kim có những biến động mạnh. Trong đó, biến động mạnh nhất là khả năng sinh lời trên tài sản (ROA) năm 2022 đã về mức âm 0.9% (so với 38.9% năm 2021). Tuy nhiên hiện tại giá HRC Trung Quốc đã hồi phục lên mức 652 USD/tấn vào tháng 3/2023, tăng 25% so với tháng 11/2022, giúp Tôn Nam Kim giảm áp lực trích lập dự phòng trong nửa đầu năm 2023. Ngoài ra, năm 2022 Tôn Nam Kim đã tăng vốn lên 2,632 tỷ đồng nhưng lợi nhuận chưa đạt được như kỳ vọng đã khiến các chỉ tiêu sinh lời trên vốn chủ sở hữu giả về mức âm 2.3% (so với 14.5% năm 2021).

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Chỉ tiêu	2021	2022
Khả năng thanh toán (x)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.3x	1.3x
Hệ số thanh toán nhanh	0.7x	0.7x
Hệ số thanh toán tiền mặt	0.1x	0.2x
Chỉ tiêu cơ cấu vốn (%)		
Nợ ròng / Tổng tài sản	17%	28.7%
Nợ ròng / Vốn chủ sở hữu	45.8%	72.5%
Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	169%	153%
Khả năng thanh toán lãi vay	10.5x	-0.4x
Chỉ tiêu về vòng quay tiền (Ngày)		
Vòng quay khoản phải trả	63 ngày	40 ngày
Vòng quay khoản phải thu	19 ngày	17 ngày
Vòng quay hàng tồn kho	126 ngày	118 ngày
Vòng quay tiền mặt	82 ngày	94 ngày
Tỷ suất sinh lời (%)		
ROA	38.90%	-0.9%
ROE	14.50%	-2.3%
ROIC	26.7%	-1.0%
ROCE	28.70%	2.0%
Biên lợi nhuận (%)		
Biên lợi nhuận gộp	15.14%	6.4%
Biên lợi nhuận từ HDKD	9.04%	-0.5%
Biên lợi nhuận trước thuế	9.08%	-0.5%
Biên lợi nhuận sau thuế	7.89%	-0.5%

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	2021	2022	Tăng trưởng %
Tổng tài sản	15,397,915	13,460,759	-12.6%
Doanh thu thuần	28,206,149	23,128,328	-18.0%
Lợi nhuận gộp	4,269,656	1,481,360	-65%
Lợi nhuận từ HDKD	2,550,937	-106,844	-104.2%
Lợi nhuận khác	11,091	-67	-100%
Lợi nhuận trước thuế	2,562,028	-106,912	-101.8%
Lợi nhuận sau thuế	2,225,261	-124,684	-105.6%

TỔNG QUAN

Trong năm 2022, đứng trước những biến động lớn từ thị trường, dựa trên những định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc (BTGĐ) đẩy mạnh những quyết định phù hợp để cân đối giữa doanh thu, sản xuất, lợi nhuận và công tác bán hàng. Trên tinh thần "Củng cố năng lực nội tại", bất chấp những ảnh hưởng kém tích cực từ lãi suất ngân hàng đến nhu cầu thị trường, BTGĐ vẫn duy trì tốt công tác ổn định sản xuất và bán hàng của Công ty. Qua đó kết thúc năm 2022, Tôn Nam Kim vẫn ghi nhận được những kết quả đáng khích lệ như:

- Sản lượng tiêu thụ tôn mạ và ống thép lần lượt đạt 706,700 tấn và 168,600 tấn. Trong đó, riêng sản lượng ống thép tăng trưởng 14.4%.
- Giữ vững thanh khoản của Công ty, trả hết nợ dài hạn.
- Tiếp tục nghiên cứu các dòng sản phẩm hợp kim mới với định hướng cạnh tranh bằng sự khác biệt.
- Đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, đảm bảo sức khỏe và an sinh cho CBCNV.
- Nâng cao hiệu quả điều hành và quản trị, thông qua việc áp dụng hệ thống ERP – SAP HANA S/4.

Kết quả hoạt động

Chỉ tiêu	2021	2022	Thay đổi (%)
Doanh thu thuần	28,173,402	23,071,247	-18.0%
Giá vốn hàng bán	-23,903,545	-21,589,886	-9.7%
Lợi nhuận gộp	4,269,857	1,481,360	-65.3%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2,550,937	-106,844	-104.2%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước khấu hao	2,929,771	271,989	-90.7%
Lợi nhuận sau thuế	2,225,261	-124,684	-105.6%
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	218,398,568	263,277,806	20.5%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8,452	-474	-105.6%

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2022

VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Trong năm 2022, sản lượng tiêu thụ tôn mạ và ống thép của Tôn Nam Kim lần lượt đạt 706,700 tấn (-24.2% so với cùng kỳ) và 168,600 tấn (+14.4% so với cùng kỳ). Trong đó, mảng ống thép đạt được những kết quả hết sức tích cực khi tăng trưởng cao gấp 3 lần tốc độ tăng trưởng sản lượng ống thép toàn ngành. Qua đó giúp thị phần mảng ống thép của Tôn Nam Kim tăng từ 5.4% trong năm 2021 lên 6.4% năm 2022. Thị phần mảng tôn mạ năm 2022 ước đạt 16.9%, giảm nhẹ so với mức 17.4% trong năm 2021, chủ yếu đến từ việc Công ty trong giai đoạn 2020 – 2021 tập trung vào thị trường xuất khẩu, tuy từ giữa năm 2022 Tôn Nam Kim đã tăng hơn sự tập trung vào thị trường nội địa nhưng vẫn cần thêm thời gian để trở lại thị phần vốn có.

Về kết quả kinh doanh, tổng doanh thu đạt là 23.128 tỷ đồng (trong đó doanh thu thuần toàn đạt 23.071 tỷ đồng), giảm 18% so với năm 2021. Trong năm 2022 giá thép giảm quá sâu đã khiến lượng hàng tồn kho của Tôn Nam Kim không thể điều chỉnh giá theo kịp, do đó biên lợi gộp đã giảm mạnh từ 15.1% trong năm 2021 về mức 6.4% trong năm 2022. Trong năm 2022, chi phí vận tải vẫn ở mức cao, chiếm trên 60% trong hơn 1,200 tỷ chi phí bán hàng của Tôn Nam Kim. Nhưng ở thời điểm hiện tại, giá cước tàu biển dần trở về mức trước dịch, qua đó Tôn Nam Kim sẽ dự kiến giảm được giá thành và cải thiện biên lợi nhuận trong năm 2023.

VỀ TÌNH HÌNH TÀI SẢN

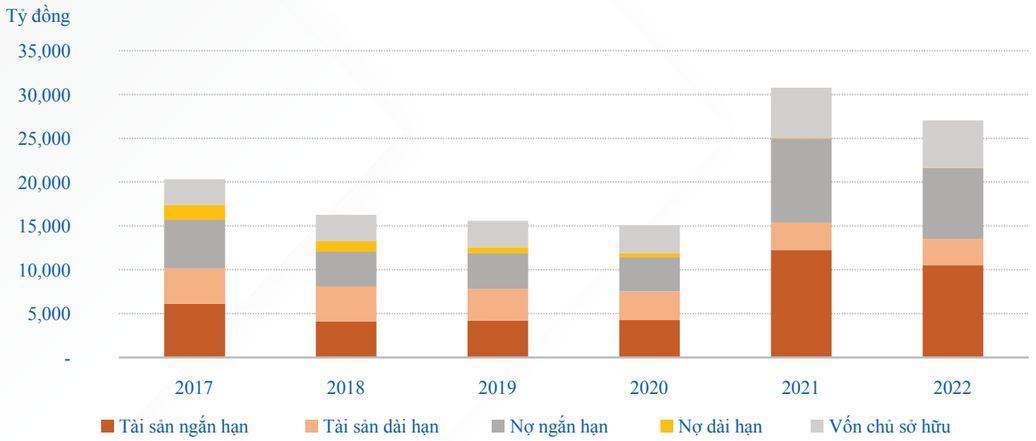
Năm 2022, tổng tài sản đạt 13,460 tỷ đồng, giảm 12.6% so với năm 2021. Trong đó, tài sản ngắn hạn đạt 10,414 tỷ đồng, chiếm 77% tổng sản lượng. Lượng hàng tồn kho vẫn ở mức cao, chiếm 52% tổng tài sản. Do ảnh hưởng của việc giá HRC giảm hơn 30% từ đỉnh tháng 11/2021, Công ty đã phải trích lập tổng cộng 710 tỷ đồng hàng tồn kho trong năm 2022. Trong những tháng đầu năm 2023, giá HRC đã hồi phục 20% từ đáy tháng 11/2022, qua đó giúp biên lợi nhuận trong quý 1/2023 lợi nhuận dự kiến sẽ ổn định hơn. Trong năm 2021 - 2022, đứng trước nhu cầu tăng cao đến từ cả thị trường xuất khẩu lẫn nội địa, Công ty đã chủ động cải tiến hệ thống mạ cũng như tẩy rửa, qua đó giúp công suất tăng thêm 200,000 tấn. Tổng công suất năm đạt 1.2 triệu tấn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

VỀ TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN VÀ NỢ

Trong năm 2022, BTGĐ tiếp tục thực hiện tìm kiếm các phương án cơ cấu tài chính an toàn, với tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu chỉ ở mức 1.5x lần. Trong đó hầu hết nợ vay đến từ nợ ngắn hạn, bổ sung vốn lưu động cho Công ty cho đến hết năm 2022, nợ vay dài hạn của Tôn Nam Kim chỉ còn 3 tỷ đồng. Nợ vay ngắn hạn ở mức 5,111 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ. Nợ ròng của Tôn Nam Kim ở mức 3,857 tỷ đồng (so với mức 2,620 tỷ đồng năm 2021). Trong nửa cuối năm 2022, các ngân hàng đã tăng lãi suất cho vay thêm từ 2% - 3%, do đó chi phí lãi vay của Tôn Nam Kim trong năm 2022 tăng lên mức 262 tỷ đồng. Tôn Nam Kim luôn đặt những tiêu chuẩn khắt khe về việc duy trì sức khỏe tài chính vững mạnh, đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông. Hiện nay, chúng tôi khiêm tốn nhận rằng Tôn Nam Kim đang là một trong những doanh nghiệp có mức điểm tín dụng tốt nhất trong mắt của các tổ chức ngân hàng về sức khỏe tài chính.

Giá trị vốn chủ sở hữu cuối năm 2022 của Tôn Nam Kim đạt 5,319 tỷ đồng, giảm 7% so với năm 2021 với phần lợi nhuận giữ lại chưa phân phối chiếm 31% vốn chủ sở hữu. Giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu NKG theo đó cũng đạt 19,130 đồng VND/cổ phiếu, giảm 8% so với năm 2021.



HÌNH 16: CƠ CẤU TÀI SẢN CỦA NKG GIAI ĐOẠN 2016 - 2022

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TRONG NĂM 2022

Trong bối cảnh mà thị trường bất động sản đóng băng, địa chính trị diễn biến khó lường, đặc biệt mối lo đến từ lãi suất tăng cao, BTGĐ nhận định năm 2023 sẽ đối diện với rất nhiều những khó khăn.

Nhận thức rõ những khó khăn, thách thức phải đối mặt cũng như tiềm năng, cơ hội cần nắm bắt trong bối cảnh mới, BTGĐ Tôn Nam Kim đã, đang và sẽ kiên định, khẩn trương thực hiện những giải pháp sau:

GIA TĂNG NĂNG LỰC NỘI TẠI CỦA DOANH NGHIỆP THÔNG QUA NÂNG CAO NĂNG LỰC QUẢN TRỊ :

Tiếp tục xây dựng và cải tiến quy trình dựa trên sự thành công của hệ thống quản trị toàn diện ERP – SAP HANA S/4 từ năm 2020. Ngoài ra, trong năm 2022 Tôn Nam Kim đã áp dụng thành công những cải tiến về hệ thống quản lý dữ liệu thông tin, đồng bộ tin nhắn và dữ liệu. Hiện nay, toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp được hệ thống hóa trên nền tảng dữ liệu thống nhất, tức thời. Chi phí sản xuất, bán hàng, luân chuyển hàng tồn kho, vật tư nguyên liệu được truy vết từ đầu vào đến đầu ra. Các quyết định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên số liệu được phân tích cập nhật tức thời. Chính sách quản lý hàng tồn kho hợp lý, kiểm soát rủi ro biến động giá trong mỗi giai đoạn được tuân thủ triệt để nhằm giảm thiểu tình trạng giá nguyên vật liệu biến động ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh. Ngoài ra, BTGĐ liên tục tổ chức các buổi đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, các kỹ năng an toàn cho người lao động.

Mục tiêu năm 2023, BTGĐ đề ra là tiếp tục tối ưu hóa hoạt động sản xuất trên tinh thần "Kaizen – Cải tiến liên tục", dựa trên triết lý hoạt động cốt lõi của Tôn Nam Kim là "Cải tiến và đổi mới không ngừng trong mọi hoạt động của doanh nghiệp".

CẢI THIỆN NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG, GIẢM GIÁ THÀNH, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Cùng với việc ứng dụng hệ thống ERP, các quy trình vận hành sản xuất và kinh doanh được chuẩn hóa giúp thúc đẩy năng suất lao động và các định mức tiêu hao trong quá trình sản xuất được theo dõi tức thời. Toàn bộ nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm và thành phẩm được quản lý, truy vết trên từng công đoạn. Chính vì vậy, chi phí sản xuất được kiểm soát chặt chẽ và chất lượng sản phẩm được cải thiện, đạt các tiêu chuẩn khắc khe một cách ổn định, thúc đẩy hoạt động bán hàng ở phân khúc chất lượng cao tại thị trường nội địa cũng như xuất khẩu sang các thị trường Châu Âu và Bắc Mỹ.

ĐẢM BẢO CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA DOANH NGHIỆP CHO CBCNV

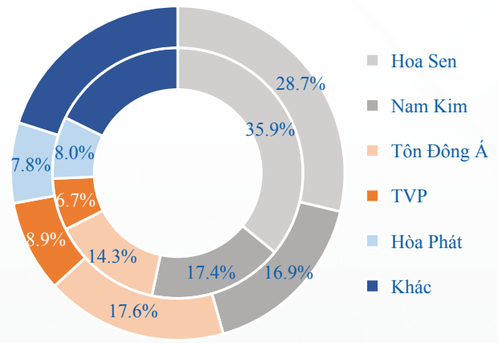
Với gần 1,400 thành viên trong đại gia đình Tôn Nam Kim, BTGĐ thấu hiểu rằng từng người là một bánh răng góp phần phát triển và xây dựng sự phồn vinh cho Công ty. Bất chấp việc đơn hàng thiếu hụt, Tôn Nam Kim vẫn duy trì lực lượng lao động trên tinh thần cam kết cao nhất sẽ hạn chế tối thiểu tình trạng cắt giảm nhân sự. Tỷ lệ trung bình người lao động có chuyên môn Cao Đẳng, Đại Học và trên Đại học hiện chiếm 50% Công ty. Bất chấp việc lợi nhuận bị suy giảm, nhưng Tôn Nam Kim vẫn duy trì phúc lợi đầy đủ cho người lao động. Trong đó, mức thu nhập trung bình của CBCNV của Tôn Nam Kim cao gấp đôi so với mức GDP trung bình/người Việt Nam năm 2022.

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG, BẢO VỆ VÀ GIA TĂNG THỊ PHẦN

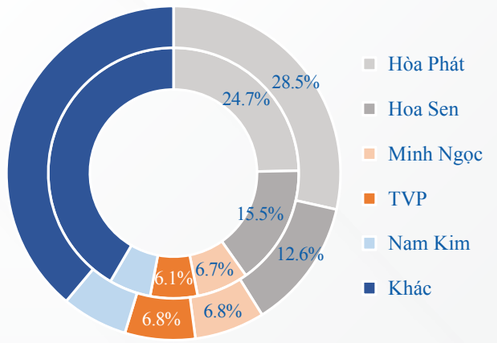
Với BTGĐ, chúng tôi hiểu rằng riêng với ngành tôn mạ ở Việt Nam, vốn đang dư thừa công suất, công tác bán hàng là yếu tố sống còn của doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2020 – 2021 vừa qua, hoạt động xuất khẩu thuận lợi nhưng rõ ràng đang gặp vấn đề lớn về mặt nhu cầu khi các nước trên thế giới đều cắt giảm mạnh chi tiêu. BTGĐ Tôn Nam Kim đánh giá đây là khó khăn chung toàn cầu và chủ động xây dựng chiến lược cạnh tranh dựa trên ba trụ cột như sau:

(1) Cạnh tranh bằng sự khác biệt trong chất lượng sản phẩm;
(2) Cạnh tranh bằng sự hài lòng của khách hàng;
(3) Cạnh tranh bằng mức giá hấp dẫn.

Lấy đòn bẩy từ thương hiệu Tôn Nam Kim có bề dày lịch sử 20 năm, là thương hiệu quốc gia với chất lượng sản phẩm được khẳng định ở nhiều thị trường như Mỹ, Nhật, EU, Indonesia, Mexico... Tôn Nam Kim tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu gia tăng chất lượng sản phẩm để tạo ra giá trị vượt trội cho khách hàng. Bằng chứng trong năm 2022, thị phần tôn mạ của Tôn Nam Kim vẫn duy trì trong Top 3 toàn ngành, đạt 16.9% (so với 17.4% trong năm 2021). Đối với mảng ống thép, thị phần gia tăng từ 5.4% trong năm 2021 lên 6.4% trong năm 2022.



HÌNH 17: THỊ PHẦN MẢNG TÔN MẠ NĂM 2022



HÌNH 18: THỊ PHẦN MẢNG ỐNG THÉP NĂM 2022

**Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam, Reuters | Vòng trong 2021, vòng ngoài 2022*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ HOẠCH KINH DOANH, ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2023

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023

Tiếp bước của năm 2022, BTGĐ và tập thể CBCNV Tôn Nam Kim quyết tâm đoàn kết, nỗ lực hết mình để hoàn thành kế hoạch kinh doanh được HĐQT giao phó với các chỉ tiêu sau:

TỔNG SẢN LƯỢNG	**940.000 TẤN**
TỔNG DOANH THU	**20.000 TỶ VND**
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	**400 TỶ VND**

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2023

Để thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023, BTGĐ đề ra định hướng chiến lược **"ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, CẠNH TRANH BẰNG SỰ KHÁC BIỆT"** với những giải pháp như sau:

- Khai thác hiệu quả nhất nguồn lực hiện có, tối ưu hóa năng lực các dây chuyền sản xuất để qua đó gia tăng năng suất, tiết giảm chi phí sản xuất trên mỗi đơn vị sản phẩm, gia tăng năng lực cạnh tranh;

- Tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mạ màu và hợp kim. Hướng tới các dòng sản phẩm có thể phục vụ cho sản xuất đồ gia dụng, chi tiết máy, cơ khí chính xác. Tiếp tục nghiên cứu các dòng sản phẩm mới, phục vụ cả cho các nhà máy hiện hữu và chiến lược xây dựng Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ trong tương lai;

- Hạ tỷ lệ hàng tồn kho về mức phù hợp, tăng tính thanh khoản, tiếp tục tập trung giảm chi phí lãi vay và giảm thiểu rủi ro phải trích lập các khoản dự phòng;

- Củng cố những mối quan hệ với khách hàng và xây dựng những bộ sản phẩm đa dạng và phù hợp với thị hiếu;

- Kiện toàn toàn bộ bộ máy quản lý giúp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

Báo cáo của Hội đồng quản trị	69
Hoạt động của Hội đồng quản trị	71
Báo cáo của Ban kiểm soát	72
Quản trị rủi ro	75
Cổ phiếu NKG	79



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam trải qua hai trạng thái đối lập. Trong nửa đầu năm 2022, các nhà máy kỳ vọng sự phục hồi mạnh mẽ từ các nền kinh tế, các nhà máy liên tục phải tuyển mới lao động trong bối cảnh rất nhiều lao động đã về quê trong quá trình cách ly xã hội năm 2021. Tuy nhiên, cuộc chiến giữa Nga – Ukraine đã diễn ra, giá nguyên liệu tăng vọt tạo áp lực cực lớn cho các nhà sản xuất thép. Cùng lúc đó, thế giới đang chịu tác động rất lớn của lạm phát, vốn là hệ quả của chính sách nới lỏng tiền tệ suốt hai năm 2020 – 2021 đã khiến cho sản xuất đình trệ, thất nghiệp gia tăng, nhu cầu suy giảm ở phạm vi toàn cầu. Tất cả các điều đó đã tác động mạnh mẽ lên ngành công nghiệp thép Việt Nam, vốn phụ thuộc rất lớn vào thị trường xây dựng nội địa.

GDP Việt Nam năm 2022 tăng 8.02%, cao nhất giai đoạn 2011 – 2022 tới nay. Ngành xây dựng đạt tốc độ tăng trưởng 8.17%, đóng góp 0.59 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP chung của cả nước. Tuy nhiên, bức tranh vĩ mô đã có sự suy yếu từ cả yếu tố nội tại lẫn ngoại cảnh, đặc biệt từ tháng 4/2022, khi ngân hàng có những tín hiệu hạn chế hạn mức cho vay cho mảng bất động sản. Cùng trong tháng 4/2022, giá các loại hàng hóa, đặc biệt là chất đốt tăng cao báo hiệu cho một giai đoạn lạm phát tăng phi mã trong nửa cuối năm 2022. Trước những biến động khó lường chỉ trong 4 tháng đầu năm 2022, HĐQT đã kịp thời đánh giá tình hình và đưa ra dự báo nửa cuối năm 2022 sẽ cực kỳ nhiều thách thức.

Nhận định đó đã rất chính xác khi thị trường thép và tôn mạ trong nửa sau năm 2022 cực kỳ ảm đạm. Tính chung cả năm 2022, theo số liệu của VSA, sản xuất thép thành phẩm các loại đạt 29.3 triệu tấn, giảm 12% so với cùng kỳ và sản lượng bán hàng chỉ đạt 27.3 triệu tấn, giảm 7.2% so với cùng kỳ năm 2021. Tính riêng với mặt hàng thép cán nguội sản lượng sản xuất và bán hàng đều giảm mạnh, lần lượt đạt 3.99 triệu tấn và 2.018 triệu tấn, giảm 22.7% và 11.8% so với cùng kỳ năm 2021. Mặt hàng tôn KL & SPM cũng không nằm ngoài tình hình ảm đạm, khi sản lượng tiêu thụ nội địa và xuất khẩu chỉ đạt 4.18 triệu tấn và 2.086 triệu tấn, giảm lần lượt 21.8% và 38.1% so với cùng kỳ năm 2021.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH

Dưới vô vàn áp lực, Tôn Nam Kim vẫn ghi nhận những kết quả kinh doanh thể hiện sự cố gắng và nỗ lực trong năm 2022. Bất chấp nhu cầu suy giảm hai chữ số, doanh thu năm 2022 vẫn đạt 23,128 tỷ đồng, đạt 82% so với kế hoạch đặt ra. Nợ dài hạn đã hoàn toàn tất toán, áp lực tài chính đối với Công ty dù còn hiện hữu nhưng dự kiến sẽ giảm theo sản lượng hàng tồn kho.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Năm 2022, Tôn Nam Kim tiêu thụ tổng cộng 706,700 tấn sản phẩm tôn mạ và 168,600 tấn ống thép các loại. Công ty không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh trong ngành. Đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, sử dụng công nghệ tiên tiến đến từ Hàn Quốc, Đài Loan và Đức nhằm nâng cao năng suất.

Tính đến năm 2021, Công ty có 04 nhà máy sản xuất các sản phẩm tôn mạ, ống thép với công suất sản xuất lên đến 1,2 triệu tấn/năm. Do bối cảnh thị trường không thuận lợi, Tôn Nam Kim hiện tạm ngừng đầu tư dự án Nhà máy Tôn Nam Kim Phú Mỹ và chờ đợi thời điểm phù hợp hơn.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG

Với mục tiêu tối ưu hiệu quả kinh doanh, giữ vững và phát triển thị phần, Tôn Nam Kim đã thực hiện các biện pháp sau đối với hoạt động bán hàng:

- Thường xuyên nghiên cứu thị trường để nắm bắt kịp thời nhu cầu của khách hàng;
- Liên tục cập nhật những biến động của thị trường để nhanh chóng đưa ra kế hoạch;
- Đáp ứng được yêu cầu về nguồn gốc nguyên vật liệu khi xuất khẩu, với nguồn nguyên vật liệu sản xuất mua từ Formosa và Nippon Steel (đây đang là ưu thế của Công ty);
- Tiếp tục tìm tòi, nghiên cứu để đưa ra thị trường những sản phẩm mới đạt chất lượng cao với mẫu mã bắt mắt;
- Đẩy mạnh việc xây dựng thương hiệu Tôn Nam Kim trên thị trường, giữ vững uy tín và vị thế trong ngành.
- Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng mới ở cả thị trường quốc tế lẫn nội địa.



HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Tổng giám đốc và các thành viên Ban Tổng giám đốc thông qua các báo cáo tại các cuộc họp HĐQT, các báo cáo bổ sung, các báo cáo tháng, các báo cáo bất thường về tình hình triển khai các chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được HĐQT phê duyệt.

Trên cơ sở công tác giám sát, HĐQT đã có những đánh giá và kết luận kịp thời để Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc triển khai, điều hành hoạt động kinh doanh hiệu quả.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo đánh giá của HĐQT, Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc đã xây dựng phương án kinh doanh, thích ứng và điều chỉnh linh hoạt với diễn biến của thị trường; công tác quản trị được chú trọng, tiết giảm chi phí tài chính, chi phí sản xuất, chi phí bán hàng; hoạt động xuất khẩu đã được tổ chức hiệu quả, đa dạng thị trường, giảm thiểu tối đa các rủi ro do chính sách phòng vệ thương mại, chống phá giá từ các thị trường xuất khẩu.

Tổng giám đốc và Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và hoàn thiện hệ thống kiểm soát và quản lý.

HĐQT đánh giá Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành nhiệm vụ được giao phó.

Ngoài ra, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức, ủy quyền cho HĐQT lập phương án phát hành, sửa đổi Điều lệ sau khi tăng vốn. Nay đã phát hành xong, đã tăng vốn điều lệ và sửa Điều lệ với phần vốn tương ứng.

ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2023 là năm mà HĐQT đánh giá là thời điểm để củng cố lại các mối quan hệ đối với đối tác trong và ngoài nước cũng như ổn định tình hình tài chính. Trải qua những giai đoạn hết sức khó khăn trong quá khứ, như giai đoạn khủng hoảng kinh tế Việt Nam 2011 – 2012 hay giai đoạn chiến tranh thương mại 2018 – 2019, **HĐQT cho rằng thị trường năm 2023 sẽ chưa thực sự thuận lợi để tăng trưởng, nhưng những gì khó khăn nhất đã qua.**

Hiểu được điều đó, HĐQT chủ động, tích cực thực hiện những định hướng chiến lược sau để có thể phát huy tối đa nội lực của Tôn Nam Kim, nắm bắt cơ hội hướng đến sự phát triển bền vững:

- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung quy chế bổ nhiệm, tái bổ nhiệm luân chuyển của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp cho phù hợp với quy mô, đặc thù Công ty;
- Thực hiện công tác quản trị tài chính doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy chế tài chính của Công ty, sử dụng hợp lý các nguồn vốn vay;
- Cơ cấu, sắp xếp lại các nguồn lực;
- Kiểm tra, kiểm soát và giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh và chi phí đầu tư để đạt được hiệu quả;
- Nâng cao hiệu quả của các kênh bán hàng bằng việc mở rộng tìm kiếm thị trường mới, khách hàng mới; Tiếp tục nghiên cứu thị trường để nắm bắt thị hiếu khách hàng;
- Tăng tỷ trọng những mặt hàng có biên lợi nhuận dựa trên quy trình sản xuất khép kín của Tôn Nam Kim;
- Theo dõi sản lượng, giá bán, lợi nhuận, tồn kho, quy cách của từng mặt hàng của mỗi thị trường để có kế hoạch sản xuất, điều chuyển hàng hóa và đưa ra các giải pháp phù hợp, kịp thời.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đã tổ chức 8 cuộc họp với sự tham dự của BKS và BTGĐ

THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ LẦN	TỈ LỆ
ÔNG HỒ MINH QUANG	8/8	100%
ÔNG VÕ HOÀNG VŨ	8/8	100%
ÔNG NGUYỄN VINH AN	8/8	100%
BÀ NGUYỄN NGỌC Ý NHI	8/8	100%
ÔNG VÕ THỜI	8/8	100%

(HĐQT nhiệm kỳ 2020 – 2025 được bầu vào ngày 18/06/2020)

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Ban Kiểm toán nội bộ – trực thuộc HĐQT của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim – đơn vị tham mưu, giúp việc cho HĐQT thông qua việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ.

Ngoài Ban Kiểm toán nội bộ, HĐQT không thành lập các tiểu ban giúp việc khác.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có.

HĐQT đã ban hành 8 nghị quyết để định hướng, chỉ đạo kịp thời các vấn đề quan trọng của Công ty. Danh sách các nghị quyết/quyết định được thể hiện trong bảng dưới đây:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG
01	01/2022/NQ-HĐQT	18/02/2022	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ lần 20
02	02/2022/NQ-HĐQT	22/02/2022	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
03	03/2022/NQ-HĐQT	07/04/2022	Thông qua việc thành lập công ty con và đầu tư dự án nhà máy mới
04	04/2022/NQ-HĐQT	05/05/2022	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức
05	05/2022/NQ-HĐQT	23/05/2022	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và trả cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt
06	06/2022/NQ-HĐQT	08/08/2022	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ lần 21
07	07/2022/NQ-HĐQT	29/09/2022	Thông qua việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ, bổ nhiệm Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ và ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ
08	08/2022/NQ-HĐQT	01/10/2022	Thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Phụ trách Kinh doanh Nội địa

HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2022

Hội đồng quản trị (HĐQT) vẫn đảm bảo các cuộc họp thường kỳ trong năm 2022, từng thành viên đều nắm bắt tốt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty để cùng nhau đưa ra những quyết định kịp thời. Do đặc tính tình hình kinh doanh trong nửa cuối năm 2022 cực kỳ biến động, HĐQT đã cùng nhau đưa ra những quyết định để tháo gỡ các khó khăn trên tinh thần giữ an toàn tài chính và duy trì sản lượng. HĐQT luôn tập trung vào các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao phó cũng như giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Tổng giám đốc. Năm qua, các cuộc họp của HĐQT tập trung vào các nội dung sau:

- Xây dựng phương án kinh doanh và chủ động tìm các thị trường mới;
- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị, tăng cường thực hiện công tác kiểm tra quy trình sản xuất để giảm chi phí;
- Bổ nhiệm cán bộ chuyên trách phù hợp, phát triển thị trường nội địa trong bối cảnh thị trường xuất khẩu dự báo sẽ khó khăn;
- Đẩy mạnh xuất khẩu, tiếp tục đi sâu vào các thị trường truyền thống và các thị trường có giá trị cao; đẩy mạnh tiếp cận các thị trường tiềm năng; tùy tình hình thị trường linh hoạt, điều tiết sản lượng cung ứng giữa thị trường trong nước và xuất khẩu nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh;
- Thông qua phương án chia cổ tức bằng tiền mặt và cổ phiếu, với tiêu chí vừa đảm bảo thanh khoản cho Công ty vừa đảm bảo lợi ích cho cổ đông;
- Ban Tổng giám đốc đã theo sát tình hình và diễn biến chung của thị trường, có những giải pháp phù hợp với từng giai đoạn thị trường;
- Duy trì chất lượng đời sống và đãi ngộ của CBCNV;
- Nâng cao vị thế trong và ngoài nước của Tôn Nam Kim;
- Ban Tổng giám đốc đã theo sát tiến độ mở rộng nhà máy, phát huy tối đa hiệu quả trong sản xuất;

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BKS

Trong năm 2022, BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát thông qua các mặt hoạt động chính như sau:

- Tham gia các buổi họp của Ban lãnh đạo Công ty về việc triển khai dự án, theo dõi tiến độ dự án, cũng như kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý và báo cáo tình hình thực hiện kết quả kinh doanh.
- Giám sát tiến độ thực hiện các dự án.
- Kiểm tra công tác kế toán, thống kê, lập báo cáo tài chính đảm bảo tính đầy đủ, hệ thống và nhất quán.
- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước và người lao động.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
- Giám sát việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BKS

Giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 - năm 2023, BKS đã tổ chức 4 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên và thống nhất các vấn đề sau:

- Thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022.
- Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán.
- Thống nhất Báo cáo của BKS về tình hình và kết quả hoạt động trong năm 2022 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BKS VÀ TỪNG KIỂM SOÁT VIÊN

- Các Kiểm soát viên luôn nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn, kinh nghiệm về kế toán, tài chính cũng như hiểu biết pháp luật của mình trong công tác giám sát.
- Đã hoàn thành thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022.
- Các Kiểm soát viên đều tích cực tham dự đầy đủ các cuộc họp BKS, cử đại diện BKS tham dự hầu hết các cuộc họp Hội đồng quản trị với tư cách quan sát viên.

NHÂN SỰ BAN KIỂM SOÁT

BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH NHI

BÀ VÕ THỊ VUI

ÔNG LÊ NHẬT TÂN

SỐ BUỔI HỌP BKS THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ	TỶ LỆ BIỂU QUYẾT
4/4	100%	3/3
4/4	100%	3/3
4/4	100%	3/3

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

BKS đã thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đồng thời theo dõi thường xuyên việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc giao cho các đơn vị trong toàn hệ thống nhằm đạt mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao.

Thực hiện theo quy định của pháp luật, BKS đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên và báo cáo tài chính năm của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu báo cáo tài chính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng quy định của pháp luật và quy định nội bộ.

Trong năm không có thay đổi nào của chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán, chính sách thuế có tác động trọng yếu tới tình hình tài chính và báo cáo tài chính đã công bố.

Không phát hiện sai sót trọng yếu hoặc bất hợp lý liên quan đến các ước tính kế toán (ví dụ các khoản dự phòng, xác định lợi thế thương mại …)

Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty đối với các giao dịch các bên liên quan.

Thực hiện đúng và đầy đủ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS và từng thành viên BKS.

Lược trích những số liệu cơ bản thực hiện trong năm 2022:

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần	23.071.247.285.247 (VNĐ)
Tổng lợi nhuận trước thuế	- 106.912.505.314 (VNĐ)
Lợi nhuận sau thuế	- 124.684.837.727 (VNĐ)

TÀI SẢN CÔNG TY

Tổng tài sản	13.460.759.829.882 (VNĐ)
Tài sản ngắn hạn	10.414.909.064.976 (VNĐ)
Tài sản dài hạn	3.045.850.764.906 (VNĐ)

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Số dư đầu năm (01/01/2022)	5.723.203.694.545 (VNĐ)
Số dư cuối năm (31/12/2022)	5.319.650.135.071 (VNĐ)

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

- BKS luôn phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc nhưng trên nguyên tắc đảm bảo tính độc lập, vì lợi ích tối đa của cổ đông và tuân thủ quy định pháp luật. Thông qua việc tham dự các cuộc họp quan trọng, nắm bắt kịp thời các chiến lược, mục tiêu và kế hoạch đầu tư kinh doanh của Công ty. Từ đó, có điều kiện đóng góp ý kiến và thực hiện tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

- Trong năm qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu. BKS nhận được đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2022, BKS không nhận được yêu cầu nào của cổ đông hoặc nhóm cổ đông gửi đến Công ty.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA BKS

Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị xem xét và phê duyệt.

Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty, theo dõi việc khắc phục theo khuyến nghị của cơ quan kiểm toán.

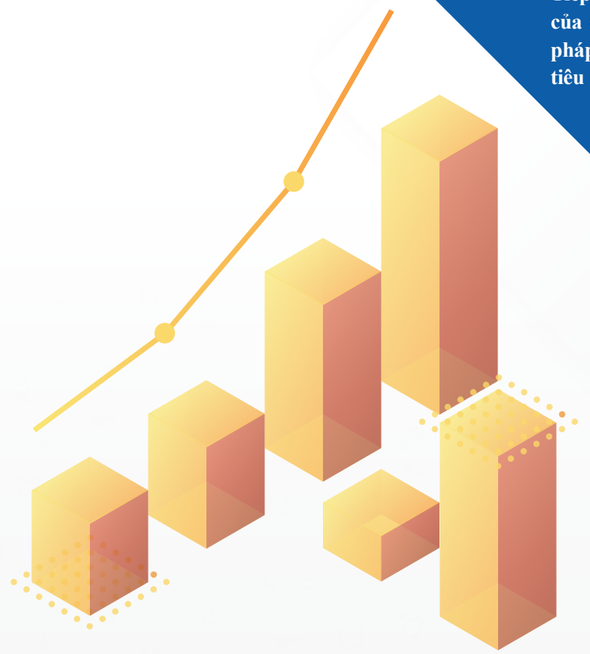
Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.

CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BKS ĐỐI VỚI ĐHĐCĐ, HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tăng cường quản lý chi phí hoạt động theo kế hoạch đã đề ra.

Tăng cường hoạt động giám sát, kiểm soát nội bộ để phát hiện, cảnh báo và đưa ra biện pháp chấn chỉnh, phòng ngừa kịp thời.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty đảm bảo phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và những thay đổi trong mục tiêu kinh doanh của hoạt động Công ty.



QUẢN TRỊ RỦI RO

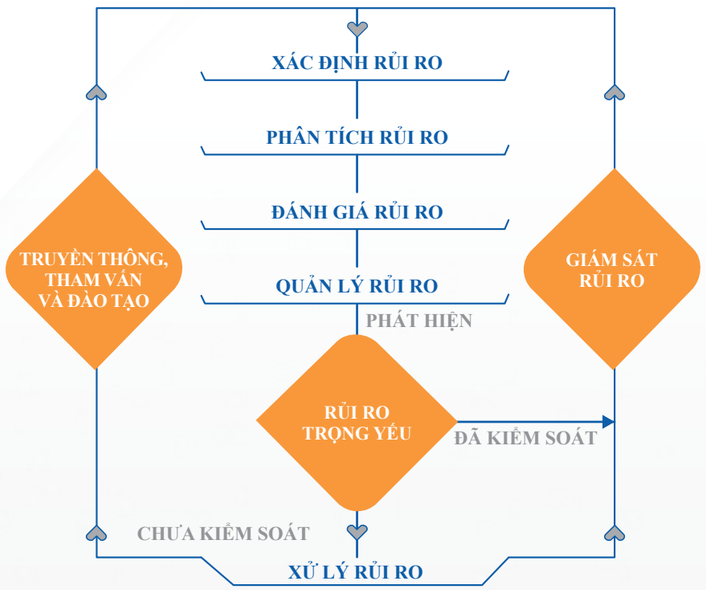
QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong ngành thép với 16,9% thị phần tôn mạ và 6,4% thị phần ống thép. Với nền kinh tế mở và đang phát triển như Việt Nam, ngành sản xuất công nghiệp hiện đang đóng vai trò xương sống với tỷ trọng 35%/tổng GDP. Các sản phẩm của Tôn Nam Kim có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình, ngành thép nội địa cũng như đóng góp ngân sách rất lớn cho nền kinh tế địa phương. Ngoài ra, sự lớn mạnh của Tôn Nam Kim còn tạo rất nhiều công việc cho dân địa phương, giúp ổn định an sinh xã hội. Có thể nói Tôn Nam Kim, với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và thương mại thép, sẽ luôn phải đối diện với những rủi ro đặc thù, thường trực, đặc biệt trong bối cảnh lạm phát, chiến tranh và dịch bệnh.

Tiêu biểu trong quá khứ, ảnh hưởng về chính sách cũng như biến động giá nguyên liệu 2016 – 2018 đã khiến cho giá thép sụt giảm. Ngoài ra, chiến tranh thương mại giai đoạn 2017 – 2019 cũng khiến hàng rào thuế quan tăng được dựng lên trên khắp thế giới, qua đó khiến cho các công ty thép liên tục hứng chịu nhiều khó khăn về giá bán cũng như áp lực buộc phải giảm biên lợi nhuận. Ngành thép bản thân cũng là một ngành công nghiệp nặng, do đó các rủi ro về môi trường cũng rất lớn.

Đặc biệt trong giai đoạn 2020 – 2021, khi nguyên liệu như HRC, khí LNG biến động cực mạnh, giá cước tàu biển tăng cao nhất trong vòng 10 năm khiến cho tầm quan trọng quy trình quản trị rủi ro ngày càng tăng lên. Trong năm 2022, Tôn Nam Kim chịu nhiều rủi ro về biến động giá hàng tồn kho, đặc biệt trong bối cảnh biến động giá hàng tồn kho là rất lớn. Đặc biệt, trong năm 2022, tầm nhìn năm 2023, biến động về lãi suất và vĩ mô là những rủi ro cực kỳ lớn và mới xuất hiện trong vòng 8 năm gần đây. Khác với những rủi ro về mặt sản xuất, đây là những rủi ro xuất phát từ ngoại cảnh nhưng có ảnh hưởng trực tiếp đến doanh nghiệp. Chính vì thế, hoạt động quản trị rủi ro luôn được Tôn Nam Kim xem là một nhiệm vụ chiến lược ưu tiên hàng đầu. Công ty xây dựng một quy trình quản trị rủi ro toàn diện, hiệu quả, hướng đến tiêu chuẩn quốc tế ISO 31000:2018 về quản trị rủi ro và tiêu chuẩn COSO về kiểm soát nội bộ.

RỦI RO ĐƯỢC PHÂN LOẠI THEO HƯỚNG DẪN CỦA TIÊU CHUẨN COSO VỀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ. TIÊU CHÍ "XÁC SUẤT" VÀ "TÁC ĐỘNG" ĐƯỢC ĐO LƯỜNG THEO MỨC ĐỘ TĂNG DẦN TRÊN THANG ĐIỂM TỪ 1 ĐẾN 5.



RỦI RO CHIẾN LƯỢC

NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	ĐÁNH GIÁ XÁC SUẤT	QUẢN LÝ
Rủi ro vĩ mô	Những biến động về địa chính trị, chiến tranh hoặc nền kinh tế Việt Nam bất ổn sẽ tác động rất lớn đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường bất động sản.	5	4	Liên tục theo dõi, giám sát những biến động kinh tế, chính trị, xã hội trong nước và quốc tế. Phân tích, đánh giá các kịch bản biến động của các nhân tố vĩ mô để có quyết định phù hợp. Xây dựng phương án dự phòng nhằm tránh tình huống xấu nhất nếu các doanh nghiệp bất động sản vỡ nợ dây chuyền.
Rủi ro định hướng chiến lược	Chiến lược của Tôn Nam Kim có thể chưa phù hợp với tình hình thực tiễn. Các sản phẩm bán hàng chủ đạo chưa phù hợp với xu thế của thế giới.	5	1	Đặt các chiến lược dài hạn Có những kế hoạch tài chính dự phòng cho mọi rủi ro.
Rủi ro định hướng chiến lược	Tôn Nam Kim có thể suy yếu hoặc đánh mất lợi thế cạnh tranh của chính mình. Các nhà bán lẻ có thể gây sức ép và giảm biên lợi nhuận của sản phẩm. Trung Quốc mở cửa nền kinh tế, gia tăng áp lực cạnh tranh về cả số lượng và giá thành sản phẩm.	4	3	Thường xuyên theo dõi, phân tích môi trường kinh doanh. Chủ động khảo sát, nghiên cứu cung cầu thị trường. Duy trì và phát triển lợi thế cạnh tranh nội tại, cải thiện chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, bảo đảm giữ vững và mở rộng thị phần.
Rủi ro truyền thông	Tôn Nam Kim có thể không ngăn chặn, xử lý kịp thời và hợp lý các thông tin tiêu cực xuất hiện bên ngoài doanh nghiệp.	2	2	Liên tục cập nhật các thông tin bên ngoài Tôn Nam Kim và có biện pháp ứng xử kịp thời, phù hợp. Thực hiện tốt hoạt động PR, IR. Duy trì quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	ĐÁNH GIÁ XÁC SUẤT	QUẢN LÝ
Rủi ro nguyên vật liệu	Sự thiếu hụt của nguyên vật liệu đầu vào có thể làm gián đoạn hoạt động kinh doanh của Tôn Nam Kim. Bên cạnh đó, biến động giá HRC cũng tác động lớn đến doanh nghiệp.	5	3	Quản lý hiệu quả hàng tồn kho. Đàm phán kế hoạch cụ thể với nhà cung cấp về nhu cầu và mức giá ổn định. Tận dụng ưu thế mảng thương mại nông sản nhằm giảm giá vốn nhất có thể. Xây dựng chiến lược quản lý hàng tồn kho trong ngắn hạn và trung hạn nhằm ứng phó với sự biến động về giá.
Rủi ro chất lượng	Sản phẩm của Tôn Nam Kim có thể không bảo đảm chất lượng trong quá trình sản xuất hoặc do nguyên liệu đầu vào kém chất lượng.	3	1	Chuẩn hoá và thực hiện đầy đủ, nghiêm túc quy trình quản lý chất lượng.
Rủi ro biến động giá thành phẩm	Giá bán các sản phẩm của Tôn Nam Kim thường xuyên biến động, phụ thuộc vào thị trường hàng hóa toàn cầu…	5	3	Kiểm soát tốt chi phí đầu vào, hạ giá thành sản phẩm. Sử dụng các hợp đồng tương lai hạn chế biến động giá.
Rủi ro an toàn lao động	Nhân viên của Tôn Nam Kim, đặc biệt là nhân viên làm việc tại nhà máy, đối diện với nguy cơ chấn thương, tai nạn lao động.	2	1	Thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động. Thường xuyên tổ chức đào tạo, huấn luyện cho nhân viên về an toàn lao động.
Rủi ro thực thi	Việc thực thi các kế hoạch kinh doanh có thể không thành công.	2	1	Theo dõi, giám sát về hiệu quả, tiến độ thực thi các kế hoạch kinh doanh để có các biện pháp ứng phó kịp thời.
Rủi ro công nghệ thông tin	Hệ thống công nghệ thông tin của Tôn Nam Kim có thể bị tấn công hoặc lỗi kỹ thuật.	1	1	Hệ thống công nghệ thông tin của Tôn Nam Kim có thể bị tấn công hoặc lỗi kỹ thuật.

QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO TÀI CHÍNH

NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	ĐÁNH GIÁ XÁC SUẤT	QUẢN LÝ
Rủi ro lãi suất	Biến động của lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Tôn Nam Kim.	5	3	Theo dõi biến động của lãi suất, lập kế hoạch dòng tiền, thanh toán nợ. Đàm phán giữ, giảm lãi suất cho vay với các bên cấp tín dụng.
Rủi ro tín dụng thương mại	Tôn Nam Kim có thể gặp khó khăn trong việc thu hồi tín dụng thương mại từ các đối tác.	2	1	Giám sát chặt chẽ các khoản tín dụng thương mại. Tích cực đôn đốc thu hồi nợ đến hạn. Xem xét cẩn trọng năng lực của đối tác trước khi quyết định. Yêu cầu khách hàng mở LC khi nhập khẩu. Giảm thời gian công nợ, tăng cường lập các kế hoạch dự phòng tài chính.

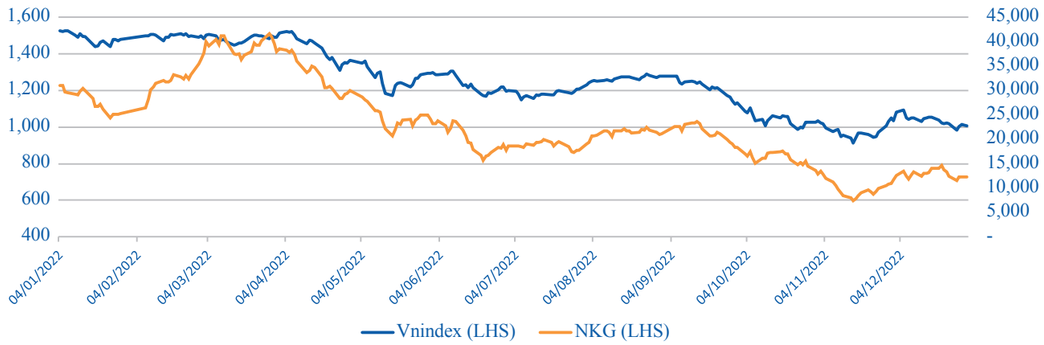
RỦI RO TUÂN THỦ

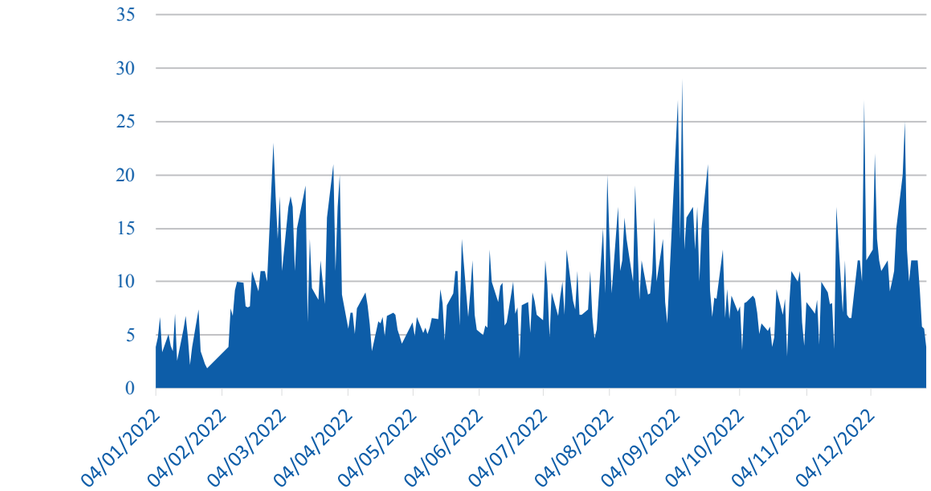
NHẬN DIỆN	PHÂN TÍCH	ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG	ĐÁNH GIÁ XÁC SUẤT	QUẢN LÝ
Rủi ro pháp lý	Tôn Nam Kim chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, các chính sách thuế, hải quan. Bên cạnh đó, với tư cách là một công ty đại chúng niêm yết, Tôn Nam Kim còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, do vậy Tôn Nam Kim cần có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này. Ngoài khung pháp lý chung, Tôn Nam Kim còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường.	3	1	Tôn Nam Kim có Ban Pháp chế thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để kịp thời dự báo cho Công ty hoạt động tuân thủ đúng theo quy định pháp luật.
Rủi ro thuế quan	Chăn nuôi là ngành công nghiệp được nhiều quốc gia bảo hộ. Tôn Nam Kim có Ban Pháp chế thường xuyên cập nhật thường xuyên phải đối mặt với nguy cơ các chính quyền tại các thị trường xuất khẩu áp các hàng rào thuế quan (thuế chống bán phá giá…)	4	2	Ban Pháp chế thường xuyên cập nhật các diễn biến, quy định về thuế quan tại các thị trường xuất khẩu. Nghiên cứu, đàm phán với các bên liên quan để hạn chế, xử lý khi bị áp dụng những quy định về thuế quan chưa thật sự phù hợp. Tối ưu sản lượng và chi phí sản xuất. Luôn cập nhật về tình hình thuế quan, phát triển thị trường trong nước nhằm hạn chế rủi ro ở thị trường xuất khẩu.
Rủi ro môi trường	Hoạt động sản xuất thép của Tôn Nam Kim có nguy cơ phát sinh các loại chất thải, ảnh hưởng đến môi trường.	3	2	Tôn Nam Kim luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường. Đầu tư hệ thống xử lý thải hiện đại tại mỗi nhà máy. Ngoài ra, hiện nay các vụ việc về phòng cháy chữa cháy đang được thắt chặt lại và Tôn Nam Kim sẽ liên tục điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu an toàn theo tiêu chuẩn cao nhất

MỨC THUẾ TỪ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI ÁP DỤNG ĐỐI VỚI SẢN PHẨM TÔN MẠ TỪ MỘT SỐ QUỐC GIA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

STT	QUỐC GIA	VỤ VIỆC	MẶT HÀNG	TÔN NAM KIM	HOA SEN	TÔN ĐÔNG Á	MỨC THUẾ CAO NHẤT	NGÀY HIỆU LỰC	NGÀY HẾT HẠN
1	**MALAYSIA**	AD	PPGI PPGL	0%	34.85%	34.85%	Khác: 34.85%	19/01/2016 20/07/2021	Điều tra rà soát cuối kì - tiếp tục áp thuế đến 19.7.2026
2	**THAILAND**	AD	GL PPGL PPGI	GL: 6.47% PPGI: 4.3%	GL: 7.94% PPGI: 6.63%	GL: 40.49% PPGI: 60.26%	GL: 40.49% (khác) PPGI: 60.26% (khác)	24/03/2017	Còn hiệu lực (chờ kết quả Sunset Review)
3	**AUSTRALIA**	AD/ CVD	GI	Exempt	Exempt	Others: floor price	Others: floor price	16/08/2017	Còn hiệu lực (Update: report No 592)
4	**MALAYSIA**	AD	GI	2.66%	0%	Khác: 15.69%	Khác: 15.69%	08/03/2019	Còn hiệu lực - 7.3.2024
5	**THAILAND**	AD	GI PIPE	9.1%	9.1%	Khác: 51.61%	Khác: 51.61%	13/02/2020	Còn hiệu lực
6	**USA**	Section 232	CORE	25%	25%	25%	Loại trừ Canada, Mexico	19/05/2020	Còn hiệu lực
7	**CANADA**	AD	GI GL (Slitting)	AD 2.3% + CVD 0.0%	AD 11.0% + CVD 0.0%	AD 16.2% + CVD 0.00%	All other exporters - AD 71.1% + CVD 0.2%	16/10/2020	Đang thực hiện điều tra lại (tháng 1.2023)
8	**MALAYSIA**	AD	GL GL (Slitting)	5.04%	16.55% - về 0%	15.87% - về 0%	Khác - 37.14%	12/12/2020 - 11/12/2025	Còn hiệu lực
9	**AUSTRALIA**	AD + CVD	GL Slitting 558	-9.6% (không bị áp thuế)	8.1%	Khác: 20.9%	Khác: 20.9% Kết quả sơ bộ subsidy margin: Tất cả: N/A	24/12/2021	Còn hiệu lực
10	**AUSTRALIA**	AD + CVD	GL Slitting 559	-7.2% (không bị áp thuế)	10%	13.2%	Khác: 13.2% Kết quả subsidy margin: 1. Uncooperative Chinese exporters: 20.8% 1. Uncooperative Vietnamese exporters: 0.2%	15/11/2021	Còn hiệu lực
11	**MEXICO**	AD	GI, GL, PP	6.4%	7%	10.84%	Khác: 10.84% Maruchi: 0%	24/02/2023	Còn hiệu lực

CỔ PHIẾU NKG





EPS 2022
-474 VND/cp

GIÁ CỔ PHIẾU CAO NHẤT
41.667 VND/cp

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH TB
218.783.121.004 VND

VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG
3.225.153.123.500 VND tại ngày 31.12.2022

SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU LƯU HÀNH
263.277.806 cổ phiếu

GIÁ TRỊ SỔ SÁCH MỖI CỔ PHẦN
19.130 VND



HOẠT ĐỘNG IR

CUNG CẤP THÔNG TIN MINH BẠCH, KỊP THỜI

Tôn Nam Kim bảo đảm việc minh bạch thông tin đến mọi cổ đông, nhà đầu tư. Công ty luôn chủ động công bố thông tin kịp thời về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và bất kỳ thông tin bất thường quan trọng khác thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, thông cáo báo chí trên website của Công ty tại www.tonnamkim.com, website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và các kênh truyền thông khác.

THƯỜNG XUYÊN TIẾP XÚC, TRAO ĐỔI, LẮNG NGHE CỔ ĐÔNG

Ban lãnh đạo Tôn Nam Kim luôn cố gắng duy trì sự tương tác thường xuyên, trực tiếp trao đổi và lắng nghe ý kiến của cổ đông thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên, các cuộc gặp gỡ trực tiếp, trao đổi qua điện thoại và email nhằm giúp cổ đông, nhà đầu tư nắm bắt kịp thời, chính xác, khách quan và toàn diện về tình hình hoạt động, triển vọng phát triển của Công ty.

Email: congbothongtin@namkimgroup.vn

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHIẾU	TỈ LỆ SỞ HỮU	GHI CHÚ
01	Hồ Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	37.391.097	14,20%	
02	Võ Hoàng Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	9.374.400	3,56%	
03	Nguyễn Vinh An	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	325.796	0,12%	
04	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Thành viên HĐQT	48.000	0,02%	
05	Võ Thời	Thành viên HĐQT	0	0%	

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	THÀNH VIÊN BTGĐ	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHIẾU	TỈ LỆ SỞ HỮU	GHI CHÚ
01	Võ Hoàng Vũ	Tổng giám đốc	9.374.400	3,56%	
02	Nguyễn Vinh An	Phó Tổng giám đốc	325.796	0,12%	
03	Quảng Trọng Lăng	Phó Tổng giám đốc	108.055	0,04%	
04	Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng giám đốc	1.432.828	0,54%	
05	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Phó Tổng giám đốc	274.456	0,10%	
06	Nguyễn Minh Hùng	Phó Tổng giám đốc	48.000	0,02%	
07	Vũ Thị Huyền	Kế toán trưởng	57.000	0,02%	

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHIẾU	TỈ LỆ SỞ HỮU	GHI CHÚ
01	Nguyễn Thị Bích Nhi	Trưởng BKS	9.600	0,00%	
02	Võ Thị Vui	Thành viên BKS	46.320	0,02%	
03	Lê Nhật Tân	Thành viên BKS	4.800	0,00%	

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRONG KỲ CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU GIAO DỊCH	LOẠI GIAO DỊCH
01	Hồ Minh Quang	Chủ tịch HĐQT	3.000.000	Mua
02	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Thành viên HĐQT	48.000	Mua
03	Trần Ngọc Diệu	Phó Tổng giám đốc	1.000.000	Mua

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ đông nhà nước	-	-	-
Cổ đông nước ngoài	271	22.568.177	8,57%
• Tổ chức	38	21.950.218	8,34%
• Cá nhân	233	617.959	0,23%
Cổ đông trong nước	28.550	240.709.629	91,43%
• Tổ chức	77	18.962.521	7,20%
• Cá nhân	28.473	221.747.108	84,23%
TỔNG CỘNG	**28.821**	**263.277.806**	**100,00%**
SỐ PHIẾU ĐÃ PHÁT HÀNH		**263.277.806**	

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Hồ Minh Quang	37.391.097	14,20%
UNICOH SPECIALTY CHEMICALS CO., LTD	13.248.000	5,03%

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tầm nhìn bền vững	83
Tối ưu hiệu quả kinh tế	84
Củng cố, phát triển nguồn nhân lực	86
Bảo vệ môi trường thiên nhiên	89
Đồng hành với cộng đồng, xã hội	90



Phát triển **bền vững** đảm bảo lợi ích cho các bên liên quan đi đôi với **bảo vệ** môi trường

TẦM NHÌN BỀN VỮNG

Trái đất ngày càng nóng lên, ảnh hưởng của ô nhiễm phát thải do con người gây ra đã khiến các hiện tượng thời tiết trở nên cực đoan và khó lường hơn. Việt Nam là một trong 20 nước, theo thống kê của Liên hợp quốc, sẽ chịu ảnh hưởng lớn nhất từ hiện tượng trái đất nóng lên. Do đó, trong những năm gần đây Chính phủ đã thực hiện nhiều biện pháp và cơ chế để theo đuổi phát triển bền vững. Cụ thể, trong Hội nghị COP26 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã cam kết đưa phát thải ròng CO2 của Việt Nam về bằng 0 vào năm 2050. Năm 2022, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái vừa ký Quyết định 687/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Là một trong những doanh nghiệp đầu ngành tôn mạ tại Việt Nam, Tôn Nam Kim nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của nền kinh tế xanh và đạo đức. Trong đó, lợi ích của doanh nghiệp phải gắn liền với sự phát triển về con người, giữ an toàn cho người lao động, đóng góp vào phúc lợi chung cho cộng đồng. Qua đó, Tôn Nam Kim đề ra chiến lược phát triển bền vững bao gồm bốn trụ cột chính:

1

Củng cố, phát triển nguồn nhân lực

Tôn Nam Kim xác định "Con người là yếu tố cốt lõi", là chìa khóa then chốt quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

2

Đồng hành với cộng đồng, xã hội

Phụng sự cộng đồng xã hội không chỉ là trách nhiệm cao cả mà còn là vinh dự to lớn của Tôn Nam Kim thông qua những hoạt động ý nghĩa, đóng góp thiết thực đến khách hàng, đối tác, cộng đồng, xã hội và đất nước.

3

Tối ưu hiệu quả kinh tế

Không chỉ là trách nhiệm đem lại giá trị kinh tế cao nhất cho cổ đông, tối ưu hiệu quả kinh tế, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh là nền tảng cho quá trình phát triển bền vững của Tôn Nam Kim.

4

Bảo vệ môi trường thiên nhiên

Nhận thức rõ vai trò của môi trường đối với hoạt động sản xuất và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Tôn Nam Kim nỗ lực triển khai các giải pháp sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên để giảm thiểu tác động lên môi trường tự nhiên.

TỐI ƯU HIỆU QUẢ KINH TẾ

Tôn Nam Kim dựa trên tình hình thực tế phát triển của doanh nghiệp, kết hợp với những tiêu chuẩn đã được đề ra từ các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDG 17) của Liên hợp quốc để xây dựng quá trình tối ưu hiệu quả kinh tế.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ NỀN TẢNG HƯỚNG ĐẾN SỰ BỀN VỮNG

Nền tảng kinh tế vững chắc là điều kiện tiên quyết để phát triển bền vững. Thấu hiểu điều đó, Tôn Nam Kim luôn nỗ lực tối ưu hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra những lợi ích tốt nhất cho cán bộ công nhân viên, tạo ra giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư đồng thời góp phần phát triển kinh tế đất nước. Qua đó, tạo ra nhiều công việc cho địa phương, tăng giá trị đóng góp cho ngân sách Nhà nước cũng như phát triển cộng đồng địa phương thịnh vượng.

TẠO GIÁ TRỊ CHO CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Với phương châm "Tư duy chất lượng, cuộc sống vững bền", Tôn Nam Kim luôn hoạt động với mục tiêu vì lợi ích phát triển bền vững của doanh nghiệp và lợi ích lâu dài của các cổ đông, nhà đầu tư. Năm 2021 và 2022 kinh tế toàn cầu nói chung và ngành thép nói riêng đã trải qua những khó khăn, thách thức chưa từng thấy do tác động của dịch bệnh, chiến tranh và thị trường tiền tệ thế giới.

Tuy nhiên, Tôn Nam Kim đã có những quyết sách, chiến lược kinh doanh linh hoạt, kịp thời phù hợp với diễn biến tình hình thị trường. Trong đó đẩy mạnh tái cấu trúc, phát huy những thế mạnh cốt lõi, đón đầu xu thế, chủ động tạo ra dòng tiền ổn định bằng việc duy trì và phát triển các hoạt động kinh doanh hiệu quả.

Nhờ đó đã không chỉ bảo vệ được tài sản của cổ đông mà còn gia tăng giá trị cho cổ đông, nhà đầu tư. Trong đó, Tôn Nam Kim luôn duy trì sự công bằng và lợi ích cho tất cả các cổ đông, bao gồm cả cổ đông nhỏ lẻ.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ BẰNG CÁC GIẢI PHÁP THỰC TIỄN

Cải tiến chất lượng không ngừng là tinh thần nhất quán trong tất cả các mặt hoạt động của Tôn Nam Kim nhằm nâng cao giá trị của sản phẩm và dịch vụ, gia tăng lợi ích của khách hàng. Từ đó mang lại sự tăng trưởng bền vững cho doanh nghiệp.

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tôn thép, Tôn Nam Kim luôn ý thức được tầm quan trọng của các mục tiêu phát triển bền vững. Công ty luôn xem việc phát triển bền vững là kim chỉ nam xuyên suốt trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.



TỐI ƯU HIỆU QUẢ KINH TẾ

CỦNG CỐ NĂNG LỰC NỘI TẠI

Sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, Tôn Nam Kim đã trở thành một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực tôn thép, là "Thương hiệu Quốc gia" uy tín với hệ thống nhà máy hiện đại và thị phần cao. Nguồn nội lực vô cùng to lớn này chính là nền móng cho sự phát triển nhanh và bền vững của Công ty trong tương lai.

Vì thế, "CỦNG CỐ NĂNG LỰC NỘI TẠI" được Công ty xem là nhiệm vụ trọng yếu, mục tiêu chiến lược trong giai đoạn 2023 – 2025 với những định hướng cụ thể như sau:

- Nâng cao năng lực quản trị và điều hành;
- Cải thiện năng suất lao động, giảm chi phí;
- Khai thác tối đa năng lực thiết bị và nguồn nhân lực kỹ thuật để tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, phục vụ nhu cầu nội địa và đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường cao cấp như Mỹ và Châu Âu.

CHÚ TRỌNG R&D - ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Hoạt động R&D là vô cùng quan trọng, tạo lợi thế cạnh tranh vững chắc cho Tôn Nam Kim trong thị trường cạnh tranh khốc liệt. Năm 2022, Tôn Nam Kim nghiên cứu và phát triển thành công sản phẩm tôn mạ lạnh có độ mạ cao, dòng sản phẩm tôn mạ lạnh AZ200 phủ sơn cao cấp có độ bền đến 25 năm, phù hợp với những công trình trong môi trường có tính ăn mòn cao.

Những thành công trong hoạt động nghiên cứu và phát triển này một lần nữa chứng minh nội lực của Công ty, khẳng định vị thế của Tôn Nam Kim trong ngành tôn thép Việt Nam và khu vực.

ÁP DỤNG CÁC SÁNG KIẾN VÀ TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Đúng với tinh thần **"CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG KHÔNG NGỪNG"**, việc bảo đảm hiệu quả quản trị, sử dụng hợp lý nguồn lực, kiểm soát quy trình sản xuất kinh doanh luôn là yếu tố được Tôn Nam Kim chú trọng. Mọi sản phẩm của Công ty đều được sản xuất trên dây chuyền, máy móc tiên tiến hiện đại nhất với tiêu chuẩn chất lượng cao nhất.

Năm 2021, Phòng thí nghiệm của Tôn Nam Kim đã được Văn phòng Công nhận chất lượng BoA - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Chứng chỉ công nhận đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2017 trong lĩnh vực Cơ, Hóa (VILAS 1417). Chứng chỉ này là sự công nhận phòng thí nghiệm của Tôn Nam Kim có đầy đủ năng lực về kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng, có khả năng cung cấp các kết quả thử nghiệm có độ chính xác và tin cậy cao. Kết quả thử nghiệm của phòng thí nghiệm được thừa nhận rộng rãi toàn cầu trong hệ thống ILAC - Tổ chức Hợp tác Công nhận PTN Quốc tế, như A2LA (Mỹ), SAC-SINGLAS (Singapore), NATA (Úc), v.v… thừa nhận.

Công ty cũng triển khai áp dụng nhiều sáng kiến và quy chuẩn quản trị quốc tế, điển hình là hệ thống quản trị ERP SAP HANA S/4.



CỦNG CỐ, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn lực con người đóng vai trò quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp. Do đó việc khai thác tốt, quản trị hiệu quả nguồn lực này là một vấn đề quan trọng trong việc quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Hoạt động quản trị nguồn nhân lực phải tạo điều kiện để con người phát huy hết khả năng tiềm ẩn, giảm lãng phí nguồn lực, tăng hiệu quả của tổ chức. Vì vậy, Tôn Nam Kim luôn chủ động phân tích nhu cầu về lực lượng lao động cần thiết với tiêu chí nhằm bảo đảm đáp ứng đúng, đủ nhu cầu nhân sự. Công ty cũng luôn chú trọng cải tiến chính sách nhân sự nhằm củng cố, phát triển đội ngũ nhân sự, giữ chân người tài... Năng lực của cấp quản lý trong hoạt động quản trị nguồn nhân lực được bảo đảm. Đội ngũ Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý các cấp của Tôn Nam Kim có chuyên môn sâu, gắn bó lâu dài và luôn với tinh thần "Quản trị chuẩn mực. Kiểm soát trách nhiệm. Điều hành chuyên nghiệp. Đào tạo tận tâm".

Nhân lực là nền tảng kiến thiết nên thành công của doanh nghiệp, là yếu tố bảo đảm nguồn sáng tạo cũng như trực tiếp vận hành bộ máy hoạt động của tổ chức. Nhận thức được nguyên lý này, Tôn Nam Kim đặc biệt coi trọng công tác xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc chất lượng, an toàn, hiệu quả.

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng phù hợp riêng, song tất cả các vị trí công việc đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, ý thức phát triển nghề nghiệp, thái độ đạo đức tốt vì mục tiêu đơn vị/Công ty, có tính chuyên nghiệp trong công việc và tính kỷ luật cao.

Tôn Nam Kim trân trọng sự đa dạng và đề cao các cơ hội công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay quốc tịch. Các lao động nữ được tạo điều kiện làm việc, phát triển năng lực và thăng chức như lao động nam.



CƠ CẤU NHÂN VIÊN NĂM 2022

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Theo trình độ lao động		
Trình độ Đại học và trên Đại học	275	19,71%
Trình độ Cao đẳng trung cấp chuyên nghiệp	392	28,10%
Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	46	3,30%
Lao động phổ thông	682	48,89%
Theo hợp đồng lao động		
Toàn thời gian	1.395	100,00%
Bán thời gian	-	-
Theo giới tính		
Nam	1.268	90,90%
Nữ	127	9,10%
TỔNG SỐ LƯỢNG NHÂN VIÊN	**1.395**	

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Tôn Nam Kim chú trọng đào tạo nâng cao trình độ, kiến thức và kinh nghiệm cho đội ngũ nhân sự, đặc biệt là kỹ sư, chuyên viên và công nhân trẻ, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực để vận hành dây chuyền, nắm bắt và làm chủ công nghệ sản xuất, mở rộng quy mô. Đào tạo trong công việc liên tục được tổ chức, không chỉ đội ngũ kỹ sư, công nhân mà cả đội ngũ cán bộ quản lý và Ban lãnh đạo để nắm bắt công nghệ sản xuất, học hỏi về quản trị và điều hành.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN, HIỆU QUẢ

Tôn Nam Kim nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc chất lượng, an toàn, hiệu quả. Chính sách lương, thưởng, phúc lợi của Công ty được thực hiện đầy đủ, hợp lý, minh bạch dựa trên năng suất lao động và mức độ đóng góp cho Công ty. Mỗi năm Công ty đều tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho toàn thể cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn đặt công tác bảo đảm an toàn lao động lên hàng đầu. Môi trường làm việc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị cần thiết phục vụ cho lao động, đặc biệt là thiết bị bảo hộ và phòng cháy chữa cháy.



AN TOÀN LAO ĐỘNG

Với mục tiêu bảo vệ an toàn cho người lao động tránh khỏi những ảnh hưởng của những yếu tố nguy hiểm có hại và tạo ra điều kiện làm việc thuận lợi nhằm bảo đảm sức khoẻ cho người lao động, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả góp phần thúc đẩy quá trình phát triển chung của Công ty, việc bảo đảm an toàn vệ sinh lao động là một chính sách lớn của Công ty, là một phần quan trọng, là bộ phận không thể tách rời của chiến lược phát triển của Công ty.



CHĂM SÓC SỨC KHỎE CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nhằm thu hút và giữ chân những người tài năng nhất, giảm tình trạng vắng mặt, giảm tình trạng làm việc khi bị ốm và tăng sự gắn kết của nhân viên. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, tham gia chế độ bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn bộ người lao động.



HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT NHÂN VIÊN

Bên cạnh các thi đua khen thưởng của Công ty, Ban chấp hành Công đoàn Tôn Nam Kim thường xuyên phát động các phong trào thi đua theo tùy thuộc vào tình hình sản xuất, kinh doanh và có các phần thưởng khen thưởng cho người lao động có thành tích xuất sắc trong phong trào để động viên, khích lệ người lao động. Hàng năm, Công đoàn cũng xem xét đánh giá thi đua để khen thưởng các giải như: Cá nhân Đoàn viên xuất sắc, Cá nhân Đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, Tập thể Đoàn viên xuất sắc. Tổ chức tặng quà Ngày quốc tế phụ nữ 8/3, tặng quà Tết bằng hiện vật và hoạt động Chuyến xe về Tết cho toàn bộ đoàn viên Công ty.



CHÍNH SÁCH KHEN THƯỞNG, ĐÃI NGỘ

Chính sách khen thưởng, chế độ đãi ngộ của Tôn Nam Kim nhằm tạo động lực khuyến khích cá nhân và tập thể phát huy tối đa khả năng của bản thân nhằm gia tăng hiệu quả công việc của từng cá nhân và của tập thể từng đơn vị. Đồng thời, nhằm ghi nhận và thưởng xứng đáng với năng lực làm việc, sự nỗ lực và thành tích đóng góp vào hiệu quả chung và sự phát triển của Công ty.

Định kỳ hàng tháng, Công ty thực hiện công tác đánh giá thi đua để chi thêm lương bổ sung cho người lao động. Từ kết quả hàng tháng này, Công ty tổng hợp và Hội đồng thi đua xem xét phê duyệt kết quả cả năm của cá nhân và đơn vị để xét thưởng vào cuối năm, trong đó đặc biệt là giải thưởng Cá nhân xuất sắc và Tập thể xuất sắc.

Hiện tại, Tôn Nam Kim đang thực hiện các chính sách khen thưởng và chế độ đãi ngộ cho CBCNV gồm:

- Chính sách khen thưởng hàng tháng, hàng quý theo hiệu quả công việc;
- Chính sách khen thưởng năm dành cho cá nhân và tập thể theo hiệu quả công việc;
- Chính sách khen thưởng ngày lễ Tết, ngày thành lập Công ty…;
- Chính sách khen thưởng cá nhân có quá trình cống hiến, đóng góp vào sự phát triển Công ty (theo thâm niên làm việc);
- Chính sách khen thưởng đột xuất: có sáng kiến ý tưởng, giải pháp sáng tạo trong việc phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty; có những đóng góp nổi bật hoặc có những thành tích vượt trội trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Công ty; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chương trình, dự án do HĐQT hoặc Ban Tổng giám đốc giao phó;
- Chính sách khen thưởng cổ phần ESOP;
- Thu nhập cạnh tranh theo vị trí công việc, bao gồm tiền lương thời gian, tiền lương sản phẩm, hỗ trợ nhà ở, sức khỏe, đi lại…Tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm theo pháp luật lao động: BHXH, BHYT, BHTN;
- Chế độ suất ăn giữa ca;
- Chế độ bảo hiểm tai nạn 24/24 hoàn toàn miễn phí dành cho toàn bộ người lao động;
- Dây chuyền công nghệ sản xuất của nhà máy hiện đại, được đào tạo thường xuyên trong công việc để nâng cao tay nghề;
- Nhiều cơ hội thăng tiến, phát triển lâu dài trong công việc.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THIÊN NHIÊN

TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Trong quá trình hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, Tôn Nam Kim không tránh khỏi các tác động đến môi trường. Vì vậy, Công ty rất chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường vì môi trường chính là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến sự phát triển bền vững. Công ty luôn có các hoạt động thiết thực nhằm bảo vệ môi trường, phấn đấu xây dựng một môi trường sản xuất và làm việc xanh - sạch.

Tôn Nam Kim nhận định rằng việc Công ty sẽ không đánh đổi môi trường để tăng trưởng bằng mọi giá.



CÁC SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP CHUNG

Sử dụng dây chuyền công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, nhằm tiết kiệm nhiên liệu và giảm hao phí nguyên vật liệu.

Nghiên cứu cải tiến hệ thống, định kỳ bảo trì hệ thống trong quá trình sản xuất, nhằm hạn chế thấp nhất mức độ ảnh hưởng đến môi trường.

Bên cạnh các giải pháp về máy móc, Công ty kết hợp với yếu tố con người bằng việc liên tục xây dựng và cải tiến đội ngũ nhân sự để nâng cao trình độ chuyên môn; thường xuyên mở các khoá đào tạo để mỗi con người của Tôn Nam Kim thấm nhuần các cam kết chung về môi trường.

CÁC SÁNG KIẾN, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Thực hiện nghiêm ngặt công tác bảo quản nguyên vật liệu, xử lý chất thải nhà máy sản xuất.

Khống chế khí thải dưới ngưỡng tiêu chuẩn xả thải theo quy định của Nhà nước, tái sử dụng nước sau hệ thống xử lý nước thải cho quá trình rửa nguyên liệu.

Lắp đặt hệ thống tái sinh axit thải, đầu vào của hệ thống tái sinh là axit thải ra từ dây chuyền tẩy rỉ.

Sản phẩm của hệ thống là axit HCL 18% được cung cấp ngược lại làm nguyên vật liệu cho quá trình tẩy rỉ tại dây chuyền tẩy rỉ.

Tôn Nam Kim thực thi tiết kiệm sử dụng giấy, in ấn tài liệu bằng giấy hai mặt. Công ty đã triển khai Báo cáo Phát triển bền vững và các tài liệu, báo cáo khác bằng bản mềm trên thiết bị điện tử, hạn chế việc in ấn, tránh lãng phí giấy.

SẢN XUẤT XANH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tôn Nam Kim đầu tư dây chuyền tái sinh acid hiện đại của SMS - CHLB Đức. Do vậy, toàn bộ hoạt động tại các nhà máy của Công ty không phát sinh acid thải. Đồng thời, thông qua dây chuyền tái sinh, toàn bộ mạc gi thép được thu hồi đạt chuẩn sản phẩm và được cung cấp cho doanh nghiệp khác tái sử dụng trong luyện thép hoặc các ngành công nghiệp khác, thay vì là dạng chất thải tái xử lý.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

Tôn Nam Kim tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của Nhà nước về môi trường, thường xuyên liên tục cập nhật các quy định pháp luật mới về hoạt động môi trường. Trong năm, Công ty không có bất kỳ hoạt động vi phạm nào về pháp luật môi trường.

ĐỒNG HÀNH VỚI CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI

TẠO CÔNG ĂN VIỆC LÀM, GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐẤT NƯỚC

Sự phát triển, thịnh vượng của Tôn Nam Kim phải gắn liền trách nhiệm với cộng đồng, xã hội và đất nước. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã tạo việc làm ổn định cho gần **1.400 con người**. Hàng năm, Công ty đều thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước. Năm 2022, Tôn Nam Kim đã nộp ngân sách tổng cộng **738 tỷ đồng**, là một trong những doanh nghiệp có doanh thu và nộp ngân sách nhà nước tốt nhất tỉnh Bình Dương, đóng góp một phần vào phát triển kinh tế của tỉnh và đất nước.

NỘP NGÂN SÁCH NĂM 2022

738

TỶ ĐỒNG

TẠO VIỆC LÀM ỔN ĐỊNH CHO

1.400

CON NGƯỜI

LUÔN SONG HÀNH CÙNG HẠNH PHÚC CỘNG ĐỒNG

Một xã hội ổn định và thịnh vượng là nền tảng cho nền kinh tế phát triển, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển. Vì vậy, bên cạnh mục tiêu tối ưu hoá lợi nhuận, Công ty luôn xem trọng trách nhiệm đối với cộng đồng. Công ty luôn sẵn sàng chia sẻ một phần lợi nhuận nhằm đóng góp cho sự phát triển của xã hội bằng những hành động thiết thực.

- Hỗ trợ, giúp đỡ cho các hoàn cảnh khó khăn, tạo điều kiện cho các gia đình và cá nhân có cơ hội vươn lên;
- Cùng với những doanh nghiệp khác tổ chức các chương trình hoạt động tình nguyện, an sinh xã hội nhằm phát triển môi trường sống;
- Chung tay giúp đỡ những người gặp khó khăn nhằm nâng cao hơn nữa hình ảnh của Công ty trong lòng người tiêu dùng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán hợp nhất
Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 44. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2023

pwc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2022 và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2023. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)
Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: +84 (28) 38230796, www.pwc.com/vn

pwc

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)

Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Võ Ngọc Huyền
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2610-2023-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM13169
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**10.414.909.064.976**	**12.215.599.008.275**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**1.005.403.528.970**	**751.445.944.055**
111	Tiền		948.303.528.970	670.954.162.335
112	Các khoản tương đương tiền		57.100.000.000	80.491.781.720
120	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**		**251.569.818.437**	**447.713.546.612**
121	Chứng khoán kinh doanh	4(a)	9.353.176	9.353.176
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	251.560.465.261	447.704.193.436
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.516.693.874.948**	**1.901.701.507.479**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.060.728.823.320	1.493.179.266.213
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	438.034.966.801	351.713.227.664
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	26.734.127.887	63.068.470.363
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(8.804.043.060)	(6.259.456.761)
140	**Hàng tồn kho**	8	**7.000.417.214.505**	**8.281.323.556.123**
141	Hàng tồn kho		7.337.269.938.041	8.701.658.662.222
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(336.852.723.536)	(420.335.106.099)
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**640.824.628.116**	**833.414.454.006**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	16.774.143.093	13.523.389.572
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	14	624.032.687.013	819.891.064.434
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	17.798.010	-

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**3.045.850.764.906**	**3.182.316.358.021**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**2.310.962.017**	**6.500.000**
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	2.310.962.017	6.500.000
220	**Tài sản cố định**		**2.588.279.100.706**	**2.770.700.940.771**
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	2.263.795.076.520	2.529.816.436.046
222	Nguyên giá		4.926.840.049.364	4.830.028.692.167
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.663.044.972.844)	(2.300.212.256.121)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	10(b)	41.550.148.470	-
225	Nguyên giá		41.899.309.383	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(349.160.913)	-
227	Tài sản cố định vô hình	10(c)	282.933.875.716	240.884.504.725
228	Nguyên giá		330.336.039.684	279.429.712.657
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(47.402.163.968)	(38.545.207.932)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**219.720.614.905**	**176.006.903.074**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	219.720.614.905	176.006.903.074
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**8.180.000.000**	**8.180.000.000**
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4(b)	8.180.000.000	8.180.000.000
260	**Tài sản dài hạn khác**		**227.360.087.278**	**227.422.014.176**
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	227.360.087.278	208.796.145.623
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	18.625.868.553
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**13.460.759.829.882**	**15.397.915.366.296**

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 01 – DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**8.141.109.694.811**	**9.674.711.671.751**
310	**Nợ ngắn hạn**		**8.108.870.806.964**	**9.598.192.512.183**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	2.544.340.815.756	4.879.071.761.786
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	258.338.533.839	582.661.815.270
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	15.798.431.141	189.812.745.137
314	Phải trả người lao động		25.259.058.783	44.325.771.984
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	14	34.313.565.681	57.789.915.665
319	Phải trả ngắn hạn khác		5.372.997.178	12.636.345.899
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16(a)	5.111.300.049.514	3.773.154.733.117
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17	114.147.355.072	48.739.423.325
330	**Nợ dài hạn**		**32.238.887.847**	**76.519.159.568**
337	Phải trả dài hạn khác		900.000.000	900.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16(b)	3.072.616.017	46.499.351.598
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		28.266.271.830	29.119.807.970
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**5.319.650.135.071**	**5.723.203.694.545**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**5.319.650.135.071**	**5.723.203.694.545**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18, 19	2.632.778.060.000	2.183.985.680.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*2.632.778.060.000*	*2.183.985.680.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	785.907.272.279	785.907.272.279
418	Quỹ đầu tư phát triển	19	185.830.857.674	74.587.904.983
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19	87.091.899.021	42.586.677.857
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	1.628.041.945.897	2.636.156.159.446
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*1.752.726.783.624*	*416.450.646.225*
421b	*- (Lỗ)/LNST chưa phân phối của năm nay*		*(124.684.837.727)*	*2.219.705.513.221*
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**13.460.759.829.882**	**15.397.915.366.296**

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**23.128.328.990.585**	**28.206.149.855.751**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		(57.081.705.338)	(32.747.619.525)
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	22	**23.071.247.285.247**	**28.173.402.236.226**
11	**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	23	**(21.589.886.519.482)**	**(23.903.545.311.978)**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.481.360.765.765**	**4.269.856.924.248**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	24	302.883.172.355	199.218.435.866
22	Chi phí tài chính	25	(502.981.252.554)	(397.466.220.790)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*	25	*(262.466.234.780)*	*(243.685.237.356)*
25	Chi phí bán hàng	26	(1.202.326.906.760)	(1.397.951.232.015)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(185.780.434.225)	(122.720.788.853)
30	**(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(106.844.655.419)**	**2.550.937.118.456**
31	Thu nhập khác		1.085.202.870	10.744.953.120
32	Chi phí khác		(1.153.052.765)	346.908.979
40	**(Lỗ)/lợi nhuận khác**		**(67.849.895)**	**11.091.862.099**
50	**Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(106.912.505.314)**	**2.562.028.980.555**
51	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành**	28	-	**(356.682.935.566)**
52	**(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	28	**(17.772.332.413)**	**19.915.013.232**
60	**(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN**		**(124.684.837.727)**	**2.225.261.058.221**
	Phân bổ cho:			
61	**Cổ đông của Công ty**		**(124.684.837.727)**	**2.225.261.058.221**
70	**(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu**	20	**(474)**	**8.452**
71	**(Lỗ)/lãi suy giảm trên cổ phiếu**	20	**(474)**	**8.452**

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NAM KIM

Mẫu số B 03 – DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	2021 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế**		**(106.912.505.314)**	**2.562.028.980.555**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		377.779.451.401	378.833.971.310
03	Các khoản dự phòng		(80.937.796.264)	423.836.211.434
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.374.950.035)	20.359.041.207
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(27.780.579.840)	(15.154.020.441)
06	Chi phí lãi vay		262.466.234.780	243.685.237.356
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**422.239.854.728**	**3.613.589.421.421**
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		562.502.615.304	(1.224.705.151.592)
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		1.364.388.724.181	(8.330.581.482.983)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(2.757.282.213.653)	4.111.556.190.228
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(21.814.695.176)	18.014.174.917
14	Tiền lãi vay đã trả		(275.912.317.024)	(230.893.376.600)
15	Thuế TNDN đã nộp		(117.960.632.034)	(255.631.985.625)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(4.062.222.000)	(9.621.840.327)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(827.920.885.674)**	**(308.274.050.561)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(211.160.204.419)	(145.066.081.288)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		13.105.209.091	-
23	Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		(87.302.000.000)	(135.600.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng		294.749.253.051	87.100.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty con		-	(138.420.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi và trái phiếu		23.460.423.093	23.241.845.719
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**32.855.680.816**	**(308.744.235.569)**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ tài phát hành cổ phiếu thường		10.000.000.000	334.288.800.000
33	Tiền thu từ đi vay		20.747.433.957.317	21.070.601.295.868
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(19.479.427.318.945)	(20.208.184.257.547)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(9.217.848.063)	(46.713.324.847)
36	Tiền cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(219.398.568.000)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**1.049.390.222.309**	**1.149.992.513.574**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**254.325.017.451**	**532.974.227.444**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	3	**751.445.944.055**	**219.161.716.845**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(367.432.536)	(690.000.234)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**1.005.403.528.970**	**751.445.944.055**

Các thông tin liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh 31.

Nguyễn Ngọc Bảo Châu
Người lập

Vũ Thị Huyền
Kế toán trưởng

Võ Hoàng Vũ
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 44 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3700477019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2002 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần điều chỉnh gần nhất lần thứ 28 ngày 4 tháng 8 năm 2022.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là NKG vào ngày 14 tháng 1 năm 2011 theo Quyết định số 05/2011/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Tập đoàn là:

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu, chi tiết sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn;
- Sản xuất sắt, thép, gang, chi tiết: sản xuất thép ống, thép hộp, thép hình và các sản phẩm từ thép cuộn, thép cán nguội, thép mạ kẽm, băng thép đen, băng thép mạ kẽm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: bán buôn sắt, thép các loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (không gia công tại địa điểm trụ sở chính); và
- Mua bán phế liệu (không chứa, phân loại, xử lý, tái chế tại trụ sở chính).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 4 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 3 công ty con và 1 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc. Chi tiết như sau:

Tên công ty/đơn vị trực thuộc	Địa chỉ đăng ký hoạt động	Ngành, nghề kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	
			2022	2021
Công ty con				
Công ty TNHH Một Thành Viên Ống thép Nam Kim	Tỉnh Long An, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ống thép Nam Kim Chu Lai	Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100%	100%
Công ty TNHH Dae Myung Paper Việt Nam	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), tôn mạ hợp kim nhôm kẽm phủ sơn, tôn mạ kẽm phủ sơn.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tôn Nam Kim Phú Mỹ	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Sản xuất các loại tôn thép: tôn mạ màu, tôn mạ kẽm; kinh doanh sắt thép các loại.	100%	-

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 03/2022/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 4 năm 2022, Hội đồng Quản trị đã thông qua quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Tôn Nam Kim Phú Mỹ tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với vốn đầu tư là 500 tỷ đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có 1.395 nhân viên (31 tháng 12 năm 2021: 1.451 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tập đoàn sử dụng đơn vị trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng").

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong năm.

2.9 Đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ cho mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua chứng khoán kinh doanh. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được lập khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường của các khoản chứng khoán kinh doanh này. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Thời điểm ghi nhận chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh; và
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Đầu tư tài chính (tiếp theo)

(a) Chứng khoán kinh doanh (tiếp theo)

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ")

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giác của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Tài sản cố định ("TSCĐ") (tiếp theo)

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	2 – 25 năm
Phương tiện vận tải	6 – 25 năm
Thiết bị văn phòng	5 – 10 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
TSCĐ khác	10 – 40 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.11 Thuê tài sản

Việc thuê tài sản mà bên cho thuê chuyển giao quyền sở hữu vào cuối thời hạn thuê và chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu tài sản cho bên thuê thì được hạch toán là thuê tài chính. Thuê tài chính được ghi nhận là tài sản tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản với giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cho thuê và giá trị hiện tại thuần của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc để duy trì một tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ thuê tài chính. Khoản phải trả nợ gốc không bao gồm chi phí tài chính, được hạch toán là nợ dài hạn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Thuê tài sản (tiếp theo)

Chi phí tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê. TSCĐ thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng ước tính của tài sản và thời gian thuê. Tuy nhiên nếu có sự chắc chắn hợp lý rằng bên thuê sẽ có quyền sở hữu ở cuối thời hạn thuê thì khấu hao sẽ được dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản.

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ; hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước được hạch toán theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hữu dụng ước tính. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất không được ghi nhận vào tài sản vô hình theo chính sách kế toán số 2.10 thì ghi nhận vào chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê trả trước.

2.13 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.14 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng và công ty tài chính.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.14 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

2.15 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm báo cáo.

2.16 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

2.17 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tập đoàn đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi năm báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1/1/2021) là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 1/1/2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ động sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho nhân viên.

(b) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

(c) Quỹ khác

Quỹ khác thuộc chủ sở hữu được trích lập từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ.

2.20 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

(a) Doanh thu bán hàng (tiếp theo)

- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(d) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu năm phát sinh.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.21 Các khoản giảm trừ doanh thu (tiếp theo)

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo.

2.22 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.23 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

2.24 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

2.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế tại thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.27 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

2.29 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Thời gian hữu dụng ước tính của TSCĐ (Thuyết minh 2.10 và 10); và
- Chi phí phải trả và các khoản dự phòng (Thuyết minh 2.7, 2.8, 2.15, 2.16, 5, 8 và 14).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2022 VND	2021 VND
Tiền mặt	1.535.353.919	780.774.638
Tiền gửi ngân hàng	946.768.175.051	670.173.387.697
Các khoản tương đương tiền (*)	57.100.000.000	80.491.781.720
	1.005.403.528.970	751.445.944.055

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn còn lại không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 5,1%/năm đến 6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3%/năm đến 3,2%/năm).

4 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Chứng khoán kinh doanh

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu	9.353.176	36.052.400	9.353.176	34.651.400

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	251.560.465.261	251.560.465.261	447.704.193.436	447.704.193.436
ii. Dài hạn				
Trái phiếu (**)	8.180.000.000	8.180.000.000	8.180.000.000	8.180.000.000
	8.180.000.000	8.180.000.000	8.180.000.000	8.180.000.000

(*) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,3%/năm đến 5,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: từ 3,5%/năm đến 5,5%/năm).

(**) Số dư này thể hiện trái phiếu được phát hành bởi các ngân hàng thương mại ở Việt Nam và hưởng lãi suất 7,3%/năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu của Công ty đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 16).

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Aceros Y Overollings	324.633.092.058	-
Khác	736.095.731.262	1.493.179.266.213
	1.060.728.823.320	1.493.179.266.213

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 8.804.043.060 đồng và 6.259.456.761 đồng đã được lập dự phòng toàn bộ.

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Giải trí Đại Dương	253.734.664.190	253.734.664.190
Công ty Cổ phần Vận tải Kim Cường Thịnh	70.227.270.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại - Sản xuất Xây dựng Hưng Thịnh	68.337.165.600	25.626.437.100
Khác	45.735.867.011	72.352.126.374
	438.034.966.801	351.713.227.664

7 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi và trái phiếu	5.375.938.291	-
Tạm ứng	471.290.980	1.530.842.303
Ký quỹ, ký cược	471.100.000	14.423.987.280
Phải thu khác	5.187.286.616	1.918.640.780
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	15.228.512.000	45.195.000.000
	26.734.127.887	63.068.470.363

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Ký quỹ, ký cược	2.310.962.017	6.500.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn không có khoản phải thu khác quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

8 HÀNG TỒN KHO

	2022		2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.105.445.224.396	-	1.976.427.593.059	(167.553.679.899)
Nguyên vật liệu	2.419.867.179.002	-	2.286.841.441.738	(252.781.426.200)
Công cụ, dụng cụ	244.143.896.979	-	224.977.494.966	-
Thành phẩm	3.464.146.869.548	(336.852.723.536)	3.979.607.350.708	-
Hàng hóa	21.055.922	-	21.055.922	-
Hàng gửi đi bán	103.645.712.194	-	233.783.725.829	-
	7.337.269.938.041	(336.852.723.536)	8.701.658.662.222	(420.335.106.099)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần hàng tồn kho luân chuyển của Tập đoàn đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 16).

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	2022 VND	2021 VND
Công cụ, dụng cụ	11.664.583.072	13.452.941.905
Khác	5.109.560.021	70.447.667
	16.774.143.093	13.523.389.572

Biến động chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	13.523.389.572	9.213.413.509
Tăng	36.423.875.416	23.171.922.493
Phân bổ	(33.173.121.895)	(18.861.946.430)
Số dư cuối năm	16.774.143.093	13.523.389.572

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	2022 VND	2021 VND
Quyền sử dụng đất	164.052.206.722	164.605.799.026
Công cụ, dụng cụ	49.407.310.606	31.236.728.007
Chi phí sửa chữa, đại tu nhà xưởng	7.035.631.631	6.264.643.215
Chi phí quảng cáo	3.579.183.333	6.688.975.375
Khác	3.285.754.986	-
	227.360.087.278	208.796.145.623

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	208,796,145,623	59,069,502,321
Tăng	67,203,725,473	26,435,328,585
Tăng do mua công ty con	-	167,418,208,282
Phân bổ	(48,639,783,818)	(44,126,893,565)
Số dư cuối năm	227,360,087,278	208,796,145,623

10 TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	707.966.849.535	3.850.289.897.927	255.273.422.469	15.772.768.756	725.753.480	**4.830.028.692.167**
Mua trong năm	-	4.035.545.327	20.993.419.866	737.700.000	-	**25.766.665.193**
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	42.467.746.906	25.974.497.054	22.871.256.408	-	-	**91.313.500.368**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(19.728.808.364)	-	-	**(19.728.808.364)**
Khác	-	(540.000.000)	-	-	-	**(540.000.000)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	750.434.596.441	3.879.759.940.308	279.409.290.379	16.510.468.756	725.753.480	**4.926.840.049.364**
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	299.888.722.519	1.880.022.727.371	111.296.110.454	8.551.649.468	453.046.309	**2.300.212.256.121**
Khấu hao trong năm	47.917.936.981	299.786.247.435	19.411.200.862	1.407.706.212	50.242.962	**368.573.334.452**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.682.117.729)	-	-	**(5.682.117.729)**
Khác	-	(58.500.000)	-	-	-	**(58.500.000)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	347.806.659.500	2.179.750.474.806	125.025.193.587	9.959.355.680	503.289.271	**2.663.044.972.844**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	408.078.127.016	1.970.267.170.556	143.977.312.015	7.221.119.288	272.707.171	**2.529.816.436.046**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	402.627.936.941	1.700.009.465.502	154.384.096.792	6.551.113.076	222.464.209	**2.263.795.076.520**

10 TSCĐ (tiếp theo)

(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, TSCĐ hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 1.694 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 2.530 tỷ đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (Thuyết minh 16).

Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 188,55 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 16,69 tỷ đồng).

(b) TSCĐ thuê tài chính

	Máy móc thiết bị VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	-
Thuê mới trong năm	41.899.309.383
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	41.899.309.383
Giá trị khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	-
Khấu hao trong năm	349.160.913
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	349.160.913
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	41.550.148.470

TSCĐ thuê tài chính liên quan đến các Hợp đồng thuê tài chính số 21822000538/HĐCTTC ngày 30 tháng 11 năm 2022 với Công ty Cho thuê Tài chính BIDV – SuMi Trust - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê là 13 tháng với lãi suất bao gồm lãi suất cố định là 8,2%/năm trong 3 tháng đầu tiên, sau đó lãi suất sẽ bao gồm lãi suất tham chiếu cộng với biên độ và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Tập đoàn được quyền mua lại theo 0,1% giá mua tài sản khi kết thúc thời hạn hợp đồng cho thuê. Toàn bộ máy móc thiết bị này được dùng làm tài sản thế chấp cho hợp đồng thuê tài chính (Thuyết minh 16).

10 TSCĐ (tiếp theo)

(c) TSCĐ vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	269.452.694.657	9.977.018.000	**279.429.712.657**
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	50.906.327.027	-	**50.906.327.027**
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	320.359.021.684	9.977.018.000	**330.336.039.684**
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	36.036.206.092	2.509.001.840	**38.545.207.932**
Khấu hao trong năm	7.359.602.987	1.497.353.049	**8.856.956.036**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	43.395.809.079	4.006.354.889	**47.402.163.968**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	233.416.488.565	7.468.016.160	**240.884.504.725**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	276.963.212.605	5.970.663.111	**282.933.875.716**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Quyền sử dụng đất của Tập đoàn đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản Tập đoàn vay tại các ngân hàng (Thuyết minh 16).

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tập đoàn đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 206.842.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 135.600.000 đồng).

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	2022 VND	2021 VND
Dự án nhà máy thép	218.687.679.323	96.639.683.148
Mua sắm, xây dựng cơ bản	1.032.935.582	69.539.299.866
Dự án mở rộng nhà máy thép Nam Kim Long An	-	9.827.920.060
	219.720.614.905	176.006.903.074

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG (tiếp theo)

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	176.006.903.074	58.575.728.261
Mua sắm, xây dựng cơ bản	186.907.788.266	125.997.658.319
Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 10(a))	(91.313.500.368)	(3.933.897.506)
Chuyển sang TSCĐ vô hình (Thuyết minh 10(c))	(50.906.327.027)	-
Chuyển sang công cụ, dụng cụ xuất dùng	(974.249.040)	(4.632.586.000)
Số dư cuối năm	219.720.614.905	176.006.903.074

12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Phải trả theo cam kết LC Upas - Thư tín dụng trả chậm	2.070.828.163.605	2.614.127.032.709
Phải trả nhà cung cấp khác	473.512.652.151	2.264.944.729.077
	2.544.340.815.756	4.879.071.761.786

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn không có khoản phải trả người bán nào bị quá hạn thanh toán.

13 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Aceros Y Overollings	45.150.875.000	57.938.827.173
SIA "Severstal Distribution"	28.532.555.481	739.357.113
Australian Steel	-	64.017.284.250
Khác	184.655.103.358	459.966.346.734
	258.338.533.839	582.661.815.270

14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2022			Tại ngày 31.12.2022	
	Phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp/ phải thu trong năm VND	Số đã nộp/ đã cấn trừ trong năm VND	Phải thu VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT được khấu trừ	819.891.064.434	-	3.120.342.109.312	2.924.483.731.891	624.032.687.013	-
Thuế GTGT hàng bán trong nước	-	-	1.012.420.832.733	1.012.420.832.733	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	68.503.327.710	549.059.002.219	602.314.077.549	-	15.248.252.380
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.053.762.933	5.078.624.614	6.127.277.107	-	5.110.440
Thuế TNDN	-	117.980.632.034	-	117.980.632.034	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.041.122.540	17.101.276.125	18.615.128.354	17.798.010	545.068.321
Các loại thuế khác	-	233.899.920	841.230.483	1.075.130.403	-	-
	819.891.064.434	189.812.745.137	4.704.843.075.486	4.683.016.810.071	624.050.485.023	15.798.431.141

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	12.239.567.955	13.446.082.244
Chi phí vận chuyển	9.878.952.726	35.921.902.820
Chi phí điện sản xuất	8.786.849.080	11.603.816.100
Chi phí quảng cáo	2.610.880.000	5.451.885.000
Khác	797.315.920	1.366.229.501
	34.313.565.681	67.789.915.665

16 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Đánh giá lại cuối năm VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay ngân hàng (*)	3.773.154.733.117	20.747.433.957.317	(19.461.527.967.347)	28.600.000.000	(10.159.449.815)	5.077.501.273.272
Nợ thuê tài chính (thuyết minh 16(c))	-	-	-	33.798.776.242	-	33.798.776.242
	3.773.154.733.117	20.747.433.957.317	(19.461.527.967.347)	62.398.776.242	(10.159.449.815)	5.111.300.049.514

16 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

Ngân hàng	Giá trị VND	Tiền tệ gốc	Đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận	168.145.222.759	USD	Tháng 6 năm 2023	3.5 % - 3.7%	Hàng tồn kho luân chuyển; quyền sử dụng đất; bất động sản; máy móc, thiết bị; khoản đầu tư vào công ty con; và tài sản của cá nhân
	2.068.294.855.120	VND	Tháng 6 năm 2023	4.5% - 8.2%	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi Nhánh 2 Thành phố Hồ Chí Minh	276.588.092.413	VND	Tháng 6 năm 2023	5.6% -8.0%	Phương tiện vận tải; máy móc thiết bị; hợp đồng tiền gửi; và hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương	484.048.690.603	USD	Tháng 6 năm 2023	3.2% - 3.8%	Hợp đồng tiền gửi; và hàng tồn kho luân chuyển
	668.021.448.230	VND	Tháng 6 năm 2023	4.8% -8.2%	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai	253.730.524.650	VND	Tháng 8 năm 2023	7%	Quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, nhà xưởng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn	115.229.169.582	VND	Tháng 4 năm 2023	7.2% - 9.8%	Hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	68.864.927.052	VND	Tháng 5 năm 2023	5.5% - 9.3%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	381.323.690.947	VND	Tháng 4 năm 2023	6.7% - 11.5%	Tín chấp và hợp đồng tiền gửi
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế	99.359.205.202	VND	Tháng 3 năm 2023	8%	Hàng tồn kho luân chuyển
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Sở giao dịch 2	493.895.446.714	VND	Tháng 12 năm 2023	5%	Hàng tồn kho luân chuyển; và máy móc thiết bị
	5.077.501.273.272				

Lãi suất cho các khoản nợ dài hạn đến hạn trả VND là 8,2%/năm. Lãi suất cho các khoản vay ngắn hạn VND và USD lần lượt từ 4,5%/năm đến 11,5%/năm và từ 3,2%/năm đến 3,8%/năm.

16 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2022 VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Tại ngày 31.12.2022 VND
Vay ngân hàng (*)	46.499.351.598	-	(17.899.351.598)	(28.600.000.000)	-
Nợ thuê tài chính (thuyết minh 16(c)	-	46.089.240.322	(9.217.848.063)	(33.798.776.242)	3.072.616.017
	46.499.351.598	46.089.240.322	(27.117.199.661)	(62.398.776.242)	3.072.616.017

(c) Nợ thuê tài chính

2022	Tổng nợ thuê tài chính VND	Chi phí lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	35.488.597.200	1.689.820.958	33.798.776.242
Trên 1 năm đến 5 năm	3.108.510.907	35.894.890	3.072.616.017
	38.597.108.107	1.725.715.848	36.871.392.259

2021	Tổng nợ thuê tài chính VND	Chi phí lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	-	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	-	-
	-	-	-

Tập đoàn đã thuê máy móc và thiết bị theo điều kiện của hợp đồng thuê tài chính được trình bày tại thuyết minh 10(b).

17 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	48.739.423.325	40.994.937.345
Trích quỹ (Thuyết minh 19)	66.757.831.747	8.858.085.980
Chi quỹ	(1.349.900.000)	(1.113.600.000)
Số dư cuối năm	114.147.355.072	48.739.423.325

18 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu phổ thông

	2022	2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	263,277,806	218,398,568

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	2022		2021	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Ông Hồ Minh Quang	37.391.097	14,20	28.159.249	12,89
Unicoh Specialty Chemical Co,. Ltd	13.248.000	5,03	11.040.000	5,05
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	13.104.000	4,98	10.920.000	5,00
Khác	199.534.709	75,79	168.279.319	77,05
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	263.277.806	100,00	218.398.568	100,00

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Cổ phiếu phổ thông	
	Số cổ phiếu	VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	181.999.868	1.819.998.680.000
Cổ phiếu mới phát hành	36.398.700	363.987.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	218.398.568	2.183.985.680.000
Cổ phiếu mới phát hành (Thuyết minh số 19)	44.879.238	448.792.380.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	263.277.806	2.632.778.060.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	ST chưa phân phối lũ VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.819.998.680.000	766.255.590.000	59.804.428.330	36.681.287.204	(78.043.577.721)	576.323.754.818	**3.181.020.162.631**
Lợi nhuận nhuần trong năm	-	-	-	-	-	2.225.261.058.221	**2.225.261.058.221**
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	256.245.222.279	-	-	78.043.577.721	-	**334.288.800.000**
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	363.987.000.000	(236.593.540.000)	-	-	-	(127.393.460.000)	**-**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.858.085.980)	**(8.858.085.980)**
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	14.763.476.633	-	-	(14.763.476.633)	**-**
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	5.905.390.653	-	(5.905.390.653)	**-**
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(8.508.240.327)	**(8.508.240.327)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	2.183.985.680.000	785.907.272.279	74.567.904.963	42.586.677.857	-	2.636.156.159.446	**5.723.203.694.545**
Lỗ nhuần trong năm	-	-	-	-	-	(124.684.837.727)	**(124.684.837.727)**
Vốn tăng trong năm (**)	10.000.000.000	-	-	-	-	-	**10.000.000.000**
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	438.792.380.000	-	-	-	-	(438.792.380.000)	**-**
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(219.398.568.000)	**(219.398.568.000)**
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18) (**)	-	-	-	-	-	(66.757.831.747)	**(66.757.831.747)**
Trích quỹ đầu tư phát triển (**)	-	-	111.263.052.911	-	-	(111.263.052.911)	**-**
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (**)	-	-	-	44.505.221.164	-	(44.505.221.164)	**-**
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.712.322.000)	**(2.712.322.000)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.632.778.060.000	785.907.272.279	185.830.957.874	87.091.899.021	-	1.628.041.945.897	**5.319.650.135.071**

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 001/2022/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc trích lập quỹ dự trữ, qũy khen thưởng, phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển lần lượt theo tỷ lệ 2%, 3% và 5% từ LNST hợp nhất năm 2021. Đồng thời, Đại hội đồng Cổ đông cũng đã thông qua quyết định chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và bằng tiền với tỷ lệ lần lượt là 20% và 10% vốn điều lệ.

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 001/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2021, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/2021/NĐ-HĐQT ngày 26 tháng 10 năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 08/2021/NĐ-HĐQT ngày 26 tháng 10 năm 2021, Tập đoàn đã phát hành thêm 1.000.000 cổ phiếu cho các Cán bộ quản lý của Tập đoàn đã có đóng góp tích cực trong việc hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2021 với giá phát hành 10.000 đồng/ cổ phiếu.

20 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi, chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2022	2021 (**)
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	(124.684.837.727)	2.225.261.058.221
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(69.470.153.747)
	(124.684.837.727)	2.155.790.904.474
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	263.225.203	255.059.761
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	(474)	8.452

(*) Tập đoàn chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

(**) Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được tính lại để phản ánh số thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, cũng như điều chỉnh cho số lượng cổ phiếu thưởng đã phát hành trong năm 2022.

20 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	2.225.261.058.221	-	2.225.261.058.221
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(69.470.153.747)	(69.470.153.747)
	2.225.261.058.221	(69.470.153.747)	2.155.790.904.474
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	213.568.012	41.491.749	255.059.761
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	10.419		8.452

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 34.

(b) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 38.999.033 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 25.729.723,13 Đô la Mỹ).

22 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2022 VND	2021 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	22.587.517.520.377	27.684.016.072.738
Doanh thu khác	540.811.470.208	522.133.783.013
	23.128.328.990.585	28.206.149.855.751
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu thương mại	(33.034.669.362)	(23.263.689.075)
Giảm giá hàng bán	(12.837.773.257)	(997.097.194)
Hàng bán bị trả lại	(11.209.262.719)	(8.486.833.256)
	(57.081.705.338)	(32.747.619.525)
Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	22.530.435.815.039	27.651.268.453.213
Doanh thu thuần khác	540.811.470.208	522.133.783.013
	23.071.247.285.247	28.173.402.236.226

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2022 VND	2021 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	21.673.368.902.045	23.483.210.205.879
(Hoàn nhập)/ dự phòng hàng tồn kho	(83.482.382.563)	420.335.106.099
	21.589.886.519.482	23.903.545.311.978

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi và trái phiếu	28.836.361.384	15.154.020.441
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	271.184.343.033	183.991.980.618
Lãi thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	2.374.950.035	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	487.517.903	72.434.807
	302.883.172.355	199.218.435.866

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	262.466.234.780	182.426.809.010
Lỗ chệch lệch tỷ giá đã thực hiện	240.515.014.101	133.371.508.917
Phí LC Upas - Thư tín dụng trả chậm	-	61.258.428.346
Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm	-	20.359.041.207
Khác	3.673	50.433.310
	502.981.252.554	397.466.220.790

26 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2022 VND	2021 VND
Chi phí vận chuyển	1.137.814.395.874	1.326.107.827.787
Chi phí nhân viên	25.019.011.637	32.841.841.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.841.603.311	32.489.244.051
Khác	11.651.895.938	6.512.318.803
	1.202.326.906.760	1.397.951.232.015

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	47.195.016.923	52.152.530.643
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.442.511.531	13.360.102.257
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.252.223.771	45.531.321.535
Dự phòng phải thu khó đòi	2.544.586.299	4.570.838.108
Khác	12.346.095.701	7.105.996.310
	185.780.434.225	122.720.788.853

28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Tập đoàn được hưởng ưu đãi thuế như sau:

(a) Đối với dự án nhà máy thép Nam Kim 3:

Tập đoàn được miễn thuế TNDN 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2017 – 2018) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo (2019 – 2022) đối với thu nhập thực hiện từ dự án.

28 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN") (tiếp theo)

(b) Đối với Công ty TNHH Một Thành viên Ống thép Nam Kim ("Công ty Ống thép"):

Tập đoàn được miễn thuế TNDN 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2017 – 2018) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo (2019 – 2022) đối với thu nhập thực hiện từ công ty này.

Số thuế TNDN trên lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2022 VND	2021 VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(106.912.505.314)	2.562.028.980.555
Thuế tính ở thuế suất 20%	(21.382.501.063)	512.405.796.111
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	355.872.973	230.561.013
Lỗ từ dự án nhà máy thép đã được sử dụng	-	(175.938.110.454)
Lỗ từ dự án nhà máy thép và công ty con mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	38.798.960.503	69.675.664
Chi phí thuế TNDN	17.772.332.413	336.767.922.334
Chi phí/ (thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:		
Thuế TNDN - hiện hành (*)	-	356.682.935.566
Thuế TNDN - hoãn lại	17.772.332.413	(19.915.013.232)
	17.772.332.413	336.767.922.334

(*) Chi phí thuế TNDN hiện hành cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

29 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.416.660.482.100	25.241.307.769.575
Chi phí khấu hao TSCĐ	377.779.451.401	378.833.971.310
Chi phí nhân viên	262.339.049.123	331.821.183.553
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.810.408.255.299	1.975.796.574.959
Khác	36.542.815.833	43.841.846.103
	24.903.730.053.756	27.971.601.345.500

30 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu. Tập đoàn không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, TSCĐ, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

	2022 VND	2021 VND
Xuất khẩu	13.591.986.427.266	19.200.454.891.908
Trong nước	9.479.260.857.981	8.972.947.344.318
Doanh thu thuần về bán hàng	23.071.247.285.247	28.173.402.236.226

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh các loại tôn thép, tôn mạ kẽm, tôn mạ hợp kim nhôm kẽm là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

31 THUYẾT MINH CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	2022 VND	2021 VND
Vay theo khế ước thông thường	20.747.433.957.317	21.070.601.295.868

(b) Số tiền đã thực trả nợ gốc vay trong năm

	2022 VND	2021 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	19.461.527.967.347	20.208.184.257.647

32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm bao gồm:

		2022 VND	2021 VND
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt			
Ông Hồ Minh Quang	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	2.557.795.975	2.652.943.424
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc	2.205.118.082	2.250.187.268
Ông Nguyễn Vinh An	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc	1.190.327.538	1.756.830.884
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Thành viên Hội đồng quản trị	100.000.000	140.000.000
Ông Võ Thời	Thành viên Hội đồng quản trị	100.000.000	140.000.000
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Thành viên Hội đồng quản trị	100.000.000	140.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Nhi	Trưởng ban kiểm soát	308.757.560	374.968.424
Bà Võ Thị Vui	Thành viên ban kiểm soát	353.625.101	290.794.149
Ông Lê Nhật Tân	Thành viên ban kiểm soát	298.888.686	305.049.075
Các thành viên khác	Thành viên Ban Tổng Giám Đốc	5.857.438.212	8.591.416.792
		13.071.951.154	16.642.190.016

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7)

	2022 VND	2021 VND
Ông Hồ Minh Quang - Tạm ứng	15,000,000,000	30,000,000,000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên - Tạm ứng	228,512,000	195,000,000
Ông Võ Hoàng Vũ - Tạm ứng	-	15,000,000,000
	15,228,512,000	45,195,000,000

33 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	2022 VND	2021 VND
Trong vòng 1 năm	1.068.162.102	225.116.559

33 CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	2022 VND	2021 VND
Xây dựng cơ bản TSCĐ	54.480.991.698	82.281.438.810

(c) Cam kết góp vốn

	Tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ %	Số tiền cam kết sẽ góp VND	Số tiền đã thực góp VND
Công ty TNHH MTV Tôn Nam Kim Phú Mỹ	100	500.000.000.000	1.500.000.000

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn Ngày 28 tháng 3 năm 2023.

Nguyễn Ngọc Bảo Châu	Vũ Thị Huyền	Võ Hoàng Vũ
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Bình Dương, Ngày 10 tháng 04 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ HOÀNG VŨ